

KINH LÝ VĂN PHÒNG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ — Saigon

Điện-thoại: 23.187



Phạm - văn - Lạng

Giám - Định Trắc - địa - sư
Géomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giản

SAIGON

CALCIUM TANA

A L'ACIDE GLUTAMIQUE

Thuốc CALCIUM TANA à L'ACIDE GLUTAMIQUE là thuốc uống để phòng lao và bổ óc rất cần cho Sinh-viên và Trí-thức lao-lực để bồi bổ tinh thần và nâng cao trí tuệ.

Nhiều nhà Bác-học ÂU-MỸ đã dày công nghiên cứu và cùng đi đến kết luận sau đây: **chất ACIDE GLUTAMIQUE bồi bổ cho óc người lớn cũng như con nít được thêm trí nhớ và trí thông minh**

Trong thuốc Calcium TANA à l'Acide glutamique có thêm Glycocolle chất này là một thứ Acide animé mà ta thường thấy trong Cao bô cốt, Cao gạc, Cao dương, Cao quý v.v... Glycocolle đem sinh lực giúp cho người làm việc nhiều khối mệt nhọc và ăn được, ngủ được.

Còn về chất Calcium thì từ xưa đến nay đã được Y-học dùng để phòng và chữa các thứ bệnh lao, như là lao phổi mà các giới Sinh-viên, Trí-thức và lao-động thường hay mắc phải. Chất Calcium cũng rất cần cho trẻ em ốm yếu, lớn cũng như cho phụ-nữ trước và sau ngày sanh đẻ.

Muốn đem áp dụng những kết quả tốt đẹp đó, nhà thuốc TANA chế ra thuốc **CALCIUM TANA à L'ACIDE GLUTAMIQUE** để Đồng-bào dùng.

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC ÂU-MỸ

PHỎ-THÔNG

TẠP - CHÍ

GOP PHẦN XÂY DỰNG VĂN-HÓA VIỆT NAM
PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG-TÂY KIM-CO

Giám-đốc, Chủ-bút: *Nguyễn-Vỹ*

Tòa-soạn: 233, đường Phạm-Ngũ-Lão, Saigon — Đ.T. 25.861



NĂM THỨ V ★ số 87 ★ 1-9-62

- 1.— Một quyết-dịnh rất hợp thời
của Bộ Q.G.G.D Nguyễn-Vỹ 7 — 9
- 2.— Những bi-ên về Cao-bá-Quát Kiêm-Đạt 10 — 13
- 3.— Jim Savage, vua mọi Da-Đỏ Vũ-Sinh 14 — 20
- 4.— Đêm nay, ý tha-hương (thơ) Phùng-lê-Ánh
Mộng-hoa-Huyền 21
- 5.— Nhân vật xuân thu Thiều-Sơn 22 — 27
- 6.— Bữa cơm (truyện ngắn) Lưu-Kiểm 28 — 34
- 7.— Gái thương ngồi mơ (thơ) Đặng-hoàng-Hồ 35
- 8.— Một giấc mơ hoa Duyên-Hồng 36 — 43
- 9.— Văn-đề học Sinh-ngữ Nguyễn văn Cồn 44 — 47
- 10.— Tuấn, chàng trai nước Việt Nguyễn-Vỹ 48 — 54
- 11.— Ước mơ (thơ) M.T. 55
- 12.— Công cuộc tạo-hóa vẫn chưa xong Marlis Post 56 — 58
- 13.— Bàn về một vài từ-ngữ Việt Jaya Parang 59 — 64

14.— Người hóa cá (truyện ngoại-quốc) . . .	Kim-Lương	65 — 71
15.— Xem tranh của họa-ĩ Lê-cai-Phan . .	Châu-Giang	72 — 74
16.— Một vũng sâu (thơ).	Mạc-lệ-Kiều	75
17.— Những người dân-bà lừng danh trong lịch-sử : VŨ-HẬU	Tân-Phong	76 — 80
18.— Tìm vàng dưới đáy bể.	Trần-tử-Thuận	81 — 87
19.— Minh ơi !	Diệu-Huyền	88 — 96
20.— Phở-Thông vòng quanh thế giới. . .	Xuân-Anh	97 — 99
21.— Xã-giao theo đời sống mới	Tân-Phong	100 — 102
22.— Khánh-thành nhà máy pha chế dầu nhớt .	P.T.	103 — 105
23.— Mồ hôi nước mắt (truyện dài). . .	Nguyễn-Vỹ	106 — 111
24.— Thơ lên ruột	Diệu-Huyền	112
25.— Sách báo mới	P.T.	113
26.— Thư bạn đọc	Phở-Thông	114 — 117
27.— Đáp bạn bốn phương	Diệu-Huyền	118 — 130

★ Ngoài những bài ký tên Nguyễn-Vỹ, Diệu-Huyền, Tân-Phong, Tạp-chí PHỞ-THÔNG không chịu trách nhiệm về các bài lai cáo của các tác-giả khác. (Theo thể lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.

- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỞ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích Tạp-chí PHỞ-THÔNG » và đừng viết tắt.
- Cấm trích, dịch, phỏng đặng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays. Copyright by PHỞ-THÔNG, printed in Việt-Nam.

MỘT ĐỀ-NGHỊ RẤT HỢP - THỜI CỦA Ủy-ban Q.G.G.D.

10.000 GIÁO-SƯ TRUNG-HỌC sẽ được phép chính-thức hành-nghề ?

S AU mười năm chiến tranh giành độc-lập, số giáo-sư bị thuyên giảm rất nhiều. Họ đã xả-thân đền nợ Nước, hoặc, nếu còn sống, bỏ nghề dạy học xoay qua tìm việc ở các giới khác, làm những nghề khác, kể cả các nghề lao-dộng chân tay. Một số rất đông giáo-sư trung-học thời Pháp-thuộc đã trở thành tiểu-thương-gia, làm ruộng, làm thợ, làm thủ công, (kể cả nghề làm tấm xia răng bán 1 đồng 1 bó) hoặc chịu cảnh thất-nghiệp. (Ở Hà-nội, vào khoảng năm 1932-33 danh-từ do sinh-viên đặt ra gọi trí-thức Thất-nghiệp là nghề *xia răng Cọp — des «Xirangcopeurs»*, hoặc làm các nghề bán chiếu, đan nón, bán hàng cơm, hàng xén, làm tài xế taxi, và... cả tài-xế Lambretta chở hành-khách trên các đường tỉnh, đường quận.

Chỉ có một số ít trở về nghề dạy-học mà xưa kia nhà tiểu-thuyết Nguyễn-công-Hoan gọi khôi-hài là nghề *Codautre* (1)

Một dịp khác, chúng ta sẽ tìm hiểu tại sao các nhà Giáo-sư « cưu-trào » chán nghề dạy học hiện giờ. Ở đây chúng ta chỉ

(1) Gõ-dầu-trẻ.

đề-cập đến biện-pháp do một Ủy-ban của Bộ Quốc-gia Giáo-dục vừa mới đề-nghị, mục-đích là bổ-khuyết các ngạch trong giáo-giới, và hợp-thức hóa sự hành-nghề của đa số Giáo-sư mới không có bằng cấp hợp-lệ.

Biện-pháp này rất hợp-thời, rất cần-thiết, vừa để điều chỉnh tình-trạng các giáo-sư trung học chưa được Bộ Giáo-dục chính-thức công-nhận, vừa để gạt-bỏ bớt số « giáo-sư nhảy-dù », kém tài, kém đức, trong giới tư-thực hiện nay.

Biện-pháp đã đề-nghị lên ông Bộ-trưởng Quốc-gia Giáo-dục như sau đây :

1) Các giáo-sư từ **36** tuổi trở lên, đã dạy **10** năm, được **hợp-thức hóa vĩnh-viễn**. Nghĩa là giáo-sư đã có **26** tuổi tối thiểu hồi năm **1952** ít nhất cũng đã có học-lực tương-đương với bằng Tú-Tài Pháp thời bấy giờ. Nếu họ đã dạy các lớp đệ-nhất và đệ-nhi cấp liên-tục trong 10 năm qua, thì đến nay họ đã có đầy đủ kinh-nghiệm và khả-năng dạy các lớp đệ-nhất và đệ-nhi cấp, xứng đáng như một giáo-sư thực-thụ ;

2) Các giáo-sư từ **26** tuổi trở lên, đã dạy **5** năm, được **hợp-thức hóa tạm thời**. Nghĩa là giáo-sư đã có tối-thiểu là 21 tuổi hồi năm **1957**, ít nhất cũng phải có học-lực tương-đương với bằng Tú-tài mới dạy được các lớp Trung-học đệ nhất-cấp. Tuy-nhiên, đến nay họ mới hành-nghề được 5 năm, vẫn chưa có đầy đủ kinh-nghiệm, nên Bộ Giáo-dục sẽ buộc họ phải tu-nghiệp trong 2 năm tại Trung-tâm tu-nghiệp do Bộ thiết-lập, để bổ-túc và hoàn-bị những khả-năng và kinh-nghiệm của họ.

Trong buổi giao-thời còn đang thiếu-thốn các ngạch giáo-giới, biện-pháp của Ủy-ban Bộ Giáo-dục sẽ đặt ra một kỷ-luật rất thích-hợp, và chỉnh đốn lại tình-trạng thất thường. Mười năm kinh-nghiệm trong nghề, hoặc hai năm tu-nghiệp bổ-túc, được đánh giá cộng-bằng như một bằng cấp chính-thức được trọn quyền hành nghề sư-phạm.

3) Các Giáo-sư từ **24** tuổi mà **không có bằng tú tài, phải**

học thi lại để lấy bằng này mới được phép dạy học. Quyết-dịnh này có tính cách kỷ-luật đáng chú ý. Vì đa số phụ-huynh học sinh thường phàn-nàn rằng ở nhiều tư-thực Trung-học có một số thanh-niên chưa thi đỗ bằng Tú-tài mà đã mệnh danh « giáo-sư » dạy các lớp đệ nhất-cấp. Theo lời các phụ-huynh, hình như có những « giáo-sư » học lực bằng lớp đệ-tứ mà vẫn dạy các lớp đệ-ngũ, đệ-tứ.

Quyết-dịnh vừa rồi của Bộ Quốc-gia Giáo-dục bắt buộc các giáo-sư phải nộp hồ-sơ đầy-đủ với bằng-cấp cần-thiết, có lẽ sẽ chấm-dứt tình-trạng « giáo-sư nhảy dù » ấy chẳng.



N HÂN tiện bàn về sự thiếu các ngạch giáo-sư Trung-học, chúng tôi mong Bộ Giáo-dục lưu-ý đến một số đông các giáo-sư cựu-ngạch già-dạn kinh nghiệm, và thừa khả-năng, hiện bị lãng quên. Trong lúc thiếu giáo-sư chuyên-nghiệp, chúng tôi thiết tưởng nên mời các bậc mô-phạm lão-thành ấy ra gánh một phần trách-nhiệm giáo-huấn. Về trí-dục cũng như đức-dục, các vị ấy có thể là những giáo-sư gương-mẫu cho thế-hệ hiện nay.

Những « Thầy Trợ-giáo » đã đỗ bằng « Thành-Chung » hay bằng Tú-Tài từ năm 1945 trở về trước, bây giờ có thể là những vị Hiệu-trưởng, hoặc giáo-sư Trung-học rất đáng tin cậy. Một số đông hiện đã được dạy tại các trường công-lập, hoặc tư-thực, và đã được học sinh quý mến. Còn một số rất đông đang thất-nghiệp, hoặc làm các nghề khác không xứng đáng với vốn liếng sư-phạm của họ.

Trong lúc Bộ Quốc-gia Giáo-dục đang điều-chỉnh lại tình-hình giáo-giới, thiết-tưởng các vị giáo-sư lành nghề ấy sẽ giúp ích không ít cho Học-đường.

N. V.

NHỮNG
BÍ - ẨN
VỀ

CAO-BÁ-QUÁT

và vụ

MỸ - LƯƠNG

★ KIỂM-ĐẠT

(Giáo-sư Trung học
Đệ-nhi-cấp — Saigon)

TRONG Tạp - chí Phồ - Thông số 39 (tháng 8-1960) trong bài « *Câu đối... của Cao-Bá-Quát hay Nguyễn-công-Trứ* », ông Nguyễn-Vỹ có biện luận về câu đối « Nhà trống ba gian, một thầy, một cô, một chó cái ; học trò dăm đứa nửa người, nửa ngợm, nửa đười-ươi » không phải là của Cao-Bá-Quát. Ông viện cớ rằng « Cao-Bá-Quát làm giáo thụ là một chức quan lại của Học-chính thuở trước(...) ở Quốc-Oai, là một phủ lớn của trấn Sơn-Tây (trang 89), cách thủ-đô Thăng-Long vào khoảng 80 cây số (trang 90). Mà giáo thụ là « một chức quan lại được đến hàm chánh Thất-phẩm, Hàn-Lâm Viện Biên Tu,

lớn hơn chức *Huấn-Đạo* ». Sau cùng, ông xác định « câu đối ấy chỉ có thể là của một ông Đồ nho, thi cử lặn độn cứ rớt hoài » (trang 90) và tin là của *Nguyễn-Công-Trứ* lúc làm lính ở Quảng-Ngãi năm (1843).

Khác với ông Nguyễn-Vỹ, trong cuốn « *Câu-Đối* » của Ôn-Như Nguyễn-văn-Ngọc, (Việt-Văn Thư Xã — Vĩnh-Hưng-Long Thư Quán — In lần nhất 1931) thì tác giả này lại gán cho *Ông-Ích-Khiêm* (1).

(1) Chép như sau : *Nhà đột đôi ba gian... Học trò năm bảy đứa... »*

NHỮNG BÍ ẨN VỀ CAO-BÁ-QUÁT

Theo Ôn-như, *Ông-Ích-Khiêm* « than thân khi làm huấn đạo ở một huyện kia, tại Thanh-Hóa. Ông vốn là một người Chăm, có khí-khái, có văn chương, có tài điều binh, khiển tướng, lâu mới đỗ Cử-nhân, được bổ làm một chức Huấn-Đạo nhỏ », vì vậy nên « ông làm hai câu này là có ý tỏ nỗi oán bình vậy » (sách đã dẫn — trang 75).

Hai lập luận trên đây — của ông chủ-nhiệm báo Phồ-Thông và tác giả cuốn « *Câu Đối* » đem lại cho nhà biên-khảo một nghi-điêm cần chất-cuỳnh lại : Cuộc khởi nghĩa Mỹ-Lương là kết tụ những ước vọng cao-xa chưa thành và tánh kiêu-căng của ông.

Từ trước, ông từng muốn nổi danh, làm nên tiếng phi thường, muốn làm giàu, xoay bạc ốc lại lâu dài, ném thanh-khâm sang cầm tú, muốn thi đỗ, « nghiên cánh nhạn tểch mái rừng Nhan, Khổng ; cựa đuôi kinh toan vượt bể Trình Chu », muốn gặp thời, « hãy bền lòng chờ chút oán vu ; Thời chí hỷ, ngư-long biến-hóa », muốn tạo nên *Nghiêu-Thuần* « ngã quân tử kiến cơ nhi tác,

dục vi *Nghiêu Thuần* quân dân ».

Hơn nữa, bản-tính họ Cao lại kiêu-ngạo. Đọc thơ *Mạc-vân thi-xã* thì lắc đầu, thề lưỡi, chê *Nguyễn-công-Trứ* là kẻ tự cao, *Hà-Tôn-Quyền* là người nịnh hót, *Nguyễn-Nhạ* hay « căn » người, *vua Tự-Đức* là kẻ « khù khờ ». Tự kiêu rồi tự cao, cho mình đã chiếm hết nửa số chữ-ngĩa trong khắp thiên-hạ.

Đã thế, trên đường công danh, ông lại vấp nhiều thất-bại chua cay : thi đỗ Á-Nguyên, (1831) thì lại bị phạm-húy, làm quan sợ, khảo thì lại sửa chữa 24 quyền thi, đến nỗi phải bị phát vắn vào Đà-nẵng, sang Tân-Gia-Ba cùng phái bộ của Đào-Trí-Phú lúc trở về chỉ được thăng chủ sự rồi bị đưa làm giáo thụ ở Quốc-Oai.

Theo tài liệu của Trúc-Khê Ngô-văn-Triệu (trong cuốn « *Cao-Bá-Quát* » Tao-Đàn xuất bản) thì vị tiểu-phủ-sứ đánh giặc Mỹ-Lương lại là Nguyễn-Bá-Nghi kẻ tử thù của họ Cao. Cao đã gieo nhiều mối họa cho bản thân. Có chăng, chỉ còn được một kẻ đồng tâm : *Nguyễn-văn-Siêu*.

Trong Văn-học tạp-chí, năm 1939, cụ Ứng-Hồ Nguyễn-văn-Tổ đã khai thác được một tài liệu hy-hữu về Cao-Bá-Quát. Đó là bài « Văn-Tế vua Lê-Thái-Tổ ».

Cứ theo cụ Ứng-Hồ thì :

« Lúc Cao-Bá-Quát bị bắt (vào tháng 12-1854), dòng họ Cao bị tru-di tam tộc, ông bị đưa về kinh. Lúc đoàn người áp-giải ngang qua làng Bồ-Vệ, tỉnh Thanh-Hóa, chợt thấy đèn thờ của vua Lý-thái-Tổ, ông xin vào tế tam sinh, đồng thời ứng-khầu đọc bài thơ :

Ngô sanh bất phụ thử sơn hà
Thiên-địa vô tình khả nại hà ?
Vinh biệt sầu văn Nam-Phố khúc
Hoàn hương, tu tụng Đại-Phong ca.

Thiên niên cổ quốc tinh-linh tại,
Nhất khứ anh-hùng âm hận đa.
Điếu bá miếu-đường, chung
nhật cảm,

Y nhiên, tích thụ phát kim-hoa
(theo bản « Văn Học tạp chí »)

Nghĩa là :

« Ta sanh ra, không phụ bạc
nước non này,
Trời đất vô tình với ta, không
biết bao nhiêu nữa.
Vinh biệt, buồn nghe khúc ca
Nam Phố,

Về làng, nên đọc bài ca khải
hoàn.
(Đại-Phong-Ca)

Nước cũ ngàn năm, còn lại tinh-
tủy linh-thiên,

Một bước ra đi, khách anh-hùng
uống nhiều hận.

Lạy tạ miếu-đường, suốt ngày
cảm động

Cây lá xưa, vẫn như cũ, nở cành
hoa ngày nay ».

Trong Văn Đàn Bảo Giám cuốn thứ 2, trang 266-67 (in lần thứ ba) Nam-Kỷ Thư-Quán, có chép :
« Ông Ich-Khiêm khi còn nhỏ đi học, một hôm ra lĩnh chơi, gặp các quan tỉnh đi làm lễ nghinh-xuân. Có quan Tổng-đốc ngồi võng đôn con giá diều, đầu che 4 lọng xanh, đi tới đầu, 2 bên hàng phố đều phải đứng dậy chào, duy ông Khiêm cứ ngồi nghiêm nhiên ở trong hàng nước, xấu hai chân vào chiếc giày rách của ai bỏ đó.

Quan thấy vô lễ, sai lính bắt lại hỏi.

Quan thấy nói là học trò, liền hỏi về sự học-hành, thì ông Khiêm ứng-đối rất hoạt-bát. Sau, quan ra một câu đối, bắt phải đối ngay sẽ tha :

« Cắt cớ thay ! hai cẳng xoắn vô
giày »

Ông Khiêm ứng khẩu đối ngay :
« Sung-sướng mấy, một đầu
che lổn lọng »

(còn 2 câu trên là câu đối dán ở học đường).

Bài thơ trên « đã chiếu sáng được hoài bão thâm-kín » của họ Cao có tính chất « chủ-động hơn là xuẩn-động » (V.H.T.C.). Tự cho mình là một Lý-thái-Tổ, một Hán-cao-Tổ, ý hẳn ông đã muốn làm việc phi-thường. Có người gọi đây là một cuộc « cách mạng ».

Hai câu thơ trên cờ giặc Châu-Chấu :

« Bình-Dương, Bồ-Bản vô
Nghieu, Thuấn »

« Mục Dã, Minh-Điều hữu Võ,
Thang »

Vừa có tính chất dả-phá lẽ-lối và quan-điểm chánh-trị quá cận thị của vua Tự-Đức (về trên) lại muốn đề cao giá-trị khởi nghĩa ở Mỹ-Lương (về dưới). Vì thế cho nên, khi bị bắt, ông không ta-thán, không mong-mỏi sự tha-thứ như Cao-bá-Nhạ trong Tự-Tình-Khúc, mà thật ra chỉ là một mối tiếc thắm, trách cứ :

« Trối chân kỳ-kỷ, tra vào rọ
Rút ruột tang bồng, trả nợ
cơm »

Cho đến phút cuối cùng cũng thế. Trên kia, ta đã thấy sự đắc thắng trong mộng tưởng của

Chu-thần, phảng phất cái tinh-thần đặc-thẳng của Don Qui-chotte của Cervantès, của A.Q. (hay Á-Quay) của Lỗ-Tấn hay của Tú-Xương trong bài « Tết dán câu đối », của Tản-Đà trong Giấc-Mộng-Lớn. Chu-thần hẳn bằng lòng về hành-động của mình, hoàn-toàn chịu trách-nhiệm về cuộc thất bại, nên chỉ than thân :

Ba hồi trống giục, dù cha kiếp
Một nhất gươm đưa, bỏ mẹ
đời !

Hai nghi-vấn văn-học và những tài liệu bổ-chính đó đã giúp cho chúng ta đặt lại cơ-sở tinh-thần toàn-diện của Chu-thần trên cuộc đời và trong sự nghiệp. Những vấn-đề : cách-mạng, ngạo mạn, kiêu-căng, đối-kháng... của họ Cao báo trùm trong nghĩa đó. Đến đây thì chúng ta cũng đã thấu rõ cái nhìn của Nguyễn văn-Siêu trước hai cái xác họ Cao hàng Phú-Thị. Rằng :
Tai tai ! quán cổ tài danh, nan
đệ, nan-huynh, bất thể ngẫu sinh
hoàn ngẫu tử.

Dị-hỹ ! đáo đầu sự thế, khả
liên, khả ố, hồn-trần, lưu xú
diệc lưu-phương.

KIỂM-ĐẠT



N NGÀY 28 tháng 10 năm 1850, quang cảnh thành phố *Cyru Kim Sơn* thật là tung bừng náo nhiệt. Quốc-kỳ Mỹ tung bay trên khắp các ngã đường và nhà nào cũng chăng đèn kết hoa để sửa soạn đón mừng ngày xứ *Californie* trở thành một tiểu bang của Hợp Chúng Quốc, dự định tổ chức vào sáng hôm sau.

Khoảng trưa hôm ấy, dân chúng *Cyru Kim Sơn* được chứng kiến một cuộc diễu hành đặc biệt : 50 tù trưởng da đỏ mặc quần áo đại lễ, và cưỡi những con ngựa thật đẹp, từ từ tiến vào thành phố để tới đóng tại một trại tạm trú thiết lập trong một khu công viên. Nhưng

JIM SAVAGE

vua mọi Da-Đỏ

★ VŨ-SINH

Câu chuyện ly kỳ của một người lái buôn da trắng đã dùng nhiều mảnh khoé xảo quyệt để trở nên một ông Vua

dân chúng tụ tập ở hai bên đường, không phải để hoan nghênh đoàn kỵ-sĩ da đỏ mà là

JIM SAVAGE VUA MỌI DA ĐỎ

để chiêm ngưỡng một người da trắng cao lớn, mặc bộ đồ bằng da hoẵng, dẫn đầu cuộc diễu hành.

Đó là *Jim Savage*, người đã được các tù trưởng da đỏ suy tôn là « *Vua của toàn thê người da đỏ trong miền Tulare.* » Cách đó mấy năm về trước, *Savage* chỉ là một lái buôn tầm thường, nhưng rồi nhờ ở những mảnh khoé bịp bợm tài tình, *Savage* đã trở nên một ông Vua. thật sự, với một kho vàng khổng lồ, và 25 cô vợ trẻ đẹp. Cuộc đời ngoại hạng của *Savage* là một trong những câu chuyện thú vị nhất trong thời kỳ Tây Tiến của dân tộc Mỹ, đã được báo chí quốc tế nhắc tới nhiều lần.



MỘT VỊ « THÁNH SỐNG »

James D. Savage sanh năm 1823 trong một gia đình nông dân miền Illinois. Năm 23 tuổi,

Savage cùng người vợ mới cưới đáp xe lửa đi *Californie* thuộc miền Tây Hoa-kỳ để tìm kế sinh nhai. Nhưng khi vừa tới nơi thì *Savage* đã trở thành góa vợ, vì người thiếu phụ mảnh dẻ đã không chịu nổi những sự khó nhọc ở dọc đường. *Savage* chôn vợ ngay bên cạnh đường xe lửa rồi gia nhập quân đội *Californie* (lúc đó Hoa-kỳ đang có chiến tranh với Mễ-Tây-Cô).

Theo quân đội được 6 tháng, *Savage* xin giải ngũ và kiếm được một chân bán hàng tại *Sutters Fort* khi ấy là một trong những trung tâm thương mại phồn thịnh nhất ở miền Tây Hợp-Chúng-Quốc.

Cuối năm 1847, *Jim Savage* đã có đủ vốn liếng để mở một cửa hàng riêng. Rồi, một người một ngựa, *Savage* lên đường đi tới miền *Tulare*, nơi mà anh nghe thấy người ta nói là nếu có óc tháo vát, có thể làm giàu một cách dễ dàng. Ngoài một số hàng hóa, vật dụng cần thiết đối với những người da đỏ, *Jim Savage* còn đem thêm một chiếc bình « ắc-quy » với mục đích mua

vui cho khách hàng. Theo anh nghĩ, khi một người da đỏ thờ tay nắm miếng đồng có giây nối vào chiếc bình «ắc-quy», để rồi giật mình ngã ngửa ra ất hẳn sẽ làm cho mọi người xung quanh được một trận cười thích thú. Anh không ngờ rằng chiếc bình «ắc quy» sẽ làm cho anh nổi tiếng khắp miền *Tulare*, vì toàn thể dân da đỏ trong miền đều cho là anh có phép «thần thông»!

Thế nên khi *Jim Savage* tới mở một cửa hàng trên bờ sông «*Merced River*» hàng ngày có tới cả trăm người da đỏ đến nơi anh ở, chỉ cốt được ngắm con người «có phép lạ» ấy như thế nào. Nhận thấy đa số các tù trưởng da đỏ đều không ưa bọn phù thủy, — thường vẫn kiêu chực thầy thuốc trong bộ lạc của họ, — *Savage* liền nảy ra một ý kiến khôn ngoan để chiếm lấy cảm tình của những vị trí trưởng da đỏ. Anh thừa biết rằng nếu các vị tù trưởng mà quý mến anh, thì toàn thể bộ lạc sẽ coi anh là một vị khách quý. Bởi vậy, mỗi khi tới một bộ lạc nào, *Savage* đều kiếm có làm hạ giá trị tên phù thủy bằng cách yêu cầu hẳn cầm thử miếng đồng có truyền điện ở bình «ắc quy» xem có bị giật

mình không. Một khi tên phù thủy, xưa nay vẫn được toàn thể dân da đỏ kính phục như là một người có phép thần thông quảng đại, mà lại bị giật mình té ngửa khi mớ vào chiếc «hộp ma» của *Savage*, thì uy danh của hẳn đã mất đi quá nửa rồi và điều đó tất nhiên là vị tù trưởng hài lòng lắm lắm!

Vừa khỏe mạnh, đẹp trai, lại có nhiều «phép lạ», *Savage* được nhiều tù trưởng da đỏ quý mến và gả con gái cho. Rồi thì một đồn mười, mười đến trăm, chẳng bao lâu *Jim Savage* đã nghiễm nhiên trở thành một vị «thánh sống» của người da đỏ trong miền *Tulare* được hầu hết mọi người trọng vọng, cả thành phố *Cự Kim Sơn* đều biết tiếng.

MỘT ỜNG VUA GIÀU CÓ NHẤT THIÊN HẠ



Thế rồi, một hôm *Savage* vô tình thấy một thanh niên da

đỏ giúp việc đang lấy một cục đá lớn màu vàng để chặn cánh cửa ra vô ở phòng anh. Sau khi xem xét kỹ càng, *Savage* nhận ra cục đá ấy là một miếng quặng vàng cực tốt. Người thanh niên da đỏ cho *Savage* biết rằng đó là một loại đá cứng hơn các loại đá xanh hay trắng nên thường được dùng để chặn cánh cửa rất tốt!

Lập tức, *Savage* cho mang cái cân lớn của anh vào trong phòng, và tuyên bố sẽ đòi đậu đen cho bất cứ ai đem những cục đá màu vàng tới cho anh, hai thứ sẽ đòi bằng cân nhau. Một lần nữa, danh tiếng «hào phóng» của *Jim Savage* «vị thánh sống», lại nổi như sóng cồn trong khắp miền *Tulare*, vì người da đỏ cho rằng đòi một cục đá lấy một số đậu đen đồng lượng để làm giống thì còn gì lợi cho bằng! Và họ thi nhau đem những miếng quặng vàng đến đòi cho *Savage* nhiều đến nỗi đậu đen chẳng mấy lúc đã hết nể, họ phải đòi lấy những thứ lặt vặt khác như đèn cầy, danh, và bất cứ cái gì khác có thể xài được.

Những quặng vàng này, *Sa-*

vage cho tải về *Cự kim Sơn* bán lại cho các công ty khai thác mỏ vàng, để rồi lại buôn thật nhiều vật dụng cần thiết đem vào miền *Tulare* tiếp tục cuộc đời chác nói trên. Tất nhiên, với lối «buôn bán» đặc biệt này, *Jim Savage* đã làm giàu một cách nhanh chóng không thể tưởng tượng được, và cùng với sự giàu có, uy quyền của anh ta cũng ngày càng rộng lớn.

Đầu tháng 3 năm 1848, trong một cuộc Đại-Hội, 39 vị tù trưởng da đỏ trong miền *Tulare* đã đồng thanh suy tôn *James D. Savage* lên chức «VUA của toàn thể người da đỏ trong miền *Tulare*». Sau cuộc «tấn phong», 7 vị tù trưởng đã dâng luôn «ái nữ» cho Đức Vua, để nhờ ơn mưa móc!

Uy thế của *Jim Savage* đã lên tới tột độ, nhưng chàng vẫn chưa lấy thế làm mãn nguyện, và tiếp tục hoạt động. Nhờ có những «thần dân trung thành» trong khắp miền *Tulare*, «Nhà Vua» *Jim Savage* đã khám phá ra được một mỏ

vàng rất lớn. Lập tức *Savage* mở cuộc khai thác và lần này vì công cuộc làm ăn quá to tát không thể tự trông nom lấy tất cả, nên *Savage* đã về tận *Cry-kim-Sơn* để muốn vài người da trắng tới giúp việc sổ sách nơi « *hoàng cung* » của chàng.

CUỘC CHIẾN TRANH GIỮA « DA TRẮNG » VÀ « DA ĐỎ »



Nhưng ở đời có ai biết trước được' chữ ngờ. Giữa lúc *Jim Savage* đang sống một cuộc đời dễ vương thật sự với một kho tàng khổng lồ và 25 cô vợ đẹp thì phong-trào đi tìm vàng ở miền Tây bỗng nhiên nổi dậy khắp Mỹ-Quốc. Ngày mà trên 80.000 người da trắng đủ mọi nơi đổ xô tới xứ *Californie* để tìm vàng là ngày đánh dấu sự sụp đổ của giang sơn *Jim Savage*.

Như một cơn gió lốc, những người đi tìm vàng tới đâu là gây phá phách, giết chóc tới đó. Các bộ lạc da đỏ đều trở thành

những đoàn nô-lệ. Hàng trăm thanh niên da đỏ bị giết, những phụ nữ da đỏ luôn luôn bị đe dọa hiếp tróc, tàn sát. « Nhà vua » *Jim Savage* đành phải bỏ rơi công cuộc buôn bán để đứng về phía người da đỏ chiến đấu chống lại bọn người tìm vàng tàn bạo. Nhưng tới đầu năm 1850, người da đỏ bị giết ngày càng nhiều, làm cho các tù trưởng hết tin tưởng vào *Jim Savage*. Họ quyết định phải tự hành động để cứu vãn tình thế chứ không thể chờ lệnh của *Savage* được nữa. Liên sau đó, những đoàn quân da đỏ xuất hiện và reo khùng khắp nơi. Ngay cả tiệm hàng của *Jim Savage* cũng bị cướp phá và đốt cháy rụi.

Khoảng tháng 10 năm đó, *Savage* tái lập một cửa hàng trên bờ sông « *Fresno River* », nhưng anh hiểu rằng nếu người da đỏ quyết tâm đuổi những người tìm vàng ra khỏi địa phận của họ, thì thật khó mà làm ăn. Bởi vậy, *Savage* mới đưa 50 vị tù trưởng tới thành phố *Cry kim Sơn* ngày 28-10-1850 để họ có dịp coi cuộc diễn binh tổ chức vào sáng hôm sau. Thăm ý của chàng là khi đã nhìn thấy tận

mắt những dàn đại bác, những đoàn lính thủy hùng dũng, trông cuộc diễn binh, ắt hẳn những tù trưởng da đỏ phải khiếp sợ quân lực hùng hậu của người da trắng mà bãi binh. Nhưng « mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên », khi đoàn kỵ sĩ da đỏ vừa hạ trại, *Savage* cũng vừa rời họ để đi thăm một vài nơi trong thành phố *Cry kim Sơn*; thì một nhóm người da trắng say rượu đã tiến vào trại và đem rượu cho các tù trưởng da đỏ uống bằng thích. Khi *Savage* trở lại, phần lớn các tù trưởng đã say mềm lẫn ra ngủ cho mãi tới sáng sớm hôm sau, khi có cuộc diễn binh, họ cũng vẫn chưa tỉnh...

Chẳng những thế, khi trở về với bộ lạc của họ, các tù trưởng da đỏ đã kể lại những gì họ thấy ở *Cry kim Sơn* và tuyên bố rằng cái anh chàng cao lớn, da trắng vẫn kiếm ăn ở miền *Tulare* trong mấy năm nay chẳng phải là thần thánh gì cả, đó chỉ là một thằng bợm... Khoảng giữa tháng chạp năm ấy, tất cả những người da đỏ giúp việc cho *Savage* đều trốn đi hết, và ngay hôm sau trong lúc *Savage* đi vắng, tiệm hàng của anh bị

thieu hủy, mấy người da trắng giúp việc đều bị giết chết. Kể từ lúc đó, cuộc chiến tranh đẫm máu giữa những người da trắng và người da đỏ ngày càng trở nên khốc liệt.



HẾT THỜI OANH LIỆT

Nhận thấy *Jim Savage* là người biết rõ đường lối trong miền *Tulare* hơn ai hết, viên Toàn quyền *Macdougall* liền trao cho anh quyền chỉ huy một đạo quân có nhiệm vụ tái lập hòa bình trong miền này. Tháng 3 năm 1851, Thiếu tá *Savage* xuất quân và chỉ trong vòng vài tuần, đã đánh bại bộ lạc *Neuchteus*, đồng thời dụ hàng được bộ lạc *Yos-mites*. Tới cuối năm 1851, tình hình miền *Tulare* đã trở lại yên tĩnh, *Savage* bắt đầu cho xây dựng lại tiệm hàng, và những vị « *hoàng hậu* » của anh trước kia cũng đã trở về đông đủ.

Theo một thỏa hiệp được ký kết hồi ấy giữa người da trắng và người da đỏ thì hai bên đều có khu vực trú ngụ

riêng, không được xâm phạm lẫn nhau. Giữa lúc *Savage* sắp đi tới thành công hoàn toàn thì có *Walter Harvey*, là một người đi tìm vàng thất bại, rủ một số vài chục người da trắng khác mở một cuộc tấn công bất thần vào khu vực người da đỏ và giết hại trên 100 người, vút xác xuống sông.

Cuộc tàn sát này dĩ nhiên lại khơi gợi lòng căm thù của người da đỏ và cuộc chiến tranh sắp bùng nổ dữ dội. Được tin các tù trưởng da đỏ đang mở một cuộc đại hội để tham khảo ý kiến trước khi ra quân, *Jim Savage* vội vã lên đường tới khu hội nghị để tìm 'hương' ngăn cản. Nửa đường,

chàng gặp *Walter Harvey*, trong một quán trọ, *Jim Savage* liền tới cảnh *Harvey* và ra lệnh cho y phải ra khỏi miền *Tulare* lập tức. Nhưng *Harvey* đâu có phải là con người biết trọng lẽ phải. Khi *Savage* vừa quay lưng đi thì *Harvey* bắt thẩn rút súng sáu trong người ra bắn chết chàng tại chỗ.

Jim Savage từ trần, nhíp cầu thông cảm giữa những người da trắng và da đỏ trong miền *Tulare* bị sập hẳn. Cuộc chiến tranh đẫm máu tiếp tục cho mãi tới 4 năm sau mới chấm dứt.

VŨ-SINH



đêm nay

* MỘNG-HOÀ-HUYỀN (Hua 62)

Không biết là ai có nhớ mình
Như ai, mình nhớ giữa đêm thanh ?
Ngàn sao lấp lánh — khung trời cũ
Không biết chừ ai có nhớ mình ?
Trăng vẫn là trăng của thuở nào,
Sáng về lối cũ vọng chiêm-bao.
Đường hoa vừa nở hương trang trắng,
(Hương ngọt ngào hôm quen biết nhau !).
Nửa nét mắt buồn trên gối mộng
Nửa màu trăng cũ lọt vào song.
Buông-khuông như mới vào thương nhớ
Theo một người Mơ — ước chuyện lòng !
Đêm nay trăng sáng khung trời cũ
Sao sáng như mơ « chuyện chúng mình »
Gió đón đưa hương vào nẻo Mộng
Ai chờ mà đợi giữa mộng-mênh !?



Tha-hương cầu-học,
Phòng trọ quê người,
Đêm chìm, thắm lạnh...
Thương nhớ, mình tôi !
Men sầu-đậm ; Cảnh ly-hương.
Bao mưa gió, chán-chường năm thao-thức ?...
Thương nước, nhớ nhà, lòng rạo-rực
Xót xa lòng, trí đức chưa cao !
Nhìn Quê-hương nghiêng ngửa giữa ba đào.
Tôi cầu-nguyện Thái-bình cho Tộc-quốc !
Tôi cầu-nguyện hiền vinh cho Dân-tộc
Chúng tôi, dân con xa non nước,
Mong thành tài, về góp sức với dân-anh...

* PHÙNG-LÊ-ANH
(Cử-nhân Hóa-học Đại-học
Philippines)

ý tha-hương



tề - khoảnh công

★ THIẾU-SƠN

Tề-Khoảnh-Công là một người con chí-hiệu. Ông có bà mẹ là Tiêu-Thái-Hậu từ ngày vua cha chết thường buồn rầu vì thương nhớ, biếng ăn, biếng nói, biếng

cười. Bởi thế nên mỗi khi có chuyện gì vui xảy ra ở Triều-đình ông thường nói lại cho mẹ nghe để mong tạo ra một tiếng cười của mẹ.

Một hôm ông tiếp bốn vị sứ-giả ngẫu-nhiên tới cùng một lúc mà ông nào cũng có dị-tượng dị-hình.

Sứ-giả nước Tần là Khước-Khắc thì chỉ có một con mắt. Sứ-giả nước Lô là Quý-tôn Hành-Phủ thì sói đầu, không có một sợi râu, sợi tóc nào hết. Sứ-giả nước Vệ là Tôn-lương-Quý-Phu thì cụt một chùn. Sứ-giả nước Tào là Công-Tử Thú thì khòm lưng.

Bốn người : một anh chột, một anh sói, một anh què, một anh khòm mà đi chung với nhau thì thật là một cuộc tập-hợp kỳ-thú, ai thấy cũng phải tức cười.

Khoảnh-Công nói chuyện đó cho mẹ nghe. Tiêu-Thái-Hậu vẫn chưa cười nhưng cũng ao-ước được thấy tận mắt một cảnh-tượng như thế. Khoảnh-Công chiều ý mẹ bèn cho thiết tiệc ở hậu-viên để hôm

NHÂN VẬT XUÂN THU

sau đãi 4 vị sứ-thần. Ông bảo Thái-Hậu lúc đó sẽ ngồi trên lầu cuốn rèm ngó xuống thì được thấy rõ-ràng.

Khoảnh-Công bèn sai lựa trong quân bốn người : một người chột, một người sói, một người cụt một chùn, một người khòm lưng và phân-công cho họ đánh xe rước sứ-giả, nhưng người có tật nào thì rước sứ-giả cùng một tật với mình.

Thế là bốn chiếc công-xa của ngoại-giao-đoàn nối đuôi nhau rần-rộ tiến vào cung và ở mỗi xe đều có đủ cặp : 2 anh chột, 2 anh sói đầu, 2 anh một giò, 2 anh khòm lưng. Thật là một cảnh hoạt-kê hài-ước vô-tiền khoáng-hậu. Tiêu Thái-Hậu ngồi trên lầu vén rèm lên coi bắt tức cười, bọn thị nữ cũng cười, trước còn cười thầm, sau cười rõ lên làm cho 4 vị sứ-thần phải chú-ý. Lúc đầu họ không để ý đến người đánh xe, sau khi nghe thấy tiếng cười họ mới dật mình và thấy rõ là Vua Tề chơi xỏ. Đường đường là những vị sứ-thần mà biến thành những tên hề để chọc

cười phụ-nữ, ai mà không giận cho được. Không ai bảo ai mà cả 4 người đều uống sớ một vài chung rượu rồi đứng dậy cáo từ về sứ-quán.

Cả 4 người đều bất-bình về thái-độ vô-lễ của Tề-Hậu và quyết-tâm phải trả thù, rửa nhục. Nước Tần hồi đó là một cường-quốc mà sứ-thần Khước-Khắc lại chính là nguyên-soái nước Tần. Chính ông đã dạy dỗ và biết rõ người chỉ-huy những trận cười hợp-tấu là Tiêu Thái-Hậu, mẹ vua Tề. Ông căm-thù hơn hết nên ông đề-nghị với 3 vị sứ-thần như sau :

« Nếu các ngài đã đồng-ý như vậy thì xin thích-huyết ăn thịt với nhau : trong khi cử binh qua đánh Tề tất cả đều hưởng-ứng, ai mà sai lời thì trời tru đất diệt ». Bốn vị sứ-thần đồng thể rồi cùng nhau bàn tính kế-hoạch trong đêm. Sáng ra, họ lên xe về nước, chẳng một lời từ-giã Tề-Hậu.

Thượng-Khanh nước Tề là Quốc-Tá hôm trước đã có can Vua Tề đừng bày trò diễu cợt sứ giả nhưng Khoảnh-

Công không nghe. Sau khi 4 vị sứ-thần đi rồi Quốc-Tá than rằng : « Cái họa nước Tề không thể nào thoát dạng. »

★

Quả như lời Quốc-Tá tiên-liệu, chẳng bao lâu Khước-Khắc xin được Tần-hầu cho phép xuất quân phạt Tề. Ba nước Lỗ, Vệ, Tào cũng hội binh với Tần ở Tân-Trúc. Quý-tôn Hành-Phủ, Lương-quí-Phu và Công-Tử Thú lại gặp Khước-Khắc để cùng kéo nhau tới Dáng-Châu hỏi tội vua Tề. Tổng-tư-lệnh liên quân là ông Tướng một mắt cùng với những ông tướng sói đầu, cụt chân và khòm lưng lãnh-đạo binh bốn nước rần-rộ kéo đi liên tiếp hơn 30 dặm.

Tề-Khoảnh-Công nghe tin cấp báo cũng kéo năm trăm cỗ chiến-xa đi trọn 3 ngày, 3 đêm trên 500 dặm và hạ trại ở đất An để đón đầu giặc.

Tề-Hầu hạ chiến-thơ. Khước-Khắc phê : ngày mai giao-chiến.

Qua ngày sau, Tề-Khoảnh-Công mình mặc giáp, thắt

đai ngọc, cỡi xe vàng, oai-phong lẫm-lẫm, tướng mạo đường đường, xông ra trước trận để điều-khiển ba quân. Ông chia quân làm ba đạo, cắt cử hai viên đồng-tướng chỉ-huy cánh tả và cánh hữu để đối địch với quân ba nước Lỗ, Vệ, Tào. Đích thân ông chỉ-huy đạo trung-quân để đương-đầu với binh Tần. Binh-Hạ cầm cương. Phùng Sứ-Phủ theo hộ-vệ. Quân-sĩ hai bên giương cung đứng hầu. Tề hầu phán : « Hễ thầy chươn ngựa ta tới chôn nào thì nhắm đó mà bắn. »

Bên kia Khước-Khắc cũng giục trống tấn binh. Ông tướng một mắt cũng dang dăng sát - khí. Quân Tề tấn công, tên bắn như mưa bấc, binh Tần chết vô-số. Một tướng Tần bị thương nơi tay rồi chính Khước-Khắc bị một mũi tên cắm phập vào cạnh sườn, máu chảy có vọt. Nhiều người khuyên nên tạm lui nhưng Khước-Khắc không nghe, chực dùi trống đánh liên-thình, thúc quân đánh tới. Tần-tướng vừa che-chờ cho nguyên-soái vừa huy-

động toàn quân ào ra giết giặc. Đồng thời họ hô to : « Quân Tần đã thắng trận ! » làm binh-sĩ lên tinh-thần và khiến đôi-phương mất nhuệ-khí.

Phó - soái Hàn - Quyết cứ nhắm chiếc xe vàng tần-công làm cho quân Tề rối loạn và Tề-hầu phải rút lui bỏ chạy. Quân Tần truy-kích rồi bao vây ba bốn vòng như một hàng rào sắt. Phùng-Sứ-Phủ đề-nghị Khoảnh - Công thay đổi y-phục với mình để nhà vua lén lút ra khỏi vòng vây và để cho mình làm vua giả dạng xí-gạt đôi-phương. Quả-nhiên Hàn-Quyết mắc mưu, nhắm bắt vua giả mà để vuột mất ông vua thiệt. Nhưng dẫu sao thì quân Tề cũng đại-bại, bị liên-quân 4 nước rượt đánh tới bờ, rượt thẳng tới quốc-đô, đi tới đâu tàn-phá tới đó.

★

Tề-hầu hội quân-thần hỏi ý-kiến thì Quốc-Tá đề-nghị trả lại cho hai nước Lỗ, Vệ những đất mà Tề đã xâm-chiếm và đồng-thời xin lỗi

Tần để cầu-hòa. Quốc-Tá được Vua Tề chỉ-định cho đi sứ, đem lễ vật trọng-hậu để lo lót với tướng Tần. Phó-soái Hàn-Quyết muốn cho hòa song nguyên soái Khước-Khắc còn giận nên đã đưa ra những điều-kiện gắt-gao để sỉ-nhục Tề-quốc. Ông nói : « Hiện nay nước Tề đã gần nguy nên mới sai nhà người qua đây dâng đòi ta. Như thiệt muốn cầu hòa thì phải nghe theo hai việc như sau : một là phải đem Vương-tiêu-nữ qua nước Tần để làm tin ; hai là phải cắt nước Tề ra làm hai cho dễ bề kiểm soát. »

Vương-tiêu-nữ tức là Tiêu-thái-hậu người đàn bà đã cưới 4 vị sứ-thần nói ở trên.

Quốc-Tá thấy hai điều-kiện đưa ra đều thương-tồn đến quốc-thê nên đã trả lời Khước-Khắc như sau : « Nguyên-soái muốn như vậy là có ý khinh nước Tề tôi quá. Lớn nhỏ cũng là một nước, đánh mới thua có một trận, cũng chưa đến nỗi hao tổn gì cho lắm. Như chủ soái nhất định không cho hòa

thì cũng xin tu-chỉnh binh-mã đánh thêm một hai trận nữa, như có thua thì giao cả nước cho, cần gì phải đem quốc-mẫu tới ở nước ngoài và cần gì phải chia đôi đất nước. Hai việc chủ-soái nói đó, tôi không thể theo được.»

Nói rồi Quốc-Tá bỏ về. Nhưng sau đó mấy tướng Lỗ, Vệ khuyên Khước-Khắc nên cho hòa vì sứ Tể nói còn hăng thì quân Tể cũng còn mạnh nếu tiếp diễn chiến-tranh chưa chắc phần thắng lợi cuối cùng sẽ về ai

Khước-Khắc suy nghĩ rồi đồng-ý cho hòa. Quốc-Tá được trở lại để lập hòa-ước. Bọn tướng đã trả được mối thù khi đi Sứ ở Tể.

☆

Ta không phủ-nhận lòng hiếu-thảo của Tể-Hầu. Thấy mẹ buồn thì phải làm đủ cách để cho vui lòng mẹ. Nhưng làm vua một nước lớn thiếu gì phương-tiện để thi-hành hiếu-đạo, hà tất phải chọc giận sứ-thần ngoại-quốc bằng lời giằn-cảnh của ông. Phải chi ông cứ nghiêm-chỉnh

mời 4 vị sứ-thần tới dự tiệc rồi lên cho mẹ hay để cuốn rèm dòm xuống thì cũng đủ cho bà phải tức cười nhưng đầu đèn nổi cười vang như pháo nổ cho khách phải dặt mình xầu hổ để mang lụy về sau.

Kẻ ra Tể-Khoảnh - Công cũng có bộ óc hài hước phi thường mới nghĩ ra được lối chơi răn mắc. Ngồi trên công-xa của ngoại giao-đoàn mà kẻ một mắt, người sói đầu, kẻ một giò, người khòm lưng đều ngồi chung có cặp tiền vào cung Vua, cảnh tượng đó ai mà nín cười cho được. Mà cười thì phải cười to mới xứng đáng với tài giằn cảnh của nhà Vua.

Nhưng ông làm cho mẹ được vui cười bữa đó mà chút xíu nữa thì mẹ ông sẽ phải khóc hận suốt đời. Nếu không có kẻ trung-thần tự-nguyện làm Vua giả để bị bắt thay cho ông thì ông sẽ thành một tên tù của ngoại-quốc. Và muốn giải-thoát một ông vua bị cầm tù thì nước Tể sẽ phải chịu những điều-kiện gắt gao hơn

nữa. Rất có thể quốc-mẫu phải chịu làm con tin để đánh đổi một ông Vua.

Cũng may mà tình thế không đến nỗi quá bi đát. Nhưng đầu sao thì Khoảnh-Công cũng đã chơi một trò chơi nguy-hiêm. Ông hy-sinh rất nhiều xương máu của sĩ-tốt và nhơn-dân nước Tể. Muốn làm vui lòng mẹ trong một khoảnh-khắc ông đã gây ra biết bao nhiêu tang-tóc và đau-thương.

Một khi gánh vác việc dân, việc nước không bao giờ nên để cho tình-cảm gia-đình chi-phối trong công-vụ.

Đầu trong một công - vụ



★ TIỀN CÔNG

Một bà chủ nhà gọi một anh thợ sửa cái với nước bị nghẽn. Anh thợ chỉ sửa có 10 phút là xong và tính tiền công 50 đồng. Bà chủ nhà la ó lên :

— Đắt quá vậy ! 10 phút mà tính 50\$ à ?

Anh thợ trả lời :

— Không đắt đâu bà ạ. Khi nào ai gọi sửa chữa, chúng tôi cũng tính 1 giờ cả. Đó là lệ của hãng như thế.

— Ấy vậy, xin mời anh ngồi chơi đã. Còn dư của anh 50 phút kia mà !

tâm thường cũng không nên để cho tình riêng lấn át việc công, huống chi là việc tiếp-đón sứ-thần mà muốn biến thành một màn diễn trên sân-khấu để làm vui lòng mẹ. Tể - khoảnh - Công quên cả trách - nhiệm nặng nề của mình đối với dân, với nước.

Ông không biết đạo làm Vua thì ông cũng không biết đạo làm con.

Mẹ ông cười được lúc đó nhưng chắc chắn là sẽ phải đau-khổ rất nhiều sau khi biết rõ những hậu-quả của trận cười.

THIẾU-SƠN

bữa cơm

PHÚC xoay mãi ly nước trong tay, anh uống ly này là ly thứ ba. Câu chuyện trở nên nhạt nhẽo, người bạn dăm dăm nhìn ra ngoài đường như vừa xảy ra một vụ xe đụng nhau, kỳ thực anh ta không muốn nhìn mặt Phúc, hay nói cho đúng hơn lúc này cả hai đều không muốn nhìn mặt nhau.

Phúc với Hiền, tên gã chủ nhà, cùng làm một sở. Ấy là nói trước kia, nhưng nay thì tình cảnh đã đổi khác. Chẳng hiểu vì cao hứng hay vì tin ở tài kế-toán của mình không ai thay thế nổi, Phúc đòi chủ

tăng lương, nếu chủ không tăng lương anh sẽ xin nghỉ việc.

Ông chủ cho Phúc nghĩ việc thật, ngày hôm sau lập tức có hai mươi lá đơn xin vào chỗ Phúc vừa bỏ trống. Họ chỉ mong một số lương bằng hai phần ba lương Phúc, công việc có phải làm thêm, cũng không sao.

Phúc giận uất người, nhưng sự đã lỡ, đành đi kiểm sở khác vậy.

Thôi ở häng buôn đó ra, Phúc mới biết, tìm ngay được một sở làm không phải là chuyện dễ.

Lặn lội có đến gần hai năm,

BỮA CƠM

Phúc vác đơn chạy hết sở nọ đến sở kia, nhưng phần nhiều chỉ nhận được câu trả lời:

— Tiếc quá, ông đến hơi chậm! Chúng tôi vừa nhận một người làm kế-toán hôm nọ.

hoặc:

— Ở đây chúng tôi đủ người rồi!

Anh đành sống lần hồi bằng cách vay mượn bè bạn, người năm ba trăm, người nào khó khăn thì Phúc hạ xuống vay tạm năm ba chục.

Gã chủ nhà này, Phúc đã vay hai lần cả thấy bốn trăm, chưa có trả, vì vậy lần này đến Phúc không hy-vọng vay thêm, anh chỉ mong gã chủ nhà mời một bữa cơm. Đến đúng bữa thế nào nó chẳng chào suông một câu, dựa vào đó Phúc sẽ cứ tự nhiên ngồi vào ăn.

Nhưng dưới bếp chỉ nghe tiếng bát đĩa va chạm nhau, mà chưa thấy người nhà bưng mâm lên.

Hai người ngồi nói chuyện vãn-vơ, Phúc cố lái câu chuyện về tình hình thế giới, nhưng anh bạn nhất định đưa câu chuyện trở lại vấn đề thiết-thực hơn là

chuyện gia-đình anh ta.

Gã kè lè, nào vợ đẻ, nào con ốm, tháng này phải góp tiền hụi, lại còn món nợ năm ngoái cũng chưa trả được.

Phúc làm bộ không đề ý tới:

— Ghê quá! quân OAS lại ném lựu đạn vào đám người Hồi-giáo. Tôi lo dân An-Giê-Ri sẽ trả thù.

Gã chủ nhà gãi tai:

— Nhà tôi đề thiếu tháng, uống thuốc mất mấy ngàn bạc. Tiền vào nhà khó cứ như gió vào nhà trống.

Phúc chép miệng:

— Nhiều cái hà tiện không được bác ạ!

Này quân Mỹ đồ bộ lên Thái-Lan, xem chừng bọn Pathet Lào không dám làm tới nữa đâu.

— Bác bảo ai chẳng muốn hà tiện, nhưng mẹ cháu năm đấy, ai trông nom lũ trẻ. Mượn u già tháng sáu trăm chỉ vừa thôi được nổi cơm.

Bất đắc dĩ Phúc phải nói cùng luận điệu của chủ nhà:

— Bác tính cũng phải! Mình hà tiện chỗ nợ thì nó lại ra chỗ kia. Thôi cứ nhờ trời

cho mạnh khỏe là tốt nhất.

Gã chủ nhà cao giọng :

— Bạn trước bác đến, mẹ cháu định nhờ bác kiểm cho một người lương tháng độ bốn trăm, chỉ có đi chợ và gánh nước. Còn thời nấu ăn mẹ cháu làm lấy.

Phúc biết gã nhắc khéo về món nợ vì lần trước, khi nhận hai trăm bạc gã cho vay, Phúc có hứa tìm hộ vợ chồng gã một người làm, lương tháng độ bốn trăm đồ lại.

Phúc ngừng mặt lên như người mới chợt nhớ ra :

— Ờ ! tôi quên bằng đi mất. Thôi đề chuyển này xuống Xóm Mới, tôi bảo vợ anh Tư Cao, công bốn trăm là chị ta thích mê lên.

— Lần này bác nhớ đừng quên, tính bác hay quên lắm.

Gã lại ám chỉ về món nợ. Phúc cười gượng. Câu chuyện nhạt dần rồi cả hai cùng im lặng.

Phúc xoay mặt ly nước trong tay. Gã chủ nhà dăm dăm nhìn ra ngoài đường

Mấy đứa trẻ đáng chừng nóng ruột vì chờ cơm đã quá lâu, một đứa lên tiếng :

— Con đói rồi bố ơi !

Bố nó trợn mắt :

— Không được hỗn ! Nhà có khách !

Gã thấy Phúc đứng lên, mặt gã tươi tỉnh, nhưng Phúc chỉ đến bàn nước, đặt chiếc ly trong khay rồi lại ngồi xuống. Gã chủ nhà thất vọng. Gã làm bộ mắng mấy đứa con nít :

— Bạn sau bố nói chuyện với khách, chúng mày không được quấy nghe !

Vợ gã cũng sốt ruột vì mãi khách chẳng chịu về. Chị ta vén màn cửa ngó ra ngoài, lại thụt đầu vào.

Phúc nhìn ngọn đèn măng-sông treo giữa nhà, rồi lại bốn bức tranh xuân, hạ, thu, đông treo cạnh những băng cấp : đánh máy chữ, kế toán, sửa ráp máy vô tuyến điện của chủ nhân. Phúc tần mẩn đọc từng chữ. Anh thấy thời gian đi quá chậm, Phúc lấy khăn tay lau trán, cố gắng làm một vài cử chỉ cho khỏi ngượng nghịu.

Cuối cùng không thể kéo dài được nữa, người vợ đành ra lệnh cho u già bụng măm lên. Hời cơm gạo nạnh chồn thơm ngào ngọt làm Phúc chảy nước

miếng. Anh quay đi chỗ khác để vợ chồng người bạn khỏi nom thấy cuống họng anh vừa nhô lên đẹp cho hạch nước bọt xuôi xuống.

Phúc nói to một câu :

— Trời nóng quá !

Hai vợ chồng gã chủ nhà không bắt lời. Người vợ so đĩa. Mấy đứa trẻ tranh nhau ngời vào mâm.

Chúng bắt đầu ăn. Vợ gã chủ nhà cầm bát lên. Chị làm bộ như không nhìn thấy Phúc.

Riêng anh chồng không thể nhẫn tâm được. Anh chào xuống một câu :

— Bác Phúc ăn cơm chưa ? Tiện bữa mời bác soi cơm luôn thể.

Phúc thở ra nhẹ nhõm. Anh sắp đứng lên, nhưng cũng còn phác một cử chỉ tỏ vẻ ta đây không cần ăn.

Vợ gã chủ nhà vội chặn luôn :
— Ấy chết ! Tôi cứ ngờ bác soi cơm rồi thành thử không bảo u già nấu cơm thêm.

Đàn bà bao giờ cũng nhẫn tâm hơn đàn ông, thứ nhất với việc có đụng chạm đến quyền lợi của chồng con.

Chị ta nghĩ : chẳng ngại ngừng gì bữa ăn, nhưng sợ anh bạn lấy nề rồi đi đi lại lại, nay nhờ vả thứ này, mai nhờ vả thứ khác.

Người gì mà vay một đồng mất một đồng, vay hai đồng mất hai đồng.

Đề hai đồng bạc, buổi sáng cũng mua được gói quà cho con.

Phúc thấy ruột gan cồn cào. Anh nắm chặt tay, cố nén cơn đói. Nhưng cái đói chạy lan khắp tứ chi, nó không nhất định ở một nơi nào trong cơ thể. Phúc muốn nhờ một bãi nước bọt.

Mấy đứa trẻ tranh nhau gấp thức ăn làm cơm rơi vung vãi.

Mẹ chúng quát tháo :

— Con nhà tẻ quá, ăn uống không biết nhường nhịn nhau. Rồi bố mày nghĩ việc thì khối mà ăn con ạ !

Phúc nóng ran mặt. Anh thấy không còn hy vọng gì ngồi lại nữa, nhưng buộc lòng phải nói một câu cho đẹp tình thế.

— Cảm ơn hai bác ! Tôi vừa ăn cơm xong. Đề chủ nhật sau

tôi lại chơi.

Nói đoạn anh đứng lên. Gã chủ nhà nói theo một câu :

— Thật thà đấy nhé ! Nếu chưa ăn tôi bảo nhà tôi mua thêm cơm.

Tại Phúc như có cả một đàn ong, người anh buồng-khuâng như một gã nghiện đến bữa lại thiếu chất cơm đen, riêng ở Phúc thì lúc này anh chỉ cần thứ cơm trắng, với tất cả ý nghĩa thông thường của nó.

★

Ở nhà người bạn ra, Phúc đi theo con đường bờ sông.

Qua cầu Khánh-Hội, lối đi len lỏi vào giữa hai dãy nhà Ngân-hàng cao vút. Cách quãng lại một chú tây đen ngồi thu hình trong ghế. Mới thoát trông tưởng hẩn ngủ, nhưng kỳ thực hẩn vẫn thức.

Phúc dừng lại trước một gã tây đen để xin lửa châm điếu thuốc lá. Mẫu thuốc độc nhất còn sót lại trong túi.

Gã tây đen nhìn Phúc ngờ vực. Châm xong Phúc bỏ đi, gã còn nhìn theo.

Phúc nhở một bãi nước bọt, hành-động nhỏ mọn đó làm anh trút được phần nào sự dồn nén,

khi ngồi trong nhà Hiền, anh không dám làm, người Phúc cảm thấy nhẹ nhàng thư thái hơn.

— Mẹ kiếp ! nó làm như mình sắp trèo tường vào nhà nó để ăn trộm không bằng.

Phúc sốc lại cổ áo, ra chỗ thoáng gió, Phúc bỗng thấy lạnh. Phở chợ cũ từng bừng ánh đèn màu, tiếng bát đũa trong tiệm ăn va chạm nhau, Phúc lại nhớ tới mâm cơm ở nhà người bạn.

Một cặp vợ chồng vừa đi qua, đáng quen quen khiến anh có cảm tưởng đã gặp ở đâu.

— À phải ! vợ chồng Thụy, hồi còn làm bên Cao-miên.

Gặp mỗi người bạn là Phúc nghĩ đến chuyện vay tiền, nhưng lần này không hiểu sao Phúc vẫn đi.

Trong chiếc xe đậu bên đường, một thiếu-nữ mặc váy ngồi xem báo, chị ta vô-ý để váy lên cao quá đầu gối, Phúc liếc mắt nhìn thấy bắp thịt trắng và tròn, nhưng cái đói vẫn mạnh hơn sự rung cảm về xác thịt. Anh ngoảnh mặt nhìn nơi khác.

Mồ hôi anh thấm ướt đầy áo. Chân anh không buồn nhấc lên nữa. Anh muốn tìm một chỗ

tối để nằm lăn ra đó, may ra giấc ngủ có đánh lừa được cái đói chẳng.

Nhưng Phúc đã từng biết rằng, khi người ta đói thì không thể tìm sự quên lãng trong giấc ngủ được.

Đi lang-thang làm gân cốt rời rã thêm, Phúc thăm-mong lúc này có kẻ nào đánh rơi tiền, vừa nghĩ tới đó thì Phúc bỗng đứng dừng lại, anh thấy một mụ đàn bà ngồi lên lề đường mãi nói chuyện với bạn không để ý đến lá giấy một trăm trong túi mụ thò ra, sắp rơi xuống nền xi-măng.

— Mình định một cái thì nó rơi hẳn ra ngoài.

Phúc toan thi hành ý-định, mụ thò tay vào túi móc miếng trầu. Tim Phúc tưởng ngừng đập, mụ vẫn chưa biết lá giấy một trăm sắp rơi. Mụ rút tay ra đưa miếng trầu lên mồm thì lá giấy một trăm rơi hẳn ra ngoài.

Phúc đi qua một lần, anh định đi trở lui hất cho nó rơi xuống rãnh.

Nhưng người bạn của mụ nọ kêu lên :

— Ơ kìa ! Chị có tờ giấy một trăm đánh rơi.

Mụ ăn trầu cúi xuống. Mụ nhặt lá giấy một trăm nhét vào túi. Chưa bao giờ anh thất vọng như thế. Lòng ngực anh như thất lại. Sự đau đớn bất chợt phát hiện ở đầu xương mỗ ác làm anh thêm khó chịu. Phúc cắn răng để khỏi thất vọng lên tiếng nguyên rủa.

Anh cúi đầu đi nhanh.

Nhưng đi được vài bước chợt nghe tiếng gọi sau lưng :

— Này cậu Cậu đánh rơi tiền !

Phúc hơi ngạc nhiên, nhìn về phía sau thấy hai đứa bé dành nhau tằm gậy mười đồng.

Đứa lớn giật tờ bạc trong tay đứa bé. Nó hướng về phía Phúc :

— Thưa cậu ! Cậu đánh rơi, thằng «cắc kè» này định nuốt túi.

Đứa bé ôm thùng cà-rem, phản đối một cách quyết liệt :

— Của tôi chứ. Tôi vừa mới trả lại người ta chín đồng bạc lẻ. Còn có ông bán đậu phụng kia làm chứng.

Nhưng ông bán đậu phụng đã đi đầu mất.

Nó níu chặt tay đứa nhớn không cho thằng này trả

10 đồng cho Phúc.

Phúc chột này ra ý nghĩ. Anh làm bộ sờ túi trên túi dưới, sau cùng hất hàm :

— Tiền nào mà dám nhận của mày ?

Thằng nhỏ gằn khóc, nó chỉ đồng chỉ tây :

— Tôi mới đổi cho ông bạn áo sơ-mi cụt tay. Ừ... ừ ! Có ông bán đậu phụng rang làm chứng.

Nó nhìn quanh không thấy ông bán đậu phụng rang đâu.

Đứa nhớn được thề.

—T... sư nhà nó ! Đờ nói láo. Mắt tao nom thấy cậu này đánh rơi trong ví ra.

Nói xong nó nhìn Phúc vẻ hề hã.

Phúc nghĩ ngay rằng hai đứa có thù với nhau.

Đứa nhỏ oà lên khóc.

Trong khi đứa nhỏ khóc lóc, Phúc điềm nhiên rút tờ giấy 10 đồng vào túi.

Tiếng đứa bé gào sau lưng :

— Cậu ơi ! Cậu trả lại cháu, về má cháu đánh cháu.

Phúc làm bộ không nghe thấy.

Nó vẫn gào :

— Cháu bán chưa đủ vốn ! Cháu lạy cậu.

Mặc, nó có bị mẹ đánh cũng không bằng dạ dày anh đói.

Anh quay lại nạt một tiếng :

— Ôn con đừng nhận sẵn. Ông lại tát cho một cái bỏ mẹ.

Mấy người qua đường sì sào hình như họ đều đồng tình với Phúc.

Thằng bé bán cà-rem chạy theo náu lấy tay bị anh hất mạnh một cái khiến nó bắn ra xa. Nấp thùng cà-rem chạy bon bon như bánh xe ô-tô.

Nó sụp xuống đất khóc.

Đến đó không thề nhịn được, Phúc đã toan trả lại 10 đồng cho thằng bé.

Nhưng cơn đói vẫn mạnh hơn lòng trắc ẩn.

Anh quay lưng đi thật nhanh.

Quẹo qua ngã tư, Phúc rào bước tới tiệm cơm trước sở Công-Chánh.

8 giờ tối, hàng cơm đã thừa người.

Phúc ngồi vào bàn, anh nuốt nhanh từng miếng cơm thật to.

Tiếng kêu khóc của đứa bé không còn vang vọng bên tai anh nữa.

LƯU-KIỆM



gái thương ngồi mơ,

đêm trở canh...

Nghe cả hồn ai qua nhịp thở,
Mê say ghì chặt giấc chiêm bao.
Non-vu sương khói mờ hư-ảo,
Trăng ngủ rừng cây chột nhớ Sao.
Đêm lạnh Cao-nguyên vùng trở giấc,
Ta nghe đơn-chiếc thắm qua người,
Nghe rừng thông gọi vào khuya vắng,
Mưa đêm thời-gian chín lại mười..
Những mảnh sầu-tư theo khói thuốc,
Vị nào cay đắng thắm quanh môi !
Nẻo về đô-thị sương mờ ảo,
Cô Láng-giềng ơi ! Em của tôi ?
Nhặt-khoan khung cử tiếng lời dần,
Gái-Thương ngồi mơ đêm trở canh
Bóng nhỏ in lên sàn nửa mộng,
Im lìm, nghe tiếng vọng rừng xanh..
Cô vẫn ngồi im không ước mơ ?
Không yêu không nhớ với mong chờ ?
Tình cô bí-hiềm như rừng-núi !
Cô có buồn không — tình giấc mơ ?

★ BÀNG-HOÀNG-HỒ
(Núi Rừng Cao-nguyên — PLEIKU)

PHỒ-THÔNG — 87



một giấc mơ hoa

★ DUYÊN-HỒNG

(tiếp theo P.T. 85)

TÔI nay Hồng vui lắm, mặt Hồng cứ tươi lên! Chị Vân bảo: « Ơ, cái cô bé này, có chuyện gì thích thú mà cười mãi thế? » Hồng ghé sát vào tai chị, thì-thầm: « Em vui lắm, mà... mà chị không thể nào biết được đâu! » Rồi Hồng tung-tăng đi khắp nhà. Sao cái gì đời với Hồng cũng đáng yêu thế này?

MỘT GIẤC MƠ HOA

Hồng đứng tựa vào cửa bếp, mơ-màng nhớ lại cuộc « tái ngộ » với Hải ban chiều... Tưởng chừng như tiếng Hải vẫn còn thoang-thoảng bên tai: « Hồng đừng giận anh nữa nhé.. Chiều mai chúng mình đi ciné nhé.. » Hồng, bằng lòng và Hồng nhớ là Hồng đã « vâng » một tiếng rất khế, khế đến nỗi Hải phải hỏi lại. Bây giờ Hồng lại muốn thốt lại tiếng « vâng » ban chiều, tự nhiên Hồng muốn thề, Hồng muốn sống lại cái giây phút sung-sướng ấy. Hồng nhớ lại lần đầu tiên Hải hôn trên má Hồng, về nhà Hồng không rửa mặt. Ngủ một đêm sáng dậy Hồng vẫn không muốn rửa mặt, Hồng muốn giữ mãi vết hôn của « chàng ». Vết hôn đầu tiên!...

★ Chủ-nhật — một giờ trưa.

Hôm nay thật là một ngày đẹp, một ngày đẹp trong những ngày đẹp của Hồng.

Suốt đêm qua, Hồng cứ mong cho mau sáng, và 5 giờ sáng là Hồng đã dậy rồi. Cả nhà còn ngủ. Rửa mặt, chải gỡ xong. Hồng tìm những công việc lật-vật để làm, tự-nhiên Hồng thấy siêng năng lạ.

Lúc ăn điểm-tâm, Mẹ hỏi chị Vân và Hồng:

— Hôm nay các cô, có cô nào muốn đi ciné không? Mẹ cho tiền mà đi. Cái phim hôm nay ở Majestic, các cô nên xem, phim xã-hội đầy ý nghĩa sâu-xa, cảm-động lắm.

Chị Vân bảo: thôi Mẹ ạ, con thích ở nhà nghe chương-trình nhạc yêu cầu hơn. Con còn phải may cho xong mấy cái màn cửa nữa. Quay sang Hồng, chị lại hỏi: còn Hồng, Hồng có thích ở nhà nghe nhạc với chị không, hay lại muốn đi ciné? Hồng cười, không giả nhời, nhưng Hồng tự bảo thầm: Hồng đi ciné chứ, chốc nữa Hồng đi với « người ấy » chứ. Có rendez-vous rồi mà!

Hồng mang sách báo ra phòng khách ngồi đọc... để chờ Hải.

8 giờ có tiếng chuông reo, chuông reo mà trái tim Hồng

cũng reo... vì Hồng biết khách là ai rồi. Mẹ bảo Hồng ra xem coi khách là ai đây, Hồng chỉ mong có thể. Hôn đi ra cổng, bóng Hải và Thanh thấp thoáng ngoài bờ rào. Hồng mở cổng, khẽ cúi chào Hải, nắm tay Thanh đi vào nhà. Hai đứa nói chuyện líu-lo, Hải thì nhìn Hồng, mắt Hải êm-dịu làm sao, đẹp làm sao, đáng yêu làm sao !

Vào nhà, Hồng thưa với Mẹ : « Mẹ ạ, có Thanh đến chơi với con. » Hồng muốn nói có Hải nữa, nhưng không hiểu sao Hồng lại thôi. Mẹ Hồng tươi cười : Có Thanh đến chơi với Hồng đây à? Hải và Thanh chào Mẹ. Trông Hải lúc nào cũng có vẻ Sinh-viên Đại-học. Hải mặc áo sơ-mi trắng, trông hiền lành và đáng yêu quá !

Ngồi chơi được một lúc, Hải lễ-phép mà ngập-ngừng :

— Thưa bác, chúng cháu... xin phép bác cho Hồng đi ciné...

Mẹ rất vui-vẻ :

— Ừ, đi thì đi. Xem phim « Đời sống ở Sa-mac » phải không?

— Thưa bác, vâng ạ. Ở Majestic đây ạ.

— Ừ, phim hay lắm, nên xem lắm.

Sài-gòn sáng chủ-nhật, nhộn-nhip và tưng bừng, y như con tim của Hồng sáng nay.

Trong rạp, Hải và Thanh nhường Hồng ngồi giữa. Như thế, Hồng vẫn được ngồi cạnh Hải và cạnh Thanh. Ngồi xem rất đứng-dắn. Chỉ có một lúc, Hải nắm lấy bàn tay Hồng áp mạnh vào ngực Hải. Hồng sung-sướng muốn run lên, chỉ sợ Thanh trông thấy, ngượng c hết ! Hồng khẽ rút tay về...

★ 5 giờ chiều

Hồng đang soạn lại bài vở, thì Sứu đến.

Sứu mỉm cười bảo :

— Sáng nay mình trông thấy Hồng ở Bô-na...

— Thế à ? Sao không gọi Hồng ?

Sứu nheo nheo mắt :

— Mình cũng muốn gọi Hồng, nhưng mà... thôi !

Biết Sứu định trêu Hồng, Hồng cười không nói gì.

Sứu hỏi mượn tập luận của Hồng rồi về. Chắc Sứu đã trông thấy Hồng đi với Hải...

★ Thứ ba, 7-2 — 9 giờ đêm

Sáng nay đi học về có chuyện vui vui... Tan học, Hồng cùng mấy bạn đứng đón xe trước cổng trường. Xe lâu tới ghê, Hồng đứng suốt 15 phút rồi mà chưa thấy chiếc nào cả. Nhìn tầm bậy vàng sọc đỏ của sở Công-quan, Hồng hỏi Sứu :

— C. C. C. C. là gì, đồ Sứu biết ?

Sứu tỉnh nghịch :

— Là... Canh Chua Cá Chiên !

Có tiếng người cười khê phía sau lưng, Hồng vội quay lại. Một thanh niên đang nhìn 2 đứa, môi còn giữ nụ cười. Sứu then quá nín bật, Hồng cũng im luôn.

Thanh niên nhả-nhặt hỏi : Mai cô là học-sinh Gia-long ?

Thầy Sứu im lặng, Hồng phải trả lời (vả lại trông chàng ta cũng có vẻ hiền lành). Vâng, chúng tôi học Gia-long. Hồng hỏi lại : ông hỏi chúng tôi có chuyện gì ?

Thanh niên có vẻ lúng túng, không giả nhời được.

Câu chuyện đến đây thì xe vừa đến. Phải khó nhọc lắm tại Hồng mới leo lên xe được. Xe chật quá đi thôi, nghẹt cả người. Tại Hồng phải đứng chen chúc, bực ghê. Chàng thanh niên cũng leo lên xe và đứng gần bên Hồng và Sứu, chàng ta cò nhường cho Hồng và Sứu đứng được thong thả. Chàng ta tìm cách gọi lại chuyện :

— Xin lỗi hai cô học lớp nào ?

Sứu đáp :

— Dạ, chúng tôi học Đệ-tam ạ.

Sau một hồi nói chuyện, tụi Hồng biết chàng ta là sinh viên năm thứ hai ban Khoa-học, biết cả tên nữa chứ: Thái Nguyên-hoàng-Thái. Lúc xuống xe, chàng ta đòi biết địa-chỉ của tụi Hồng và xin phép được thỉnh-thoảng đến thăm. (Ơ hay, có quen biết mấy đâu mà đòi đến thăm người ta?) Hồng bảo:

— Cảm ơn ông, nhưng Thày Me chúng tôi khó lắm ạ. (Nói thế vì Hồng không thích chơi với bạn trai, ngoại trừ Hải, người duy nhất mà Hồng thương mến. Hải ơi! anh có biết là Hồng yêu anh lắm không?) Xê chừng.

Hồng và Sửu chào Thái, xuống xe đi về. Đi một quãng, quay lại thấy Thái ngẩn ngơ nhìn theo, Hồng thấy « tội-tội »...

Nhớ Hải quá, không biết giờ này Hải đang là gì? Hải có nhớ Hồng không nhỉ?

★ Thứ năm — 8 giờ đêm

Ban chiều có chị Minh Chung đến chơi, chị mang đến cho Hồng một tập hoa ép, toàn là những thứ hoa đẹp ở Đà-lạt, có cả Mimosa nữa. (Hải thích Mimosa lắm, đã có lần Hải nói thế với Hồng. Hồng cũng thích vậy, cái gì Hải thích là Hồng thích, hôm nào Hải tới Hồng sẽ mang tập hoa ép này ra khoe với Hải).

Chị Chung nhìn Hồng và bảo:

— Đạo này trông Hồng đẹp kinh-khủng! Thảo nào không có người mê sao được!

Hồng mắc cỡ:

— Ủ... ừ... chị cứ chê nhạo em mãi, em mà đẹp gì!

Chị Chung nói tiếp: Hồng có biết Luân không, cái anh chàng ngồi cùng bàn với Hồng hôm cưới chị Tuyền đây?

Hôm ấy Hồng bận « giận » Hải, có đề-ý đến ai đâu. Hồng đáp: Không, chị ạ.

— Anh chàng cứ hỏi đến em luôn.

Hồng cười, không nói gì. Hồng không thiết nghĩ đến ai nữa cả. Hồng chỉ nghĩ đến một người, một người ấy thôi... Thật thế, Hồng chỉ có Hải, duy-nhất chỉ có Hải thôi. Triệt để trung-thành với Hải.

★ Thứ sáu — 10 giờ đêm

Vừa thêu xong 4 chiếc khăn tay, ở góc có một đóa Hồng vừa chớm nở ôm ấp lấy hai chữ H treo vào nhau. Hồng sẽ gửi tặng Hải 2 chiếc. Trước khi gửi đi, Hồng xếp hai chiếc khăn trong túi áo Hồng đang mặc, để lấy tý hương thơm của Hồng cho Hải.

★ Thứ bảy — 8 giờ 20 đêm

Tối nay, Thày Me ăn cơm khách ở nhà Bác Đốc T. chị Vân và chị Mai đi chơi ở nhà mấy chị bạn cũng chưa về, nhà vắng quá chỉ có mình Hồng với chị bếp. Buồn buồn, soạn lại tập ảnh cũ, ngắm lại Duyên-Hồng thừa nhỏ. Đây là chiếc ảnh thuở Hồng còn nhỏ xíu, bé Hồng trong ảnh trông mũm mĩm như con búp-bê, đôi mắt tròn xoe, trông đến tức cười! Lớn hơn tí nữa. Hồng có những chiếc ảnh xinh xinh, Hồng thích nhất là chiếc ảnh chụp lúc Hồng 8 tuổi, với 2 chiếc bím tóc dài, Hồng mặc áo dài ngồi trên bãi cỏ trong thảo cầm viên. Năm đệ-tu học, tóc Hồng xỏa ngang vai; rồi những năm kế tiếp Hồng vào ban Trung-học với những chiếc ảnh « người lớn » hơn. Nhìn chiếc ảnh mới nhất, Hồng không ngờ bây giờ mình lại chóng nhớn thế! Chính kiểu ảnh này Hồng đã gửi tặng Hải và được Hải khen là « đẹp tuyệt ».

Mới ngày nào. Hồng « còn bé tí teo » thế mà bây giờ Hồng đã nhớn tướng như thế này cơ? Lại nhỉ! Chẳng có ai dạy mình học môn « yêu » mà mình đã biết yêu rồi. À, có chứ! Giáo-sư Ái-tình là Hải đây! Mỗi thiếu-nữ đến tuổi trưởng thành đều có một giáo-sư của Tình-yêu. Giáo-sư ấy không cần có cấp bằng gì cả,

học sinh cũng không cần đến lớp. Bài học đã chép trong đôi mắt. Bài học ghi trên đôi môi... Bài học truyền trong hơi thở!... Ô, đẹp xiết bao, bài học của Ai-Tình! Ý-nghĩa bao-la vĩ-đại! Tất cả những bài học của Vũ-trụ đều thu cả, trong mỗi một bài học của con tim gồm ba chữ: em yêu anh!

★ Thứ hai, 8 giờ 30 đêm.

Sáng nay, đang ngồi học trong lớp, bà giám-học vào. Bà cho biết nhà trường sẽ tổ chức một buổi ca-vũ-nhạc kịch, do chính học sinh trường phụ trách để lấy tiền giúp quỹ Thương-binh. Nhìn qua một lượt, bà gọi Hồng và chị Liên, thì ra Hồng và chị Liên được chỉ định đóng góp phần văn-nghệ cùng với một số chị em ở lớp khác. Hồng muốn từ chối, nhưng Hồng không dám, bà giám học bảo đó là việc nghĩa, đáng lý tại Hồng phải tự tình nguyện chứ không phải chỉ định. Hồng lo quá, không biết Hồng có làm được «trò-trồng» gì không?

★ Thứ ba, 12 giờ 30 trưa.

Trưa nay, phải vào trường tập vũ với mấy chị đây. Còn phải lo tìm mua bản « khúc nhạc ngày xanh » để tập hát nữa chứ. Mấy chị ác thật, cứ bắt Hồng phải soạn thành một bài, không làm sao hơn được, Hồng đành chịu vậy.

Còn đúng 2 tuần nữa là đến ngày trình diễn rồi.

★ Thứ tư, 7 giờ đêm.

Mấy hôm nay, cứ học đến giờ chót là Hồng phải sang phòng văn-nghệ của trường để tập ca, tập vũ. Hồng vũ trong vũ khúc « múa nón », điệu vũ thuần túy Việt-Nam này làm Hồng thầy thích-thích... Mấy chị đảm nhiệm phần văn nghệ đông ghê, lớp nào cũng có ít nhất là 2 học sinh, người nào cũng xinh và hát giỏi, chỉ có Hồng, Hồng dở quá, không biết Hồng có làm xong phận sự không?

★ Thứ sáu — 8 giờ đêm.

Đạo này Hồng bận rộn ghê, lớp lo học bài, lớp lo hoạt động văn-nghệ. Dù vậy, Hồng vẫn nhớ Hải, luôn luôn nghĩ đến Hải.. giờ phút này Hải đang làm gì nhỉ? Hải có bận rộn như mình không?

Hải ơi, em nhớ anh lắm, anh đã ngự trị trong tim em! Anh đã chiếm mất cả linh-hồn của em rồi!... Em học môn gì cũng có anh cả. Trong bài tính đại-số cũng có anh. Trong bài vật-lý-học cũng có anh. Trong các bài Sử, Địa, Việt-văn, Anh văn, đều có anh... Em vẽ hình tam-giác, có anh ngồi trên đỉnh. Em vẽ hình tròn, có anh ngồi nơi trung-tâm. Em vẽ bản-đồ thế-giới, có anh phảng-phất khắp cả núi sông, có anh ngự-trị khắp trời, khắp bể. Cả vũ-trụ là anh. Tất cả là anh. Anh là tất cả!...

(còn nữa)



★ KỶ NIỆM

Trong dịp đi nghỉ mát, vợ chồng ông A có làm quen với một cặp vợ chồng rất vui vẻ. Hai gia đình cùng giao du với nhau thân mật và đã cùng nhau chụp rất nhiều hình kỷ niệm.

Khi trở về, mỗi gia đình một nơi, vợ chồng ông A cấp ca cấp cũng lựa những bức ảnh đẹp dán vào một quyển « an-bom » (album) và gởi biếu hai vợ chồng ông bạn.

Một thời gian chẳng thấy tin tức gì cả.

Một hôm hai vợ chồng tiếp một người lạ mặt đến tự xưng là đại diện cho luật pháp và hỏi có phải là hai ông bà đã gởi quyển « an-bom » ấy không?

Ngã ngũ ra mời biết luật gia ấy là đại diện cho bà vợ chính thức của ông bạn kia, và bà ta đã xin ly dị với « đức ông chồng » vì tội không dẫn chính bà mà lại dẫn « mèo » đi nghỉ mát.

Mấy bức ảnh kia là những bằng chứng quý báu vô cùng về tội ăn vụng.



★ **NGUYỄN - VĂN - CỎN**

vấn - đề học

SINH - NGŨ

(tiếp theo P.T. 86)

Bạn thân mến,

Kỳ này tôi sẽ bàn với bạn về những kiến thức văn-học (Connaissances culturelles) trong việc học sinh-ngữ.

Đồng thời, hay sau khi học sinh thấu thập những kiến thức thực dụng, người ta phải đề cập đến vấn-đề học sinh ngữ một cách rộng rãi sâu xa.

Biết nói một ngoại ngữ một cách thông thạo, chưa hẳn là

hiểu được văn-hóa của nước ấy. Thiếu chi người nói thông thạo tiếng Việt-Nam, nhưng không hiểu biết văn chương Việt-Nam.

Trong việc học sinh-ngữ, tìm hiểu những kiến-thức văn-học, tức là đã nâng việc học lên một cấp cao hơn. Những kiến-thức ấy rất quan hệ trong việc giao dịch về phương - diện văn-chương, ngoại giao hay khoa-học.

Nếu ta chỉ bàn riêng văn-chương thôi, ta cũng đủ thấy cần phải nhiều công học tập mới thấu hiểu được. Ta cần phải có kiến thức về nguồn

BỨC THƯ - PARIS

gốc, lịch-sử và sự biến-chuyển của văn-chương ấy. Lẽ tự-nhiên ta phải hiểu về Văn-phạm, ý-nghĩa của từ điển và tâm-lý của văn ngữ mà ta muốn học hỏi.

Một giáo-sư sinh-ngữ phải có những kiến thức ấy để có thể phân tách một áng văn và đề có thể diễn tả qua tiếng mẹ đẻ cái hay, cái đẹp và sắc thái (nuances) của danh-từ.

Sự hiểu biết một cách xác-định và sâu sắc như vậy lại càng thêm phần quan trọng nếu ta đi vào địa hạt ngoại-giao và khoa-học. Dịch sai một Văn kiện ngoại giao có thể làm tổn hại cho sự giao dịch giữa hai nước và nếu dịch sai bài chỉ dẫn về tánh chất, hiệu quả và áp dụng của một dược phẩm, có thể nguy hại đến sinh mạng của con người. Đó là ta chưa nói đến sự phức tạp của bao nhiêu vấn đề khoa học và kỹ-thuật.

Vì những lẽ nói trên, những sinh viên Pháp khi theo học lớp cử-nhân, hay thạc-sĩ Anh-văn cũng phải theo học Văn-chương Pháp : khi những giáo sư này ra dạy các học sinh Pháp, thì học sinh chưa đủ sức hiểu

nguyên bản Anh-văn, nên giáo-sư cần phải giảng bằng tiếng Pháp. Nếu giáo-sư Pháp mà chỉ biết có Anh-văn và không đủ tài giảng qua tiếng Pháp, thì tốt hơn người ta dùng ngay giáo sư người Anh. Tại Đại-học Sorbonne cũng có nhiều lớp dạy ngay bằng tiếng Anh, do hoặc các giáo-sư Pháp, hoặc các giáo sư Anh giảng giải, nhưng tất cả học sinh muốn thi cử-nhân hay thạc-sĩ Anh phải theo học luôn Pháp-văn. Vì phải hiểu rõ hai thứ tiếng, tiếng mình và ngoại ngữ, nên những bài giảng mà Đại-học rất chú ý và khi thi rất khó cho thí sinh, tức là những bài dịch : dịch tiếng nước mình ra tiếng ngoài (thème), hay dịch tiếng nước ngoài ra tiếng nước mình (Version). Hai cách dịch này bắt buộc học sinh phải có kiến thức về toàn thể danh từ (Vocabulaire) của hai thứ tiếng, từ tiếng thông dụng cho đến tiếng trừu tượng (abstrait). Đề bạn đọc có thể quan niệm về sự học tập (préparation) cho đến cuộc thi sinh-ngữ tại Đại-học Sorbonne, tôi xin trích theo đây bản phúc trình của ban giám khảo kỳ thi thạc-sĩ Anh-

văn năm 1961, (kỳ thi này do giáo-sư Landré, giáo-sư tại Sorbonne và ông Eugène Cos-sard, tổng thanh tra Học chánh làm chánh chủ khảo).

1o) — Bài đầu (luận Anh-văn), tức là thí sinh phải làm bằng tiếng Anh.

Đầu đề :

« The mock-heroic in *The Nun Priest's Tale* and *Absalom and Achitophel* ».

Thí sinh phải nghị-luận về hai chuyện của *Chaucer*.

2o) — Bài thứ hai (luận làm bằng Pháp-văn.)

Đầu đề :

Shelley a dit de l'alouette qu'elle était :

*Like a Pæet hidden
In the light of thought,
Singing hymns unbidden,
Till the world is wrought
To sympathy with hopes and
fears it heeded not.*

Dans quelle mesure cette définition vous semble-t-elle s'appliquer à Shelley lui-même ?

3o) — Bài thứ ba là bài phản dịch (thème), một đoạn văn trích trong quyền Variété của

Paul Valéry.

Ai cũng biết văn của Valéry rất mới, chặt chẽ, kín đáo, sâu sắc và những sắc-thái (nuances) của danh từ rất là quan trọng.

4o) — Bài thứ tư, là bài dịch từ tiếng Anh qua tiếng Pháp (version) : bài thơ « *Against Hope* » của Abraham Cowley.

(Hai đầu đề bài dịch dài quá, tôi không thể chép nguyên văn ra đây).

Kỳ thi thạc-sĩ Anh-ngữ 1961 này, có tất cả 338 thí sinh. Đến ngày thi chỉ có 286 thí sinh có mặt.

Số được vào văn đáp là 78, và số trúng tuyển chỉ có 39 người, (trong số này có 2 người Tunisiens).

Xem như thế, ta đủ thấy cuộc thi khó khăn biết chừng nào.

Về hai bài dịch, theo bản phúc trình, về bài *thème* chỉ có một thí sinh được 12 điểm (theo số chấm 20) ; 110 bài dưới 7/20, và 18 bài 0,5/20 ; về bài *version*, thì bài hay nhất được 12/20 ; 168 bài dưới 7/20, và 52 bài từ 2 đến 0,5/20.

Xem như thế ta thấy rõ tuy là học chuyên-môn một ngoại

ngữ, nhưng Văn-ngữ nước mình lúc nào cũng cần hiểu biết một cách châu đáo.

Về sự dịch-thuật, ta thấy chia ra những loại khác nhau mà người dịch hay thí-sinh cần phải luôn luôn để ý, như loại Văn-chương, loại Chính-trị và Ngoại-giao, và các loại chuyên-môn ; khoa-học, thương-mại, v.v...

Mỗi loại đều có danh từ và phép dịch riêng.

Tôi có một anh bạn, hiện nay làm việc tại Sài-gòn, một hôm hỏi tôi :

« Tại sao, ở Sciences Po. lúc nào bài dịch Anh-ngữ của tôi cũng được từ 13 đến 15 điểm, mà đến khi làm bài dịch tại khoa văn-chương ở Sorbonne, bài của tôi lúc nào cũng dưới moyenne ? »

— Cái đó cũng dễ hiểu, vì ở trường chính-trị cần phải có danh từ đối chiếu, so sánh thật đúng, cần phải diễn ý nghĩa câu văn cho xác định. Còn tại Khoa văn-chương ở Sorbonne cần phải tìm hiểu ý nghĩa thâm thúy của câu văn, cần phải diễn tả ý vị tao nhã, thanh thú của một bài văn, hay một bài thơ và cần phải « kính trọng » nhạc điệu, thi vị và nghệ-thuật riêng biệt của một bài thơ hay của một thi-sĩ. Lẽ tự nhiên, ta không thể dịch một cách « máy móc »

những bài thơ của Shakespeare, Keats hay Musset, cũng như ta không thể dịch một cách « sơ thiên » qua tiếng Pháp hay tiếng Anh những câu thơ tài tình, tuyệt bút của Nguyễn-Du.

Bạn thử nghĩ xem, những câu Kiều như :

« *Mây Tàn khóa kín song the,
Bụi hồng lẻo-đẻo đi về chiêm bao* »,

hay những câu :

« *Nhân duyên đầu nũa mà mong,
Khởi điều thẹn phẫn, tủi hồng
lỡ may* »

và :

« *Ngon triều non bạc trùng
trùng,*

*Vời trông còn tưởng bóng hồng
lúc gieo,*

*Tình thâm, bề thăm lạ điều,
Nào hồn Tinh-Vệ biết theo chốn
nào ? »*

Những câu thơ này gồm biết bao nhiêu thi-tứ, gợi biết bao nhiêu tình cảm, đáng đặt trên đài Thi-văn của nhân loại. Như thế, người dịch phải làm thế nào cho xứng đáng với một áng văn tuyệt diệu, tài-hoa, và cố nhiên không nên làm sai lạc và « giết » thơ của người khác. Than ôi, dịch là phản !

(còn nữa)



Tuần

DÂN CHÚNG
LỊCH SỬ
XÃ HỘI HIỆN ĐẠI

CHÀNG TRAI NƯỚC VIỆT

1910-1960

(tiếp theo P.I. 86)

★ NGUYỄN-VỸ

T

RUỚC cặp mắt tò-mò và ngờ-ngác của Tuấn, thiếu-niên 14 tuổi của nước Việt-Nam 1924, thành-phố mà cậu đến lần đầu tiên để tiếp-tục việc học, cách xa tỉnh nhà trên 150 cây sô, thật là hoàn-toàn mới lạ.

Mới lạ, vì đây là một thành phố rộng lớn, ở ngay trên bãi biển. Mới lạ vì ở đây nhà cửa cao đẹp, đường phố rộng rãi, người qua lại đông-đúc, xe hơi chạy rần rần, « văn-minh tiên-bộ » hơn ở tỉnh của cậu nhiều. Mới lạ vì ở đây cậu thấy đủ các hạng Tây Đám: Tây quan, Tây nhà buôn, Tây « cò », Tây « cô-đạo », Tây giáo sư, có đến ba bốn chục ông, chứ không như ở tỉnh nhỏ của

cậu chỉ có bốn năm ông quan Tây và vài ba bà Đám mà thôi.

Di-nhiên, Tuấn còn là cậu học trò con nít, vẫn còn « sợ » các ông Tây, cũng như hầu hết học trò lúc bấy giờ. Cho đến đổi trong năm đầu, học Đệ-nhất niên, thường gặp các ông Tây « Cò-Đạo » (1) Tuấn cũng không dám đến gần!

Có thể nói rằng hầu hết thiếu-niên Việt-Nam thế-hệ 1924-25, cùng lứa với Tuấn đều có mặc-cảm rằng người « Tây » khác hẳn người « Ta » về mọi phương-diện, và tuy

(1) Danh-từ thông-dụng thời bấy giờ, để gọi các vị Linh-mục Gia-lô-giáo.

TUẦN CHÀNG TRAI NƯỚC VIỆT

đang học chữ Tây, nói tiếng Tây đã khá thạo, viết chữ Tây đã hơi thông. các cậu học trò thời buổi ấy vẫn coi Tây là một giống người xa-lạ, mà các cậu còn e-ngại, ngờ-vực, chưa khứng làm quen.

Tuần lại nhận thấy rằng người Tây ở một khu riêng biệt, nhà cửa cao-ráo, sang-trọng, có vườn hoa đẹp, có xe hơi, có Xâm giữ con, có bồi, có bếp có chó « Berger ». Đi ngoài đường ngó vào thấy có vẻ oai-nghiêm lạ! Cả thành phố lớn như thế, Tuấn không thấy được một nhà Việt-Nam nào sang trọng như nhà Tây.

Kể ra người Pháp sang xâm-chiếm và cai trị xứ ta đã gần 40 năm rồi mà sự cách-biệt giữa Tây với Ta vẫn còn xa lác xa lơ: cách biệt trong đời sống hằng ngày, cách-biệt trong các công cuộc hoạt-động hành-chánh, xã-nội, kinh-tế, thương-mãi. Cách biệt cả trong phạm-vi giáo-dục nữa.

Tuần đề-ý thấy rằng trường Tây để cho con Tây học riêng, và xây cất đẹp hơn, một tòa nhà đồ-sộ, kiên trúc nguy nga, giữa một khu vườn rộng, có

bốn cò, khóm hoa, ngay trên bãi biển, còn trường Việt sơ-sai, thấp lè-tè, xây trên một động cát khô khan gần churen núi. Không những thế, ở trường Việt, — một trường duy nhất học đến cấp bậc Cao-đẳng tiểu-học (Enseignement Primaire Supérieur) — có 5 giáo-sư Việt tốt nghiệp trường Cao-đẳng Hà-nội và 5 giáo-sư Pháp tốt-nghiệp tương-đương, (bằng Brevet Supérieur ở Pháp), mà sự giao-thiệp Pháp-Việt hằng ngày vẫn lơ-là gượng-gạo. Giáo-sư Pháp ít nói chuyện và ít giao-du thân mật với giáo-sư Việt, trừ một đôi trường-hợp hiếm-hoi. Quen tính tò-mò, Tuấn hay đề ý thấy trong các giờ chơi thảnh-thoảng hai ba Giáo-sư Pháp đứng nói chuyện với một vài Giáo-sư Việt độ 5, 10 phút, rồi Pháp lại cặp-kề với Pháp, Việt bị bỏ rơi đi thơ-thẩn trên hành-lang, mỗi người một ngã, không ai để ý đến.

Tuy - nhiên, nói như thế không phải là quá quyết rằng giáo-sư Pháp kiêu căng, phách lối. Trái lại hầu hết giáo-sư

Pháp đều rất thương mến học trò, và rất vui-vẻ với học-trò còn hơn các giáo-sư Việt nữa!

Trừ một Giáo-sư Toán rất đáng ghét, còn bốn ông khác đều gây được lòng cảm mến của toàn-thể học-sinh. Nhất là giáo sư Sử-ký, mỗi khi ông giảng Sử Pháp là học-trò nghe mê. Ông là người có chân trong hội Nhân-quyền và Dân quyền ở Paris, cho nên trong lúc giảng bài ông luôn luôn công-kịch kịch-liệt chế-độ quân-chủ thời Louis XVI và không ngần-ngại tuyên truyền cho đám thiếu-niên học-sinh « An-Nam » những tư-tưởng của cách-mạng Pháp 1789: Tự-do, Bình-dẳng, Bác-ái. Ông đã-kích bọn cầm quyền độc-tài, áp-chê, ông hô-hào tự-do, dân-chủ, để-cai các nhà Cách-mạng xã-hội Pháp như Jean Jaurès, ông đề cao cả cụ Phan-chu-Trinh, mà học trò ngơ-ngác chưa biết là ai! Cứ đến giờ Sử-ký Pháp, ông giáo Mariani vào lớp là y như thể sắp có cuộc diễn-thuyết cổ-động chống « chính sách thuộc địa ». Ông lật sách ra, giảng sơ-sơ năm mươi giòng, rồi bỏ sách xuống, nói

huyền-thiên, la âm-ĩ, hét thật to, đập bàn, đập ghế, đứng dậy, xắn tay áo, phùng mang, trợn mắt, mặt đỏ như quả gấc, ông nói, nói, nói. « Dân là Vua! Dân là Chúa trời! Vàng, đúng thế! Dân là tất cả! Dân là Chúa tể trong nước! Kẻ nào đề-nén Dân, bóc lột Dân, hãy coi chừng!... » vân vân...

Tuần ngồi há miệng nghe, như uồng ngon lành những lời nói ào-ạt, ngào-ngạt, của vị giáo-sư Sử-ký Pháp. Đến khi hết giờ, giáo-sư còn nói... nói... « Cách-mạng, là cuộc vùng dậy, cuộc quật khởi, của những kẻ yếu, chống lại kẻ bạo tàn! Và luôn luôn, kẻ yếu sẽ thắng! Bởi vì, luôn luôn, chân lý sẽ thắng! Công lý sẽ thắng! Tự-do sẽ thắng! Cường-quyền và áp-chê sẽ sụp-đổ như những tượng ác-thần luôn-luôn bị ngã gục, đổ nát tan-tành dưới lưỡi búa tầm-sét của Lịch sử!... » Xong ông đứng dậy, ôm cặp đi ra... Tuần muồn chạy theo ôm chân ông, muồn hôn bàn tay ông, muồn nín ông trở lại, thì vừa ông Gabriel, giáo-sư Toán bước vào.

Ông này có nụ cười lâu-cá, đôi mắt ranh mãnh, nét mặt độc-ác, trái hẳn với ông Mariani. Ông giảng Toán một lúc rồi gọi Tuần lên bảng:

— Mấy hãy vẽ một hình tam-giác hai cạnh đều nhau.

Tuần cầm phấn vẽ hình tam-giác hai cạnh đều nhau. Ông Gabriel mặt đỏ bừng, hỏi Tuần:

— Xong chưa?

— Thưa ông, xong rồi.

— Đi xuống, zéro!

Ông cho Tuần trong sổ điểm một con số-không tròn vo, thật đậm. Tuần không hiểu sao cả. Ông gọi người học trò khác lên bảng. Anh này giỏi Toán nhất lớp, và được ông Gabriel cưng nhất. Ông hỏi:

— Thắng Tuần nó vẽ cái hình tam giác đây có đúng không?

— Dạ thưa, không.

— Thiếu cái gì?

Trò kia cầm phấn để ba chữ A, B, C, nơi ba góc. Ông Gabriel gật đầu:

— Giỏi! Đi xuống.

Ông cho trò ấy 19 điểm. Tuần ngồi làm thình. Ông Gabriel nhìn nó, và mắng nó:

— Mấy là thằng ngốc! Thằng ngu! Crétin, va!

Tuần đứng dậy:

— Thưa ông Giáo-sư...

— Im cái mồm và ngồi xuống! Đồ mọi-rợ. Cả giòng giòng An-nam của mấy đều là mọi-rợ. Giòng giòng An-nam bản-thù, (sale race annamite!)

Cả lớp ngồi gục đầu, cắn răng, làm thình. Tuần cũng làm thình.

Bốn chục thằng thiếu-niên âm-thảm nuốt hận.

Lớp học lại tiếp-tục trong bầu không-khí nặng nề. Có lần cũng trong lớp học, ông Gabriel chỉ Đê-Thám là «trường cướp», chỉ vua Duy Tân là «thằng nhãi con» và có lần ông lấy một bài của Phạm-Quỳnh trong báo *France Indochine* ở Hà-nội, đọc cho học trò nghe, và khen tặng Phạm-Quỳnh một câu: « Đây là một người An-nam thông-minh », (*Voilà un Annamite intelligent.*)

Năm ông Giáo-sư «An-nam» có lẽ không thông-minh chăng, vì học trò mết lại cho các ông nghe những lời của vị Giáo-sư Pháp kia chỉ rủa giòng-giòng

An-nam như thế, các ông vẫn điếm-nhiên. Có ông lại còn cười, cho là những lời nói đùa. Một ông Giáo-sư Luân-lý lại còn điếm một câu phê bình: « Người mạnh bao giờ cũng có lý. Các cậu không nên phân nân. »

Tuần chia Giáo-sư Pháp ra làm ba hạng: Giáo-sư Toán, Gabriel: Đáng ghét. Giáo-sư Sử-ký Pháp: Mariani: đáng kính-phục. Hai Giáo-sư Pháp-văn, và Giáo-sư Địa-dư: đáng mến.

Tuần cũng chia Giáo-sư « An-nam » làm 4 hạng:

Ô. Tr. Giáo-sư Lý-hóa: đáng sợ (ông này nghiêm quá)

Ô. Th. Giáo-sư Luân-lý: đáng ghét (vừa làm phách, vừa dạy dở, lại hay gắt gỏng, ưa nịnh Tây).

Ô. V. Giáo-sư Việt-văn, đáng ghét (vừa làm tàng, vừa kém Việt-văn, cũng nịnh Tây đôi chút).

Ô. B. Giáo-sư Sử-ký Việt-Nam: đáng mến, dạy giỏi.

Ô. D. Giáo-sư Vẽ và Viết-tập: đáng mến, hiền lành.

Dần dần, quen với các Giáo-sư Pháp, Tuần thích lân-la

nói chuyện với họ, và bắt đầu có những ngạc-nhiên mới lạ. Như có 3 ông trong số 5 ông, sáng chủ-nhật không đi nhà thờ, đêm Noel không đi lễ. Tuần đánh bạo hỏi, ông M. cũng như hai ông Giáo-sư Pháp-văn, bảo: « Tôi không tin có Chúa ». Trái lại, ông Gabriel là một tín đồ nồng nhiệt, ông Giáo-sư Địa-dư cũng là một con chiên trung-thành, sáng chủ-nhật nào Tuần cũng gặp ông đi nhà thờ rất sớm. Tuần liền có ý nghĩ:

« À, thế ra không phải tất cả người Pháp đều theo Đạo Gia-tô ». Sau nấy, có ông Martin và cô vợ trẻ đẹp của ông là con gái ông Đốc học, cả hai đều là giáo-sư Pháp-văn và Văn-phạm, cũng không khi nào đi Nhà-Thờ. Hơn nữa, ô. M. thường công-kích Đạo Gia-tô kịch-liệt. Ông công-kích cả đạo Phật, cho là tất cả các tôn-giáo đều là mê tín. Còn Giáo-sư « An-nam » thì không ai theo đạo Gia-tô cũng không ai theo đạo Phật: các ông theo đạo Cờ-bạc. Đêm nào các ông cũng đánh tứ sắc, hoặc xỏ tam-hương. Tuần biết

hết các nơi hội-hợp đồ-bác của các ông, chỉ trừ ông Giáo-sư Sử-ký Việt người Bắc, góa vợ. Ông này có một đời sống thanh bần giản-dị, có hơi « phi-lô-dốp » một chút.

Tuần ở trọ nhà một Thầy Thông Kho-bạc, người Hoàng-phái, họ Bửu. Một đêm thứ Bảy, có bốn Thầy tụ-hợp trên gác nhà thầy Bửu V... để đánh tổ-tôm. Tuần ngồi ngoài hè, chăm chỉ ngó con thần-lăn bò trên mặt kiềng đèn « carbure » dựng bên lề đường. Bóng nó năm dài thườn-thượt xuống đường-cải như một bóng ma, lúc biến lúc hiện, lẫn với bóng lá bóng cây run-run trong gió lạnh.

Bỗng có một Thầy cùng sở với Thầy Bửu V. tên là Thầy H. đi xe máy đèn. Thầy xuống xe, móc trong túi lấy ra một tờ giấy in gấp lại dày-mo, nhét vào tay Tuần và khế bảo:

— « Đi vào nhà, đọc đi — Đừng cho ai thấy. Đọc lên, rồi xo giờ tôi lấy lại ».

Nói xong, Thầy dắt xe máy vào nhà thầy Bửu V., đóng cửa lại, rồi trèo thang lên gác, nhập vào sông bài Tổ-tôm.

Còn một mình Tuần ở nhà dưới. Tuần hết sức ngạc-nhiên, mở xấp giấy in ra, thấy ba chữ to-tướng in màu đỏ: « Việt-Nam Hồn ».

Lần đầu tiên, cậu thiếu-niên Trần-em-Tuần cầm trong tay một tờ báo. Cậu ngó kỹ thấy trên đầu trang dưới giòng chữ « Việt-Nam Hồn », một câu cũng in màu đỏ đại khái như sau đây: « Cơ-quan tranh-đấu cho nền Độc-lập của nước Việt-Nam » dưới có giòng in đen: « *Trụ sở Trung-ương ở Marseille, Pháp-Quốc* ».

Tuần vừa sợ, vừa mừng, run lên. Cậu lên giường nằm trằm chiêm chiêm, để lộ đầu ra, và đặt cái đèn dầu lửa gần đầu giường. Cậu xem tờ báo, say mê, như muốn nuốt cả vào bụng những cột báo đầy rẫy những câu hô-hào Ái-quốc, cổ-dộng Cách-mạng chông-Pháp, tranh-đấu dành lại độc lập, tự-do.

Những bài thơ in trong báo Việt-Nam-Hồn mà Tuần còn nhớ, như:

*Hăm lăm triệu đồng-bào nổi dậy,
Đuổi quân thù ra khỏi giang-sơn,
Chớ sao ngậm oán nuốt hờn,*

Đề mang túi nhục cho Hồn Việt
Nam!
Bẻ xiềng-xích, phá vòng nô-lệ!
Đem máu đào rửa hận Non-
Sông,
Hỡi đàn con cháu Lạc-hồng,
Chớ mê giấc ngủ còn hồng việc
chi!

nhắm mắt đọc ôn lại hai ba
lần cho thật nhớ từng chữ,
từng câu, chữ không dám
chép ra giấy, để còn đọc
những bài khác, những trang
khác, tất cả bốn trang giấy lớn
in đầy những lời xúi dục
khởi-nghĩa, thức tỉnh đồng
bào...

Bài thơ còn dài lắm... Tuấn

(còn nữa)



★ ĐẠO DIỄN

Một ông đạo diễn sân khấu, dàn cảnh cho một vở tuồng trong đó có một « xen » rất mùi là đôi trai tài gái sắc chia tay nhau trong cảnh hoàng hôn, lúc ánh tà dương sắp lặn, chân trời vàng rực một màu đỏ ối...

Ông ta lẳng xăng chỉ vẽ cho các thợ đèn và nhân viên sân khấu đặt cái đèn ở chỗ này, xê dịch chỗ kia và thử tất cả các phương pháp phối hợp kỹ thuật điện khí để tạo nên cái ánh sáng cả đỏ lẫn vàng chiểu sáng rực sân khấu y như ánh sáng của một cảnh hoàng hôn thien nhiên vậy.

Suốt cả giờ đồng hồ, ông nói, ông hét khan cả cổ, thợ đèn làm việc trời chết... Bỗng ông vỗ tay lên sung sướng, khi thấy đúng cái ánh sáng của ông muốn chiếu khắp cả sân khấu Ông la to : Đứng rồi ! Đứng là cảnh chiều tà thơ mộng của tôi rồi. Các chú nên để yên vậy nhen, và ghi các đặc điểm kỹ thuật, vị trí đèn đuốc cho kỹ đấy.

Ông xếp thợ đèn thông thả trả lời :

— Ông ơi ! tôi rất tiếc ! cái ánh sáng đó chính là cái nhà hát này đang cháy ông ạ.

Tôi ước màu xanh, ước thái bình :
Súng đồng biển thề chiếc nôi xinh
Nồi cơm bốc khói nhà no ấm,
Đời tỏa muôn hương, thấm vạn tình.

Mơ ước ngàn hoa lấp chiến-trường,
Chiến xa thôi hãy chờ lòng thương.
Đưa tình nhưn-loại về muôn ngã
Hàn gấm đau thương khắp nẻo đường.

Tàu chiến, xa-tăng hóa mấy cày
Chung mùa xây dựng vạn bàn tay,
Thành đô quyện khói khu nhà máy,
Đồng nội xanh tươi, ruộng lúa say.

Trực-thăng, thôi hãy biến hàng không
Dân-sự giao-thông đỡ nhọc lòng ;
Vận chuyển trao nhau hàng, sản phẩm
Kịp thời cung cấp thị trường đông.

Đồn-lính, trại lính hóa nhà thương,
Xiềng-xích gây nên cảnh đoạn trường
Nhà khám ước ra nhà dạy trẻ,
Gieo cây văn hóa nở ngàn phương.

Tôi mơ chim sắt hóa chim câu,
Cao-xạ thành cây ghép nhịp cầu
Xoa vạn oán-hờn bôi giới tuyến
Cho đường sông núi nối liền nhau.

★ M. T.
(Cần-Thơ)

(công-cuộc tạo-hóa vẫn chưa xong)

„ Die Schöpfung
ist noch nicht
zu Ende „

★ MARLIS POST
(Hamburg)



HÙNG ta đọc trong Thánh-Kinh câu sau đây về ngày thứ Sáu của buổi khai thiên lập-địa : « Và Chúa tạo ra người theo hình-ảnh của Chúa ».

Câu ấy cũng được trích ra đề trên chương đầu, là chương hấp-dẫn nhất, của một quyển sách phổ-thông khoa-học trong đó đã được trình-bày các lý-thuyết mới nhất về sự sáng-tạo đời sống trên quả Đất.

Quyển sách ấy tựa là : « Die Schöpfung ist noch nicht zu Ende » (dịch đúng theo nghĩa : Sự tạo-hóa vẫn chưa xong. —

— La Création n'est pas encore achevée) và vừa mới được giải-thưởng Khoa-học Quốc-rê. Giải thưởng này

CÔNG CUỘC TẠO HÓA VẪN CHƯA XONG

dành riêng tặng một quyền sách phổ-biến Khoa-học, được đặt ra năm 1960 do các nhà xuất-bản lớn nhất của 10 nước : Econ Verlag (Đức—Autriche), Boa Leitura (Brésil), Je-Gaade (Hollande), Garzanti (Italie) Hodder & Stroughton (Anh), Forum—Suède, Jespersen og Pios (Danemark), Nogner S. A. (Espagne), Hachette (Pháp) và McGraw-Hill (Huê-kỳ). Trong 367 quyển dự thí của các nhà Bác-học khắp thế-giới, Ủy-ban giám-khảo chỉ lựa chọn được một quyển mà thôi, tức là quyển sách vừa kể trên của nhà Hóa-học Đức Friedrich Ludwig Boschke, một nhà bác-học Tây-Đức đã lừng danh từ lâu về những bài nghiên-cứu đặc-sắc nhất trên lĩnh-vực khoa-học hiện-đại.

Quyển sách này đã được toàn thể ủy-ban giám-khảo, và các nhà phê-bình khoa-học các nước công-nhận là quyển sách khoa-học có giá-trị nhất hiện nay, nhờ viết bằng một lời văn rất dễ hiểu, để có thể phổ-biến khắp các tầng lớp xã-hội ở khắp thế-giới, những lý-thuyết mới nhất và xác-

thật nhất về một vấn-đề bí-hiêm nhất : Đời sống đã có trên mặt Địa-cầu từ bao giờ ? Bằng cách nào ? Do ở đâu ra ?

Tác-giả đã trình-bày đầy-đủ tất cả các lý-thuyết tiên-bộ nhất về Khảo-cổ-học (Archeology), nhân-chủng-học (anthropology) thiên văn học (astronomy), Hóa-học (Chemistry Physics).

Phụ-đề của quyển sách ấy là : « Naturwissenschaftler auf den Spuren der Genesis » (dịch nghĩa là : Các nhà Bác-học theo dấu vết của Kinh Genesê) (1) đưa chúng ta đi qua các phòng thí-nghiệm khoa-học và trong không-gian vũ-trụ, để cho chúng ta theo dõi các cuộc thí-nghiệm, và nhận-chân các kết luận của các nhà Bác-học. Trong một chương sách hấp-dẫn nhất, tác-giả mô-tả tỷ-mỷ sự kết-cấu trong không khí nguyên-thủy các chất albuminoïdes cần thiết cho sự sống, và

(1) Genesê : « Tạo lập Thế-giới » chương đầu của Cựu-Uớc trong Thánh-kinh Gia-tô-giáo.

chứng-minh rằng có những sinh vật thấp-kém hơn đã được khám phá trên các Vần-thạch (Météorites) — đã sống trên các hành tinh khác.

Tác-giả, ông Boschke, đã thu thập suốt 10 năm kê-cứu, tất cả những kết quả thí-nghiệm của khoa-học hiện-đại, để giảng-giải các hiện tượng của sự tạo lập vũ-trụ, và sự xuất hiện của đời sống trên Địa-cầu. Quyền sách chứa đựng dồi-dào các bằng chứng khoa-học và nguyên do các khám phá, các phát-minh, các sự-nghiệp vĩ-đại của các nhà

Bác học tìm hiểu bí-quyết khoa-học của Trái Đất và của Vũ-trụ.

Tác-giả kết luận rằng Khoa học hiện-đại đã làm sáng-tỏ dần dần các bí mật của « Tạo-hóa », và do đó khoa-học có thể đem ra phê bình khách-quan các ức thuyết của kinh Genèse.

Quyển sách của Friedrich Ludwig Boschke sẽ hướng dẫn độc-giả trong việc học hỏi các vấn-đề hiện hữu của Khoa học.

MARLIS POST
(Hamburg)



★ BẢO KÊ

Hai bà cùng đi một chuyến máy bay. Thấy trời hôm đó mưa to gió lớn, hai bà đều có vẻ lo sợ và bàn với nhau cùng bảo hiểm nhân mạng ngay tại phòng bảo hiểm ở phi trường.

Hai bà nghĩ mãi, không biết nên đề cho người nào thừa hưởng tiền bảo kê, nếu chẳng may bị rớt ro vì 2 bà cũng đều góa chồng và không có con cháu gì cả.

Nghĩ mãi, bà nọ nói với bà kia :

— Em đề tên chị nhé !

Bà kia tỏ vẻ vui mừng :

— Ờ, hay đấy, em cũng đề tên chị nhé !

Ký xong giấy tờ, hai bà vui vẻ bước lên máy bay, có vẻ rất yên lòng.

VIỆT

mang âm-hường

CHÀM

★ JAPA PANRANG



ÂU nay có nhiều nhà khảo-cứu đã viết khá nhiều về ảnh-hưởng Chăm trong nền văn-hóa Việt-Nam : nào là ảnh-hưởng về tôn-giáo và tín-ngưỡng, di-tích và mỹ-thuật, văn-chương và ngôn-ngữ v.v... Có một vài tác-giả khi khảo-cứu mà gặp những danh-từ lạ trong ngôn-ngữ Việt-Nam thì thường cho những danh-từ ấy là do cội-rễ tiếng Trung-hoa, tiếng Pháp, hoặc giả cho là do tiếng Chăm, nhưng ít khi được định nghĩa rõ-ràng và đôi khi còn có thể nhận định sai lầm nữa.

Đề gọi là góp một phần nhỏ

vào công cuộc tìm hiểu ngôn-ngữ Việt-Nam đã mượn một số tiếng Chăm, chúng tôi không thể đưa ra hết những tiếng Việt mà chúng tôi suy ra là do nguồn gốc tiếng Chăm, nếu có thể, chúng tôi sẽ đề cập trong một bài khác khá đầy đủ hơn, còn phạm vi bài này có tánh cách lược khảo, nên chỉ bàn qua một vài danh xưng có vẻ « bí hiểm » thôi.

Xuyên qua lịch-sử, khi dân-tộc Chăm chiến bại, qua nhiều thế-kỷ, dần dần họ phải nhường hẳn đất đai, di-sản ở suốt dọc miền duyên-hải Trung-phần lại cho dân-tộc Việt, đồng thời một

số địa-danh và các thổ ngữ khác ở miền ấy cũng được người Việt thu dùng, hoặc gọi đúng theo âm Chăm, hoặc dựa theo tên cũ của Chăm rồi gọi nom theo, đó là trường-hợp những tiếng Chăm được Việt-hóa, cũng có khi người Việt dịch nghĩa tiếng Chăm ra tiếng Việt, hoặc bỏ hẳn tên cũ của Chăm mà đặt lại tên mới hoàn toàn theo tiếng Việt. Vì lý do trên kia, nên ngày nay ta thấy ở nhiều nơi thuộc Trung-phần hãy còn nhiều hòn đảo, sông ngòi, đồi núi, làng xóm, di-tích v.v... và một số danh-từ trừu-tượng khác đều có mang âm hưởng Chăm :

★
**YAVANA —
YUAN — DUỒNG**

Nếu người Thái-lan, người Lào và một số dân-tộc thiểu-số ở Bắc-Việt gọi người VIỆT là KEO (có lẽ do tiếng Trung-hoa : KIAO-TCHE : GIAO-CHI), thì các dân-tộc láng giềng khác như Cam-bốt, Chăm và hầu hết

người Thượng ở Cao-nguyên Trung-phần đều gọi người VIỆT là YUAN (có nơi viết : YUON, YUON, YUON, DUON, DUON và DUÔNG). Dường như danh xưng trên đây đã được các dân-tộc ấy dùng từ lâu, hoặc trực-tiếp hoặc qua trung-gian người Chăm.

Theo G. COEDÈS, chữ YUAN là do tiếng Phạn YAVANA (La Stèle du Prah Khân d'Angkor, Kỷ-yếu Viễn-Đông Bắc-cổ Học-viện, Quyển XLI, 1941, trang 269, 299, 301 và 461). Ta nên hiểu thêm rằng thường thường các dân-tộc theo văn-minh Ấn-độ, ở bán đảo Đông-dương nói chung và dân tộc Chăm nói riêng, khi họ mượn tiếng Phạn — nói cũng như viết — họ hay thu ngắn lại. Vì tiếng Phạn thuộc loại đa âm (polysyllable), còn tiếng Chăm thuộc loại đơn âm (monosyllable). Trong ngôn-ngữ Chăm cũng có một số tiếng thuộc loại đa âm, có từ hai đến ba, bốn âm, nhưng chỉ là số ít. *Ti dụ :*

Phạn :	Chăm :
<i>Pangdurangga</i> =	<i>Pangdurang</i> : địa-danh cũ miền Nam Trung-phần.
<i>Champa</i> =	<i>Cham</i> : người Chăm, xứ Chăm.
<i>Kapila</i> =	<i>Kapil</i> : bò thần, v.v...

Theo E. AYMONIER và A. CABATON, Tự-vị Chăm-Pháp, Paris, 1906, trang 401 : YUAN là người Việt, xứ Việt-nam.

Theo J. GUESDON, Tự-vị Cam-bốt — Pháp, Paris, 1930, trang 1411 : YUON cũng có nghĩa là người Việt, xứ Việt-nam và còn có nghĩa khác : man-di hay người lạ, người khác giống (barbare, étranger).

Truy cho ra căn-nguyên chữ YUAN và YAVANA bắt nguồn từ đâu, quả thật là khó, vì chưa có sách nào minh-định đôn-thỏa.

Theo tài-liệu của LÊ ĐÌNH CHÂN, Cuộc đời oanh liệt của Tả quân Lê-văn-Duyệt, Sài-gòn, 1956, trang 65 : « *Cáp dưỡng ! Cáp dưỡng !* » (*Cáp : giết, dưỡng : người Việt-Nam, do chữ Vương đọc trạnh ra, vì đối với người Thổ (Cam-bốt) người Việt là người của An-Nam Quốc-Vương.*

Với sự định nghĩa này đúng hay sai, xin dành cho độc giả quyền phê-phán.

Ngoài ra người Chăm còn gọi người Việt và xứ Việt-nam là JOK (đọc : CHỢ), về điểm này nhất định người Chăm mượn

tiếng Việt : KỂ CHỢ (tiếng xưa gọi người Việt). Tự-vị Chăm-Pháp, trang 152 có chép : *Nogar JOK* : xứ Việt-nam, và JOK : người Việt.

Về danh xưng JOK có một vài diên-tích Chăm như sau : Thời vua Chăm Chế-bồng-Nga, *Pa-tao Bin-nu-thuôn*, 1360-1390, sử sách đã công nhận là một Ông vua anh-hùng bậc nhất của dân tộc Chăm. Ngày nay trong các bài anh-hùng-ca (hymnes) đề tưởng-niệm công ơn của các vị vua chúa Chăm, người ta còn tìm thấy bài kỷ niệm về Chế-bồng-Nga có danh xưng JOK lồng vào mấy câu theo thể thơ lục bát Chăm :

... Jôi jiông di JOK lô tra,
Jiông di đa-ra JOK thiam bi-nai,
Jôi jiông di JOK lô đay,
Jiông di ku-may JOK thiam bi-nai...

Tạm dịch :

... Đừng mê KỂ CHỢ quá
nhiều,
Mê gái KỂ CHỢ mĩ-miêu thướt
tha,
Đừng mê KỂ CHỢ say sưa,

Mê mỵ (1) KỂ CHỢ có thừa
sắc, duyên...

HANG, DANAK, DARAK
hay **DURAK**
(cửa) **HÀN, ĐÀ - NĂNG**
TOURANE

Trong tài-liệu : Tìm hiểu vài
địa-danh Trung-Việt, Văn-hóa
Nguyệt-san 57, 1960, trang 1611
1615, Bao-La cư-sĩ đã có công
tham khảo nhiều tài-liệu cổ đề
bàn về danh xưng Tourane (Đà
năng). Có thể tóm lược như sau :

« *Cuham, Chéan*, theo Tây-
phương, đề rời biến thành tiếng
Việt là *Cửa-hàn, Kê-hàn, Thủ-
hàn, Giũ-hàn*. Rồi có lẽ hai chữ
Thủ-hàn đã được người Tây-
phương phiên âm ra *Touron,*
Turon, Turan, Tourane. Có người
cho rằng Tourane do hai chữ
Châu-ranh, có nghĩa là Châu
làm ranh giới giữa hai nước
Việt và Chàm ngày xưa. Một
thuyết khác cho rằng Tourane
bắt nguồn ở một làng sở tại có
tên là *Thạc-gián* mà viết lầm là
Tu-gián, vì hai chữ Thạc và Tu

(theo hình dạng chữ Hán) viết
gần giống nhau, do đó, qua một
người thông ngôn bất thông,
người Tây-phương đã phiên âm
Tu-gián ra *Tourane*. Còn danh
xưng *Đà-năng* lại có một nguồn
gốc Chiêm-Thành (Chàm) : *Đà*
là sông, *Năng* là lớn. Vậy *Đà-
Năng* có nghĩa là *Sông-Lớn*.
Người Trung-hoa đọc là *Tu-
Năng*. »

Theo Bao-La cư-sĩ đã đưa ra
những giả thuyết trên, chúng tôi
thấy chưa được thỏa mãn, nên
một phần chúng tôi tra cứu lại
Tự-vị Chàm-Pháp do hai nhà
học giả E. Aymonier và A. Caba-
ton, hai vị này chuyên-khảo và
có viết nhiều tài-liệu, một phần
chúng tôi dựa vào tiếng Chàm
phổ-thông đang được người
Chàm dùng đến, thì chúng tôi
thấy có những danh-từ sau đây
có âm và có nghĩa rất gần với
danh xưng Hàn, Đà-năng, và
Tourane :

— **HANG** tiếng Chàm, có
nghĩa là bờ (bờ giếng, bờ hồ,
bờ sông, bờ biển) ;

— **DANAK** tiếng Chàm, có

(1) Tiếng Chàm là muk (đọc : mủ), nghĩa là người đàn bà có
tuổi hay có địa vị trong xã-hội, cũng gọi ku-may : urang ku-may :
người đàn-bà ; muk ku-may : mụ đàn-bà, bà.

nghĩa là biển hay Darak cũng có
nghĩa là biển ;

— **DARAK** (có khi còn viết là
DURAK) cũng có nghĩa là biển
và còn có nghĩa thứ hai là chợ.
Ngoài ra chữ **DANAK** còn có
nhiều nghĩa khác nữa, nhưng
không liên-quan đến vấn-đề này,
nên không bàn đến (xin xem tự-
vị Chàm-Pháp, trang 213, 215,
219, và 501).

Theo Phạm-dình-Khiêm, Xã-hội
Việt-Nam thế-kỷ XVII, Khảo-cổ
tập-san, số 2, cũng có đề cập
đến danh xưng Đà-Năng, Toura-
ne, Hàn, đại-khái : « (...) Hội-
an ở cửa sông Thu-bồn, nguyên
là « *Đại-chiêm hải-khâu* », nghĩa
là cửa bể nước Đại-chiêm. Cách
vài chục cây số về phía Bắc, là
cửa Hàn hay Đà-năng (sông Vĩnh
diễn), mà người Tây-phương
mệnh danh là « *Turon* » hay « *Tou-
ron* », sau quen gọi là « *Tourane* ».
Tuy là hai cửa bể khác nhau,
song vị-trí ở gần nhau giao-
thông với nhau rất dễ dàng
cả bằng đường bề và đường
sông, nên nhiều khi người
Âu-châu coi là một hải-cảng
duy nhất với hai ngõ vào,
và gọi tên chung là « *Hải-cảng
tỉnh Quảng-Nam* » hoặc theo
danh-từ thời ấy là « *Hải-cảng*

Kê-chiêm ».

Theo chúng tôi nghĩ, ở Hội-
an còn có danh xưng cửa *Đại*,
có lẽ không phải đề chỉ riêng cho
cửa sông Thu-bồn như ngày
nay mà trước kia có ý
chỉ chung cho cả cửa sông
Vĩnh-diễn ở Đà-năng nữa, như
thế mới gọi là *Đại* được, hoặc
do danh xưng *Đại-Chiêm hải-
khâu* nói tắt lại chẳng ? Người
ta còn mô tả ở hải-cảng này
là một vùng biển yên sóng lặng,
có nhiều người ngoại quốc như
Trung-hoa, Nhật-bồn đến lập
tiệm phố mua bán từ hồi thế-
kỷ XV, và khi các người Tây-
phương đến cũng do cửa biển
này mà lên nội-địa Quảng-nam.

Cứ theo các tài-liệu dẫn-dải
trên đây, có lẽ ngày xưa, thời
mà tỉnh Quảng-nam còn mang
cái tên cũ *Amaravati*, chủ quyền
hãy còn ở trong tay của người
Chàm, thì cửa sông Hội-an và
Đà-năng cũng đã là hải-cảng,
và thương cảng phồn-thịnh của
người Chàm rồi.

Chừng ấy tài-liệu, chừng ấy
chứng cớ, có thể cho ta tạm
kết-luận : danh xưng **HÀN** do
tiếng **HANG** của Chàm, **ĐÀ-
NĂNG** do tiếng **DANAK** và

TOURANE do tiếng DARAK hay DURAK mà ra. Những danh xưng ấy biết đâu trước kia là một danh-từ ghép : DURAK-HANG-DANAK, nghĩa là BỜ-BIÊN-MUA-BÁN hay CHỢ-BỜ-BIÊN đề rồi được dịch ra ĐÀ-CHIÊM HẢI-KHẦU, một thời-gian sau nữa, người Việt và người ngoại quốc khác ngất tiếng ghép của Chăm ra từng tiếng một riêng - rẽ đề gọi : HANG là HÀN, DANAK là ĐÀ-NANG và DURAK là TOURANE. Sở dĩ chúng tôi dám suy luận như vậy, vì một mặt

căn cứ vào các tài-liệu thượng dẫn, một mặt căn cứ vào sự việc ngày nay mà suy ra sự việc ngày xưa. Như hiện giờ có những địa-danh do dân-thờ trước đặt ra, dần dần được thay thế bằng tiếng Việt hay Việt-hóa : Tiếng Chăm là : *Panrang, Parik, Manhit* thì được Việt-hóa : Phan-rang, Phan-rí, Phan-thiết. Còn tiếng Thượng : *Blao, Djiring, Daklat, Padrang* lại được cải mới : Bảo-lộc, Di-linh, Đà-lạt, Đà-răng rồi Đơn-dương (tiếng Pháp viết *Dran*) v.v....

(còn nữa)



NÀNG — Mình có muốn kéo dài cái giây phút thần tiên này mãi không ?

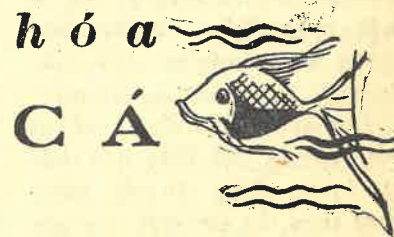
Chàng — (hồn hèn) M...u...ô...ôn!



— Mà muốn từ một góng hay sao mà cứ chọc tức tao hoài vậy ?

NGƯỜI

(the man who became a fish)



★ LÂM-NGŨ-ĐƯỜNG

● KIM - LƯƠNG dịch

THAI, người trên bốn mươi tuổi, làm một chức trưởng-sở tại Phủ Đường Khiêm-chương ở Tứ-Xuyên. Phủ-quan là một người tên Chu, đồng liêu với ông ta là hai viên phụ-tá Lê và Bạch. Mùa thu năm 758, Thái bị ốm kịch-liệt. Chàng bị sốt-rét kinh khủng, gia-đình chàng tồn công chạy thầy, chạy thuốc cũng đều vô-ích. Tới ngày thứ bảy, chàng mê-mán bất-tĩnh,

nằm tro như vậy hàng bao nhiêu ngày. Bè-bạn và gia-đình cảm chắc là chàng sẽ chết. Mới đầu, chàng thấy khát và còn nói được đôi nước ồng, chàng ồng rất nhiều, nhưng về sau chàng mê-mán thiêm-thiếp không ăn ồng được gì cả. Chàng cứ ngủ li-bì cho tới ngày thứ hai mươi thì bỗng nhiên chàng ngáp một cái và ngồi dậy.

Chàng hỏi vợ :

— Ta ngủ được bao lâu rồi ?

— Độ ba tuần lễ.

— Được, ta chắc là lâu đó. Nàng đi tìm các bạn đồng liêu của ta, bảo họ rằng ta đã khỏi bệnh rồi. Hỏi xem họ có ăn gỏi cá chép vào giờ phút này không. Nếu có ăn, bảo họ phải bỏ bữa ăn ngay. Ta có việc muốn bàn với họ. Gọi thằng hầu Chương tới phủ-đường. Ta muốn gặp nó nữa.

Tên người hầu được sai tới phủ-đường. Nó thấy quả thật các quan-chức đương dùng cơm trưa, và có một đĩa gỏi cá chép nóng hổi, khói lên nghi-nút. Tên hầu đưa thư cho mấy ông đó và mọi người đồng-ý kéo ngay tới nhà Thái, họ sung-sướng nghe tin bạn đã khỏi bệnh.

Thái hỏi :

— Có phải các bác đã sai thằng hầu Chương mua cá không ?

— Có, chúng tôi sai nó.

Thái ngoảnh lại Chương và hỏi nó :

— Có phải nhà người đi mua cá ở nhà lão chài Triệu-Cao, và có phải lão ta từ-chối không bán cho nhà người con cá lớn không ? Đừng ngắt lời

ta. Nhà người thầy con cá chép lớn đầu trong cái thùng nhỏ có phủ bèo, rồi nhà người mua con cá, nhưng nổi giận vì lão chài đã nói dối nên bắt lão đi theo. Khi nhà người đi vào phủ-đường, người viên chức phòng thuế đương ngồi phía bên đông cửa lớn, còn người phụ việc thì đương ngồi phía tây, đương đánh cờ. Đúng vậy không ? Rồi nhà người đi lên sảnh-đường, nhà người trông thấy Chu Phủ-Quan và Lê Phụ-Tá đương đánh bài, còn Bạch thì đương ngồi xem, miệng bồm-bồm nhai lê. Nhà người trình với Bạch về lão chài rồi Bạch đá cho lão ta một cái lăn chiêng xuống sân. Rồi thì nhà người mang cá xuống bếp, tên đầu bếp Hoàng Triết Lương giết thịt nó làm bữa trưa. Có phải đúng là sự việc đã xảy ra như vậy không ?

Mọi người hỏi Chương và ai nấy hỏi lại lẫn nhau, và thấy rằng mọi chi-tiết đều đúng vậy. Kinh-ngạc quá, họ hỏi Thái làm cách nào mà biết hết được như vậy, và đây là câu chuyện ông ta kể lại cho các bạn nghe :

Khi tôi bị ốm, tôi sốt nóng kinh khủng, như các bác đều biết. Không chịu được cơn nóng dữ-dội, tôi mê man đi, nhưng cái cảm giác nóng sốt vẫn còn và tôi tự hỏi làm cách nào cho bớt nóng đi. Tôi nghĩ tới việc đi dạo chơi trên một bờ sông tuyệt đẹp rồi cầm một cái ba-tông và ra đi. Vừa ra khỏi thành phố là tôi đã thấy ngay không khí mát mẻ hơn lên, tôi cảm thấy dễ chịu ngay tức thì. Tôi thấy khí nóng từ các mái nhà bốc lên và tôi thấy khoan-khoái đã bỏ xa chúng ở lại phía sau mình. Hơn nữa, tôi khát quá, chỉ muốn tới gần mặt nước thôi. Tôi đi về phía chân đồi nơi đó Đông-Hồ nối liền với sông.

Tới bờ hồ, nghỉ-ngơi trên bờ dưới cây dương liễu. Non nước xanh-lơ sao mà quyền rũ thê. Một cơn gió nam nhẹ nhàng thổi qua mặt nước làm cho nước gợn lên như vẩy cá, do đó tôi có thể theo dõi rõ ràng cử-động và phương-hướng của gió nam trên mặt hồ. Cảnh vật đều im lặng và bình thản. Bỗng tôi

ao ước được tắm một cái. Tôi quen thói bơi lội như một đứa trẻ con, nhưng từ lâu lắm tôi không tắm ở trong hồ. Tôi cởi bỏ quần áo và nhào xuống nước, tôi thấy cảm-giác mê ly khi nước bao bọc và mơn-trớn thân mình và chân tay tôi. Tôi ngụp lặn xuống nước nhiều lần, thấy khoan-khoái vô cùng. Tôi chỉ còn nhớ là lúc đó tôi nghĩ rằng « Thương thay cho Bạch cho Lê và Chu, và tất cả bè bạn cả ngày chúi mũi trong công đường. Ước gì ta được hóa thành con cá một lát để khỏi lười thôi vương-viu trát với niêm, với công-văn, tài liệu. Ta sẽ khoan-khoái chừng nào nếu mà ta hóa thành con cá bơi ngày, bơi đêm với nước, chung quanh ta chỉ thấy nước thôi.

Một con cá bơi tới chân ta lúc đó nói ngay rằng :

— Tôi tưởng điều đó dễ làm lắm. Ông có thể hóa cá suốt đời như tôi đây, nếu ông muốn vậy. Tôi có thể giúp ông việc đó được chăng ?

— Nếu người có lòng tốt như vậy, ta lấy làm cảm-kích

vô-cùng. Tên ta là THÁI-VỆ, hiện làm trưởng-sở ở thị-trần. Báo với đồng-loại người rằng ta rất lấy làm hân-hạnh được đôi ngời với bất-cứ một người nào trong bọn họ. Chỉ cần cho ta được bơi-lội và bơi-lội mãi thôi.

Con cá bỏ đi một lát rồi trở lại với một người đầu như đầu cá, người này cỡi trên một con Oa-Oa — các bác biết đó, giống vật có bốn chân, sống dưới nước nhưng có thể trèo cây được, khi người ta bắt nó hay giết nó, nó kêu như tiếng trẻ con khóc vậy. Người đầu cá này tới với một đoàn tùy-tùng độ mười hai con cá cùng một loại, y dọc chiều chỉ của vua Thủy-Tề. Các bác hãy tin tôi đi, chiều đã được thảo bằng lời văn xuôi diêm lệ, chiều đó bắt đầu như sau :

« Con người, một sinh vật trên đất, có những lễ lồi khác biệt với thủy-tộc. Chừng nào con người còn giữ hình-thể của mình, y không thể tiến bộ mau lẹ ở dưới nước được. Trưởng-sở Thái Vệ có một tâm hồn cao-cả và sâu-sắc, đã đi tìm sự thư thái và siêu

thoát ở một đời sống Tự-do. Bất-mãn và buồn-phiền vì những công việc quan, y mơ tưởng tới lạch sông, đáy hồ nước trong xanh mát mẻ, mơ tưởng tới thú tự-do và thắng ngày vô-tận cùng các trò du hí ở thủy-quốc chúng ta. Ước vọng trở thành thần dân thủy-tộc của y từ đây được chấp-thuận. Y sẽ được làm một con cá chép nâu và được phái tới Đông-Hồ làm nơi cư-ngự thường-nhật. Than ôi ! Đời sống của thủy tộc ở sông và biển có vô-vạn sự cảm-đổ và cạm-bẫy. Có kẻ đã ngỗ-nghêch cán phá tàu-bè ; có kẻ vì thiếu từng-trải và không kiểm chế nổi lòng mình đã bị mắc bẫy, bị bắt bởi đủ các loại dụng-cụ của loài người. Không có ở đâu chân lý được rõ-ràng bằng ở dưới nước rằng sự thận trọng là sự bảo đảm tốt nhất cho một đời sống lâu dài. Chúc cho người cư-xử khéo-léo và đường hoàng, hợp với phong-độ cao cả của loài thủy tộc mà người được may-mắn làm một thần dân mới. Người hãy làm một con cá khôn ngoan ! »

Vừa nghe chiều-chỉ, tôi vừa thấy mình biến đổi thành một con cá, mình tôi được phủ một lớp vảy đẹp, óng ánh. Sung sướng với sự thay đổi đó, tôi bơi lội ung-dung thoải mái, ngoi lên mặt nước rồi lặn xuống đáy tùy theo ý-thích với sự cử-động nhẹ nhàng của những vảy của tôi. Tôi ngoi ra sông, tôi thám hiểm tất cả những hang-hốc ở bờ và mọi nguồn, mọi suối, nhưng bao giờ tôi đến tôi cũng trở về hồ.

Tuy vậy mà một ngày kia tôi bị đói ghê gớm không thể kiếm được thức gì ăn. Tôi nhìn thấy Triệu-Cao quăng cần câu xuống và đợi bắt tôi. Trông con mồi ngon lành cảm-đổ quá, hai mang tôi cứ việc chảy rãi ra. Tôi rõ rằng đó là một vật ghê gớm mà tôi rất sợ không dám đụng vào, nhưng tôi cảm thấy đó chính là thứ mà tôi cần, và tôi không thể tưởng-tượng thứ gì khoái hơn nó được đôi với miệng tôi. Rồi thì tôi nghĩ tới những lời căn dặn cẩn-trọng và tôi bỏ đi, với một sự tự kiểm chế lớn lao, tôi bơi

đi nơi khác.

Nhưng một cái đói kinh-khủng vô xé lòng tôi, và tôi không thể chịu đựng được nữa. Tôi tự nhủ lòng : « mình biết Triệu-Cao, và lão ta cũng biết mình. Chắc lão không dám giết mình đâu. Nếu bị bắt, mình sẽ bảo lão mang mình về phủ đường ».

Tôi quay trở lại dớp ngay lầy con mồi và tôi bị tóm cổ, tất nhiên vậy. Tôi chông cựa và vùng vẫy nhưng Triệu-Cao lôi tôi lên, moi dưới tôi đầm máu, thế là tôi đành chịu. Khi lão ta sắp nâng tôi lên, tôi kêu :

— Triệu-Cao, Triệu-Cao, nghe ta đây ! Ta là Thái-Vệ, trưởng-sở đây. Nhà ngươi sẽ bị tội về việc này đó !

Triệu-Cao không nghe thấy lời nói của tôi, lão luôn một sợi giây gai vào mép tôi và quăng tôi vào một cái thùng có phủ bèo.

Tôi nằm đó chờ đợi. Một lát sau, hình như để đáp lại lời cầu-khẩn của tôi, Chương từ phủ-đường chúng ta tới. Tôi nghe thấy câu-chuyện trong đó Triệu-Cao từ chối không bán cho Chương con

cá lớn. Vậy mà y cũng nhìn thấy tôi, lôi tôi ra khỏi cái thùng, tôi bị xách tòn ten bởi sợi giây, thật là nguy hiểm.

—Chương, sao mi dám như vậy ? Ta là chủ của mi đây, Ta là Trưởng-Sở Thái đây ta chỉ nhất thời đội lột cá thôi. Lại đây, bái yết ta đi !

Nhưng Chương không nghe lời tôi, hoặc là cố nghe thấy mà cố lơ tôi đi. Tôi gào to thét thanh lên, vùng vẫy lẫn lộn mãi nhưng tất cả đều vô hiệu quả.

Khi tôi vào công, tôi thấy các viên chức đương đánh cờ gần cửa lớn, tôi kêu lớn lên gọi họ, nói cho họ biết tôi là ai. Tôi lại bị lơ đi. Một viên chức trong bọn họ reo lên :

— A ha ! Đẹp-đẽ chừng bao ! Nó phải cân tới ba kí rưỡi.

Các bác hãy tưởng tượng xem tôi uất ức thế nào !

Trong sảnh-đường, tôi nhìn thấy các bác, như tôi đã kể lại một phút trước đây. Chương trình với các bác về việc Triệu-Cao đầu cá lớn, toan bán nguyên cá nhỏ thế

nào rồi, Bạch cầu quá đá một cái thật mạnh vào lão ta, các bác đều khoái trá vì con cá lớn.

— Đem nó vào cho thằng bếp ! Bảo nó làm một đĩa gỏi cá chép thật ngon, cho hành, cho nấm và trộn chút rượu nhé.

Tôi tưởng như là Bạch nói câu đó. Tôi bảo với tất cả các bác :

—Các bạn đồng-liêu ơi, đợi một chút đã. Nghe lời tôi đây. Thật là cả một sự lăm-lẫn. Tôi là Thái đây. Các bác phải biết tôi chứ. Các bác không thể giết tôi được. Sao các bác lại tàn ác như vậy được ?

Tôi cứ phản-đồi hoài, cãi hoài.

Tôi thấy cãi cũng vô-ích vì các bác đều điếc cả. Tôi nhìn các bác với cặp mắt van lơn cầu-khẩn, miệng tôi há ra cầu xin tha chết :

— Hành, nếm và một chút rượu trộn ! Sao cái lũ quý-quái vô lương tâm này nở-đồi-xử với bạn của họ như vậy !

Tôi tự nghĩ thế, nhưng tôi

không thể làm gì được cả.

tôi tỉnh dậy.

✱

Rồi Chương xách tôi vào bếp. Thằng đầu bếp trộn to mắt ra mà nhìn tôi. Mặt nó tươi lên khi nó mài con dao và đặt tôi lên cái thớt.

Hoàng Triết Lương ! Mi là tên bếp của ta ! Chớ có giết ta ! Ta xin mi đó !

Hoàng Triết Lương nắm chặt lấy mình tôi. Tôi thấy ánh dao sáng loáng sắp bỏ xuống đầu tôi. Phập, lưỡi dao đã hạ xuống, và vừa lúc đó

Nghe truyện đó, bạn-bè của THÁI rất xúc-động và càng kinh dị hơn vì những điều mà chàng nói với họ đều đúng sự thật từng chi tiết một. Có người nói rằng họ đã nhìn thấy miệng con cá động đấy nhưng không ai nghe thấy một lời nào. Từ đó trở đi, Thái hoàn toàn bình-phục, và bè bạn của chàng mãi cho tới giờ không dám ăn thịt cá chép nữa.



★ ĐÔI MẮT CỦA BÀ...

Một ông Giám-đốc trường dạy lái xe hơi ngồi cạnh một thiếu phụ rất đẹp để tập bà ta lái.

Đến ngã tư đường, mặc dầu đèn đỏ, bà ta cũng lái chạy càn.

Ông ta bèn nghiêng mình về phía bà ta, nói nhỏ :

— Thừa bà, nghe nói ông nhà thường khen bà có đôi mắt huyền rất đẹp và sáng lắm phải không ?

Thiếu phụ cho rằng ông ta sắp sửa « làm ăn » mình, mỉm cười và trả lời duyên dáng :

— Đúng vậy ông ạ.

— Quý hóa quá ! Vậy xin bà vui lòng xử-dụng nó ở các ngã tư đường đèn đỏ cho.



★ CHÂU-GIANG

xem tranh của

họa-sĩ

LÊ - CAO - PHAN

HÔNG Triền-lãm của anh mở cửa trong 30 ngày tại nhà Triền lãm 165 đường Tự-do, Sài-gòn. Với 65 tác phẩm bằng sơn dầu. Sở tranh vừa đủ cho một cuộc trưng bày trung bình.

Những tác phẩm này là kết quả của 3 năm làm việc 1960, 1961, 1962. nghĩa là gần đây và được coi là mới nhất của Lê cao Phan. Làm việc trong mấy năm, rồi chọn một số ưng ý nhất, tất nhiên anh đã phải rất thận trọng và dè dặt.

Chỉ nhìn những tranh bày đủ cho ta thấy sức làm việc của Lê cao Phan đều đặn và đáng khen. Đây là lần đầu tiên anh Triền-lãm.

Nhưng khi xem tranh anh, tôi rất buồn, làm giảm đi sự háo hức của tôi nhiều lắm. Tôi có cảm tưởng là đã được xem nhiều lần rồi. (Trường hợp này tôi đã bắt gặp ở một vài phòng triển lãm khác chứ không riêng gì ở Lê cao Phan) Tuy nhiên, bước đầu bao giờ chẳng có những thiếu sót đáng tiếc đó. Sự góp mặt của anh lần này vẫn

XEM TRIỀN- LÃM

chỉ là một thí nghiệm, là khởi đầu của một đoạn đường dài để tiến tới những bước lớn mạnh mai sau.

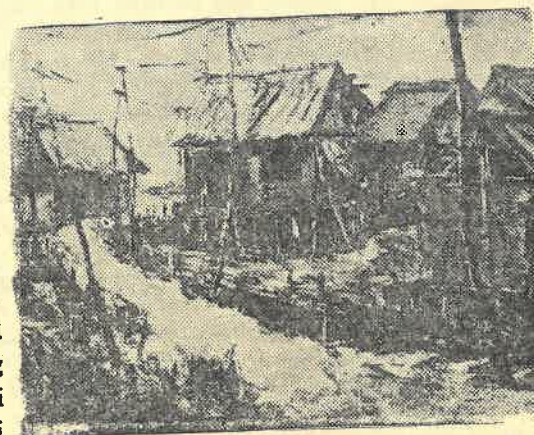
Sở tranh vẽ phong cảnh chiếm nhiều nhất trong phòng tranh. Chứng tỏ Lê cao Phan là người rất yêu thích thiên nhiên. Nhưng chỉ yêu thích thiên nhiên thôi rồi chạy theo nó là một điều lảm lẩn lớn. Ở tranh anh đã có những lảm lẩn này. Anh thiếu hẳn cái riêng biệt đáng quý. Tôi chẳng thấy gì là Lê Cao Phan cả nếu tôi không nhìn vào chữ ký trên tác phẩm.

Phải chê ngự được thiên nhiên, thiên nhiên là một cái cố. Nếu không, thì chỉ là những sự ghi chép lại một cách vụn vặt.

về. Mà nghệ-thuật không đơn thuần chỉ có ghi chép.

Người nghệ sĩ đứng trước thiên nhiên, thông cảm với thiên nhiên nhưng người nghệ sĩ phải thông cảm ngay với chính bản thân. Vì là hai yếu tố tôi cần thiết cho sự sáng tạo.

Những tác phẩm trội nhất của anh là *Hoàng hôn* (7), *Con đường đất* (60), *Gió sớm* (64), *Sương sớm trên sông* (36)... Về bố cục và bút pháp tương đối còn là gọn, sạch và chín chắn. Màu sắc cũng vừa độ.



con đường đất (số 60)

Sự trội của anh cũng chỉ giới hạn cho loại tranh này thôi (phong cảnh). Nếu anh cố gắng thêm chút nữa,

XEM TRIỀN-LÂM

nghĩa là chất sơn sạch hơn, thì người xem tranh anh sẽ có cảm tưởng khác đi nhiều lắm... Chính cái chất sơn không sạch này đã làm mất đi cái đẹp ở tranh anh khá nhiều.

Tự khí (37) Chị và em (45) Hoa (41) là những bức tôi rất phân nản về loại tình

vật và người của anh.

Tôi chỉ muốn nói ở đây cái nhận xét tổng quát về phòng tranh Lê Cao Phan bằng những chân thành rất vô tư. Và rất hy vọng sẽ được xem những sự mới lạ hơn ở những phòng tranh tới của anh.

CHÂU-ANG



★ BÁNH ÍT TRAO ĐI BÁNH CHÌ TRẢ LẠI

Một đoàn vũ-nữ của xứ Ghana sắp đi trình diễn văn nghệ tại Sofia ở nước Bảo-gia-Lợi với tính cách trao đổi văn-hóa. Trước khi cho phép, ông Bộ Trưởng Văn-hóa Bảo viết một bức thư cho ông Bộ Trưởng văn-hóa Ghana với lời lẽ rất phân uất. Vì sao ông ta lại phân uất? Chỉ vì các vũ-nữ Ghana trình diễn trên sân khấu với quốc phục của họ nghĩa là để mình trần. Ông nhấn mạnh rằng: «Chúng tôi cương quyết bảo vệ luân lý. Vậy các vũ nữ quý quốc không được trình diễn với quốc phục quý quốc mà phải cho mang thêm cái nịt che đề bộ ngực lại, « ĐÚNG THEO PHONG TỤC CỦA NƯỚC BẢO CHÚNG TÔI ».

Ông Bộ Trưởng Ghana trả lời rất nhã nhặn rằng ông rất sẵn sàng yêu cầu các đồng bào ông mang thêm một cái nịt vú nhưng tha thiết yêu cầu rằng. Trong chương trình trao đổi văn hóa, các vũ-nữ Bảo-gia-Lợi sắp sang trình diễn ở Ghana sẽ xin ông Bộ-trưởng vui lòng cho họ ở trần, « ĐÚNG THEO PHONG TỤC CỦA XỨ GHANA CHÚNG TÔI ».

Ông Bộ Trưởng Bảo ghen hờn và... các vũ-nữ Ghana đã có dịp trình diễn với quốc phục, nghĩa là để hở bộ ngực hấp dẫn trong khi vũ cho dân chúng Bảo-gia-Lợi lé mắt chơi.

Có giống người xưa than thở đâu,
Tôi như lá tía lục sông sâu
Từng đêm nghe lạnh vào tim nhỏ
Nghe nhớ thương dâng đến rạt rào.

Từ biết yêu buồn, quên phần son
Xa xôi nghe lạ, tuổi trắng tròn.
Tôi đi, đi mãi vào cay đắng,
Nước mắt ngưng rơi, xác héo mòn.

Nửa kiếp sầu trôi, tôi cố quên,
Ngày xưa câu chuyện chẳng êm đêm.
Trời xa... phương lạ... ai còn nhớ
Hay chỉ riêng tôi với nỗi niềm.

Cố hơi làm sao giá lạnh nhiều
Tim chừng như hận bóng cô liêu
Cần môi cho máu hòa men đắng,
Cho vợi ưu-tư lắng vạ điều.

Và những đêm buồn như hôm nay,
Bàn tay lại siết một bàn tay
U-buồn đầu gục vào trang giấy
Mà tưởng ai về thăm tới nay.

Có tiếng gì rơi giữa khoảng im
Hay là tiếng nấc của con tim
Hay là tiếng thở hồn ma đại
Về gọi tên tôi. Kể chuyện tình.

Buồn vẫn len vào trong lòng sâu
Tình nghe da diết tự ban đầu.
Thơ ngây đem gửi vào hoang lạnh,
Còn lại hồn này « Một vầng sâu ».

★ MẠC LỆ KIỀU (Saigon)

một vầng sâu

Những người đàn bà lòng danh

trong lịch-sử

★ TÂN - PHONG

17. — Vũ-Hậu

(tiếp theo P.T. 86)

ĐỜI chính-trị của Vũ-Hậu thật là đầy tội-ác. Không ai ngờ rằng một bà Hoàng-hậu có thể mưu-mô giết chồng giết con để cướp ngôi Thiên-tử, và thi-hành một chính-sách độc-tài bạo-ngược, ngồi trên đầu trên cổ

một nước Tàu đang cường thịnh, và rộng mệnh-mông dưới thời nhà Đường ! Nước Tàu của Vũ-Hậu còn rộng hơn Trung-Quốc ngày nay : phía Bắc gồm cả Cao-ly, Mãn-Châu, phía Tây đến biên-giới Thổ-nhĩ-Kỳ, phía Tây-Nam bao cả Tây-Tạng, phía Nam chiếm cả Giao-Chi (Bắc Việt bây giờ). Hơn một nửa châu Á trên mấy trăm triệu người đều chịu

● THI-SĨ CẦM ĐẦU CUỘC ĐẢO CHÁNH... HỤT

cúi đầu khom lưng làm nô-lệ cho một người đàn-bà chuyên chế

VŨ HẬU

bạc nhất trong Lịch-sử nhân-loại.

Về đời tư, Vũ-Hậu cũng là một người đàn-bà dâm-ô số một. Bà đã gần 70 tuổi, nhưng trong cung-điện của bà chỉ chứa toàn những bọn trai-tráng từ 20 đến 35 tuổi, cả các ông Thầy-chùa còn trẻ măng, để thỏa-mãn nhục-dục của bà. Những chàng thanh-niên ấy đều phải đánh phấn, thoa son, và tranh nhau làm duyên-dáng để được Nữ Hoàng-Đế chiều-cổ đến. Mỗi đêm bốn năm cậu phải luân-phiên hầu-hạ bà, kế tiếp nhau từ canh một đến canh năm. Trong số đó, có hai anh em họ Tchang, 21 và 20 tuổi, là được Vũ-Tắc-Thiên Hoàng-đế sủng-ái hơn cả.

Nhà Đường có rất nhiều Thi-sĩ có tài và có tiếng. Nhưng vẫn có một số các nhà Thơ tầm thường chỉ ca-tụng Vũ-hậu, để được Vũ-Hậu ban cho ân huệ. Cũng như dưới các chế độ độc-tài phong-kiến, luôn luôn có một bọn « văn-nhân », « thi-sĩ », chuyên-môn nịnh-bợ uy-quyền, cầu mong các vị thánh chúa ban thưởng bạc vàng, địa-vị. Bọn đó thường có khi vỗ-ngực tự xưng là Thi-hào Thi-Bá, làm Thơ viết sách để tặng bốc nhà Vua, lập hội lập đàn

để suy-tôn Thánh-thượng.

Nhưng vẫn có một số Thi-nhân chân-chính, đứng hẳn ra ngoài, nhất định không hòa theo. Nhà Thơ quyết-liệt nhất chống lại Vũ-Hậu chính là Lạc-tân-Vương, một Thi-sĩ có thiên tài, có chí-khí, có lòng yêu nước yêu dân, thương xót người đồng loại bị kẻ phụ-nữ chuyên quyền áp-bức. Thi-sĩ cầm đầu một nhóm người cách-mạng, trong đó có Từ-Kính-Nghiệp và các con cháu Cựu - Hoàng Đường Cao-tôn, nổi dậy ở Dương-châu. Thi-sĩ tự tay viết tờ hịch kêu tội Vũ-Hậu. Trong hịch có câu :

言猶在耳忠豈忘心一杯之土未乾六尺之孤何在

Ngôn do tại nhĩ, trung khởi vong tâm. Nhất phần chi thổ vị can, lục xích chi cô hà tại ? — Lời nói (của Tiên-đế) còn văng vẳng bên tai, lòng trung quân há dễ quên được ư ? Một năm đất chưa khô, (Vua Cao-Tôn vừa băng hà), mà đứa con mồ côi sáu thước kia đâu ? (Hoàng-tử Dân bị giam cầm).

Tờ hịch này gây ra cảm xúc mạnh mẽ trong dân-gian, đến cả Vũ-Hậu xem cũng phải giật

mình. Nhưng cuộc đảo-chính thất bại, Từ-kính-Nghiệp bị chặt đầu, bọn quân lính của Vũ-Hậu dâng thủ-cấp lên bà rồi đem bêu ra ngoài chợ. Lại một lần nữa, Vũ-Hậu thẳng thề. Uy quyền càng thêm mạnh. Thi-sĩ Lạc-tân

Wương buồn lòng, vào trú trong chùa Linh-Ân, cạo đầu đi tu, sau làm Hòa-thượng. Số người trí-thức và bình-dân theo « loạn quân », bị bắt bớ, tù tội, giết chóc vô số kể.



NHƯNG mọi việc đều kết cuộc theo lòng Trời. Vũ-Hậu củng-cố Ngai-vàng được 15 năm, bằng xác chết, bằng căm-thù, bằng oán hận của toàn dân.

Bà đã 80 tuổi.

Thề xác đã mòn mỏi, tinh-thần quệ kiệt, các kẻ tôi tớ trung-thành với bà

đều dần dần xa lánh, hoặc bị giết chết một cách thê-thảm. Quân-lính cũng chán-nản vì chính-sách tham-tàn bạo-ngược của một người đàn-bà khát máu, không còn muốn ủng-hộ chính-sách của Vũ-Hậu nữa. Một buổi sáng tinh sương, đầu tháng Giêng năm 705, một bọn lính cầm dao mác ủa vào cung điện giết chết hết bọn trai tráng trong « A-phòng », và chặt đầu hai anh em chàng Tchang «cung» nhất của bà. Chính Tề-tướng Trương-Gián-Chi chỉ-

huy cuộc đảo-chính này. Vũ-hậu nằm trong buồng, nghe tiếng kêu la kinh-hãi, vội-vàng chạy ra. Gặp Trương-gián-Chi, bà hỏi :

● CUỘC ĐẢO - CHÍNH THỨ BA. CÁI CHẾT BUỒN THẢM CỦA VŨ-HẬU

— Chuyện chi thế, Tề-Tướng?

Một tên lính kẻ gươm vào cõ bà. Nhưng Tề-tướng khoát tay bảo :

— Đừng giết hần.

Tề-tướng buộc Vũ-hậu phế-vị tức-khắc, và bỏ nhà Chu, khôi-phục nhà Đường, tái-lập Lu-lăng Vương lên ngôi, (Đường Trung-Tôn), bắt giam Vũ-hậu trong ngục (22 tháng 2 năm 705).

Cuộc đảo-chính thành công, và cả sự-nghiệp bạo-tàn dâm-loạn của Vũ-hậu trong hăm mấy năm

trời bị sụp đổ trong nháy mắt.

Vũ-hậu chết âm-thâm, lạnh-lẽo trong ngục-thất, vài tháng sau. Bà thọ được 81 tuổi. (1)

Người ta chôn xác bà Vũ-Tắc-Thiên Hoàng-đế như một kẻ ăn-mày, không một ai thương-tiếc.



CHUYỆN Vũ-hậu đến đây đã chấm dứt. Nhưng rồi Đường Trung-Tôn lên nối ngôi, cũng lại bị một thiếu-phụ là Vi-hậu chuyên quyền.

Trung Tôn là một nhà Vua quá hiền lành, yếu-ớt, cả ngày

chỉ thích xem Kinh Phật, đề mặc cho Vi-hậu lộng quyền trong Cung cấm.

Dưới thời Vũ-hậu, có ông Sư Trần Huyền-Trang (2) người ở Hồ-Bắc, năm 671 đi theo đường biển, ghé Sumatra, sang Tích-Lan và Ấn-độ học Kinh. 24 năm sau Thầy trở về Tàu (năm 695), thỉnh về trên 650 quyển Kinh, bộ kinh Tam-tạng, và dịch ra Hoa-ngữ. Vua Trung-Tôn mời Thầy vào Cung để dạy Kinh Phật, hoặc chính Vua thân hành đến Chùa để dịch Kinh Tam-tạng với Thầy. Vua mê học Phật, bỏ-bê việc nước cho Vi-hậu.

Vi-hậu lại là một người đàn-bà dâm-dục không kém gì Vũ-

hậu, không kém gì Messaline của La-Mã thuở xưa (3). Vi-hậu gả con là công-chúa Trường-Lạc cho Vũ-sùng-Huấn, con trai của Vũ-

● SAU VŨ-HẬU, ĐẾN VI-HẬU...

Tam-Tư là cháu của Vũ-Hậu. Vũ-Tam-Tư (Wo-San-Sseu) lợi dụng tình nghĩa suôi-gia, thường ra vào tự-do nơi Cung điện, rồi tư-thông với Vi-hậu (Wei). Thái tử Trọng-Tuấn, là con riêng của Vua Trung-Tôn, lập mưu giết Vũ-Tam-Tư và Vi-hậu, không ngờ cuộc âm-mưu bị bại-lộ, Thái tử Trọng-Tuấn bị giết. Vi-hậu bỏ thuốc giết luôn chồng, (3 tháng 7 năm 710) để một mình

(1) Có sách nói là 83 tuổi.

(2) gười Tàu gọi là Yi-Tsing.

(3) Messaline (15-48 sau J.C.) vợ thứ ba của Hoàng-đế La-Mã Clauie, và mẹ của Britannicus. Một Hoàng hậu dâm-loạn nổi tiếng ở Tây-phương thời bấy giờ.

rảnh tay cai trị. Nhưng đêm 25 tháng 7, Hoàng-tử Long Cơ đem binh vào Cung, giết Vi-hậu và cả gia-đình họ Vũ. Quân-lính cầm thủ-cấp của Vi-hậu trên lưng mác đem bêu ra giữa chợ, bỏ mặc cho công chúng lấy xuống chà đạp, và quăng xuống hồ.



Thái-tử Long-Cơ tôn Cha là Tương Vương lên ngôi, lấy niên hiệu là Đường **Duệ-Tôn** (Jouei-Tsong).

Duệ-Tôn ở ngôi chỉ 2 năm, rồi từ ý thoái-vị làm Thái-thượng Hoàng, nhường ngôi cho Thái-tử Long-Cơ ngày 8 tháng 9 năm 712. Long-Cơ lên nối nghiệp đế, lấy niên-hiệu là Đường **Huyền-Tôn** (Huan-Tsong), tức là Vua Đường Minh-Hoàng (712-756).

Đường Huyền-Tôn nổi danh trong Lịch-sử là một vị Hoàng-đế Vi-đại, một đấng minh-quân của thời Thịnh-Đường, thời-đại Lý-Thái-Bạch và Đỗ-Phủ. Nhưng về sau trong nước ông cũng có loạn. An-Lộc-Sơn nổi dậy chỉ vì một nụ cười đồ nước nghiêng thành của một giai-nhân khác, là **Dương-quý-Phi** (Yang Kouei-Fei) !...

★ TÂN-PHONG

TÌM VÀNG

dưới
đáy
bể

KHÔNG ai ngày nay không biết tờ « Wall Street Journal » (tờ báo của đường wall street) là tờ báo của giới kinh doanh, của các nhà tài phiệt Mỹ. Độc giả của nó không phải là thi-sĩ, đầu óc mơ mộng viễn vông mà là những người thực-tế, chỉ nghĩ đến tiền, đến những kế hoạch, chương trình, việc làm có thể ra tiền mà thôi.

Thế nhưng, trong một số báo Wall Street Journal ra năm 1958, bên cạnh một bài về thị trường Thép, một bài về Thuế, có một bài chiếm một cột rất lớn, đề như sau :

★ TRẦN - TỬ - THUẬN

- *Số vàng bị chìm hiện chiếm 20% tổng số vàng của thế-giới.*
- *Có một kho tàng chắc chắn ở Vịnh Vigo.*
- *Hàng triệu tỷ còn nằm ở Giải Ngân San miền biển Caraïbes.*

« Những người đi tìm kho tàng sắp thám hiểm biển Caraïbes để tìm bảo vật bị chìm và tìm kho tàng của hải tặc anh hùng Billy Bowlegs ».

MỘT NGHỀ MỚI, DỤNG CỤ TỐI-TÂN

Nghề tìm vàng đáy biển bắt đầu phát triển, lôi cuốn các nhà tư-bản. Những tay giàu dịch quốc ở Mỹ chuyên cho vay vốn được thông báo là « Hiệp hội Quest » vừa được thành lập ở Floride, chuyên việc tìm của ở đáy biển sẽ tổ chức trong khoảng hai năm, năm mươi lần thám hiểm năm mươi địa điểm mà người ta tin chắc là dưới đáy có một số của trị giá 135 tỷ

quan và người ta hy vọng sẽ vớt được 1/5 số của ấy. Để thám hiểm, cần phải có một đoàn tàu trang bị đầy đủ dụng cụ khoa học, trị giá 150 triệu quan. « Chiếc s o á i thuyền » là một chiếc tàu kéo và cứu nạn cũ sẽ được trang bị những dụng cụ tinh vi nhất và một bộ phận Ra-da điện tử để dò đồ kim khí nằm ở đáy biển. Soái thuyền sẽ đeo theo một tàu ngầm bỏ túi bằng thép và thủy tinh có thể lặn sâu 300 thước, trong tàu có máy dò đồ, kính chiếu, máy vô tuyến truyền hình, người « rô bô » thép điều khiển vô-tuyến, ngón tay có thể cầm đồ được. Một trục-thăng đậu trên một chiếc phồng ngư-lôi hạm cũ của đoàn tàu này sẽ cất cánh và sẽ theo dõi tàu ngầm, theo dõi người máy, thợ lặn, thu lấy hình ảnh của họ qua nước biển.

Hơn nữa, Hiệp-hội còn có một sở Nghiên-cứu. Tài liệu được cất trong 36 chiếc ngăn tủ khóa kỹ như tủ sắt, gồm hàng triệu hồ sơ thu lượm được từ các Bộ

Tư lệnh Hải-quân các nước trên thế giới Một chiếc cát tấp to tương chứa các bản đồ ghi các nơi có của, trên mặt có ghi hải trình của các thương thuyền Tây ban-Nha và Bồ-đào-Nha chứa đầy vàng bạc, đi lại trên các mặt biển suốt 3 thế-kỷ hoàng kim, buôn bán thịnh-dạt. Các hồ sơ chỉ đến 38.000 địa điểm được Hiệp-hội chú-ý, 3.500 địa điểm được coi như là có những kho tàng khổng-lồ, theo lời tuyên-bố của L. L. Coffman, chủ-tịch Đoàn Thám-hiêm, kiêm chủ-tịch « Hiệp-hội Quest ». (Thế nhưng, cho đến nay, tiền lãi của Hiệp-hội thu được là nhờ việc bán các dụng cụ thám-hiêm cho các nhà thám-hiêm tài tử hơn là việc tìm được của chìm đáy biển).

Hiệp-hội Quest phát triển mạnh ở Mỹ. Đến nay, nhà cầm quyền Mỹ đã cấp « giấy phép tìm của ở đáy biển » ở giá là 100 Mỹ-kim và chánh-phủ sẽ thu thuế 12 phần trăm trên số vốn kinh doanh. Nhiều chánh-phủ khác ở vùng biển Caraïbes làm như không chú ý đến việc này nhưng kỳ thật họ hết sức lưu tâm đến và tỏ ra có rất nhiều tham vọng mỗi khi có một cơ u ến lặn tìm kho t.ing. Rồi khắp thế-giới, đâu cũng có những Hội... đi tìm của đáy biển, tổ chức như các Hội đi tìm dầu lửa vậy.

HÀNG NGHÌN TỶ DƯỚI ĐÁY NƯỚC

Đáy bể đầy kho tàng là sự thật, không ai chối cãi. Người ta tính ra có đến 20% số vàng bạc châu báu của loài người đã bị chìm xuống biển qua các nạn đắm tàu, thuyền Chỉ trong 100 năm trở lại đã có 2.175 tàu bị chìm. Từ năm 1450, khi Tây Ban Nha bắt đầu sang bóc lột, cướp-của của Tân-thế-giới đã có đến 1.000.000 chiếc tàu bị đắm. Chỉ trong một thế kỷ thứ 16, Bồ đào Nha đã mất gần đến 62 tỷ quan đồ bị chìm và Tây Ban Nha cũng mất chừng 30 tỷ. Giá của những chiếc tàu bị chìm kèm theo hàng hóa lớn không thể tưởng được mà 95% số ấy chưa vớt được. Trước đây, người Anh, hết sức tha thiết trong việc này, trong suốt 3 thế kỷ, chỉ vớt được chừng 200 tỷ quan trong số hàng triệu tỷ quan nằm yên ở đáy biển sâu.

Kho tàng ở đáy biển đã làm cho người ta thèm muốn từ lâu. Nhưng đến ngày nay, nhờ các phương tiện mới, tham vọng tìm được các kho tàng ấy càng lớn. Hy vọng thành công ngày nay rất nhiều. Vì ngày nay, người ta

đã có những dụng cụ để có thể lặn rất sâu như những máy điện tử dò đáy biển, máy lặn, v.v... Người ta trang bị rất đầy đủ rồi lặn: từ người tài tử cho đến thợ lặn chuyên nghiệp, từ anh lặn thủ công cho đến lặn kỹ-nghệ, từ người lặn một mình cho đến cả tổ chức lặn lớn như « tổ chức Sorima » đã dùng chiếc tàu « Artiglio », chiếc tàu đầu tiên trang bị dụng cụ tìm kho tàng đáy biển tới tận đã vớt được, và hồi trước đại chiến, chiếc tàu Washington vớt 200 tấn đồng, 2000 tấn sắt thanh, 300 toa và 7 đầu máy xe lửa.

CÁC KHO CHÂU BÁU Ở NGÂN SAN

Nhưng Kho tàng chính mà thiên hạ mơ ước vẫn là những kho tàng thời cổ, phần lớn nằm ở đáy biển Caraïbes, đó là một nguồn tài nguyên lớn không thể tưởng tượng, gồm có những « sông vàng » di chuyển từ Mỹ đến Âu-châu trong các thế-kỷ 16, 17, 18. Đó chính là nơi mà « Hạm Đội Vàng, Bạc » danh tiếng của Tây-ban-Nha xin hợp lại, hàng năm trong một thời hạn định trước, đầy những

bảo vật cướp được từ các hải-cảng ở Antilles gồm: các hòn ngọc, vàng, bạc, mỹ-nghệ phẩm cướp được ở Mỹ-châu; Xung quanh Hạm-đội có những tên hải-tặc Anh, Pháp lừng danh, những nhà quý phái từ khắp nơi đổ đến vì mùi vàng. Bọn này biết rõ ngày, giờ mà các tàu hợp lại để thành hạm-đội vượt biển. Thế là họ đem tàu đến, bắn bừa vào Hạm-đội, vào các chiếc tàu chở đầy Bảo-vật, vàng bạc rồi bọn cướp ào sang khuân vàng bạc về thuyền, tàu của họ. Thế nhưng phần lớn tàu của hải-tặc cũng bị trúng đạn rồi sẽ chìm ở đâu đó, trên biển Caraïbes mênh mông, chìm yên-lặng, cô độc không ai biết. Sau đó ít lâu, những đoàn tàu khác đi qua vùng này chỉ còn thấy di-tích của những chiếc tàu chìm trôi vật-vờ.

Hiện nay, khắp miền biển Caraïbes, ở các hải cảng miền Antilles, người ta thường bán các bức bản đồ kho tàng nhưng các bản đồ này phần lớn là láo. Chỉ các nhà chuyên môn mới có cái bản đồ chính xác, những tài liệu lịch sử, tài liệu hải trình có căn cứ. Nhưng Biển-cả bí mật, các kho tàng vẫn chưa

thấy tăm hơi. Kho tàng vẫn di chuyển với cát đáy biển, với các trận động đất. Rồi các vô-tàu bị bề, các kết bảo vật bị văng ra...

ĐI VÀO THẾ GIỚI THẦN TIÊN

Anh thợ lặn, mang thêm chì để người nặng thêm và để giữ thăng bằng, mặc áo màu cam sáng lóng lánh để « dọa » cá mập, mang dao, mang thêm máy-thở, máy thông tin, thả mình xuống nước bề sáng long lanh như giát bạc. Cảnh sắc thần tiên ở bề làm anh quên hết mục đích của mình. Anh thả mình trôi vào những chỗ sâu ánh sáng huyền-ảo, mơ hồ; anh qua những vùng san-hô đồ thảm, xung quanh anh lội những loài cá đủ thứ lượn đi, lượn lại..

Trong miền biển Antilles, trong một vùng biển rộng chừng 100 cây số vuông, sâu dưới 50 thước có những dải san hô rất đẹp. Một trong những dải ấy là một trong những tài sản đẹp nhất của bề cả: Giải « ngân san » (bande d'argent). Thời-dại hoàng kim của nghề

hàng-hải ngày xưa đã qua vùng này.

Ngày 23 tháng 6 năm 1641, Hạm đội chở Vàng của Tây-Ban-Nha khởi hành ở Saint Juan-de-Ulloa, quân cảng của xứ Vera Cruz, để đến Cadix. Hạm đội chở đầy ắp vàng bạc, bảo vật, của cải, từ thuốc lá Antilles cho đến gỗ quý campêche, từ vàng của Mỹ-tây-Cơ và mỏ nã của Colombie, bạc của Pérou. Soái hạm Nuestra Senora de la Conception, chở 514 người, trong có rất nhiều nhà danh giá. Ngày 13 tháng 9, một trận bão đã làm cho hạm đội xính vính ở kênh Floride, rồi bị thất tán, soái hạm bị hư hỏng rất nhiều và cố chạy về xứ San-Juan-de-Puerto-Rico. Trong một tháng trời, hạm đội bị rơi bởi vì bão, cho đến chiều ngày 1 tháng 11, soái hạm bị trôi vào « Ngân San » rồi cuối cùng đáy tàu bị san hô đâm thủng.

Tàu Nuestra Senora de la Conception làm cho nhiều người thêm muốn. 40 năm sau, vào năm 1863, một nhân vật kỳ lạ tên là William Philipps một người có máu giang hồ, phiêu lưu. Được chính phủ Anh

TÌM VÀNG

hoàng cho một món phụ cấp, William Philipps đến tận nơi chế ra một chiếc chuông lặn để lặn tìm của cải của chiếc Nuestra.

Lần tìm kiếm này thất bại, Philipps không thu hoạch được gì cả. Đến 3 năm sau, Philipps lại trở lại thêm một lần nữa và lần này Philipps đem được về cho vua Anh James I 26 tấn vừa vàng, vừa bạc, vừa ngọc ở tàu Nuestra. Lúc ấy chính là lúc mà Philipps lên đài vinh quang, được phong Hiệp sĩ nhưng cuối cùng ông ta lại bị phá sản vì mộng tìm vàng.

« BÓNG MA » THEO GIÁC MỘNG

Sở vàng mà Philipps lấy được chỉ là một phần nhỏ trong số châu báu bị chìm ở « Ngân San ». Năm 1936 người Mỹ Riesberg, người săn vàng hăng hái nhất hiện tại cũng lấy được một số nữa. Riesberg lập một đoàn đi tìm vàng mà tàu chỉ huy lấy tên là « Bóng Ma » trang bị khá đầy đủ dụng cụ để dò đáy biển, đặc biệt một chiếc xe nước không vào, nặng 25 tấn hoạt động rất tiện lợi, làm được đủ việc ở đáy biển. Rất thực-tế, Riesberg đã tìm được số phi nhờ điện ảnh và vô tuyến truyền hình để có thể tiếp-tục việc tìm kiếm kho tàng mà Hoàng đế Tây

Ban Nha đã chờ đợi một cách thất vọng cho đến chết.

Nhưng Riesberg lấy cũng không được mấy. Sau này Alexandre Korganoff cũng vậy. Korganoff cũng tổ chức một đoàn thám hiểm, dùng tàu Rédo Porfirs Rubirosa chỉ huy, xuất phát ở La Rochelle năm 1952. Korganoff kể lại rằng sau hàng tuần thả thuyền buồm đi lại trong biển san hô, ông ta thấy rõ hình dáng chiếc Nuestra Senore de la Conception đã bị cát lấp một nửa. Ông ta tưởng là vận may đã đến nhưng rồi trên tàu Ré xảy ra lộn xộn, chính phủ Dominica cầm tù toàn thể nhân viên trên tàu, bảo tố... làm cho Korganoff phải trở về Pháp tay không.

THUYỀN CHÌM VÌ THỦ - TỤC

Ở một phía của lộ trình Hạm Đội Vàng, về phía Âu-châu, có vịnh Vigo, vịnh sâu xung quanh có núi Galice. Dưới đáy biển sâu trong Vịnh, từ hai thế kỷ rưỡi nay cũng có một số của cải bị chìm... vì thủ tục phức tạp của Hải Quân Tây Ban Nha, thời nước này là chúa tể thế-giới.

Ở Seville có một cơ quan có trách nhiệm định ngày đi, giờ đến, hải trình, mệnh lệnh, địa-

TÌM VÀNG

điểm tập hợp của các đoàn tàu, khẩu lệnh chiến đấu. Kỷ luật tại cơ quan này là kỷ luật sắt, làm cho nhiều hạm đội bị tê liệt. Ngày 22 tháng 9 năm 1702, 19 chiếc tàu chở của Tây Ban Nha bị một hạm đội hỗn hợp Anh, Hòa Lan đe dọa, phải trốn vào vịnh Vigo. Lúc ấy, đoàn tàu còn thừa thì giờ để chất hàng lên bờ, nhưng luật lệ bắt buộc là 19 chiếc tàu ấy phải chờ hàng ở Cadix để cho cơ quan hữu trách kiểm soát. Vì vậy, 19 chiếc tàu kia không dỡ hàng được mà phải đánh điện về triều đình đề xin mệnh lệnh. Trong khi ấy, hạm đội Anh đã phá được, xông vào vịnh, cướp mất một số châu báu trị giá là 25 triệu quan tiền vàng. Số còn lại hiện đang nằm trong vịnh, dưới 20 thước nước và 4 thước bùn. Có lẽ kho tàng này là kho dễ tìm nhất.

THÍ NGHIỆM CỦA ẢO TƯỢNG

Đến nay, đã có khá nhiều nhà thám hiểm thuộc mọi quốc tịch đã đến Vigo, tìm của. Vigo đúng là đất thí nghiệm của các tay tìm vàng nhưng quả đến nay, vẫn chưa có gì.

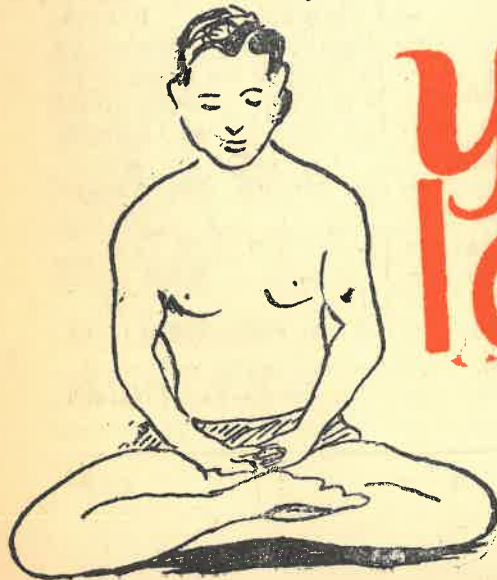
KHO VÀNG Ở BIỂN CARAIBES

Ước lượng số của hiện còn nằm ở đáy biển Carai-bes trong các tàu chìm :

- Tàu Fernando 10 tỷ
- Tàu Biche d'Or 2 tỷ
- Tàu Santa Margharita 2 tỷ
- Soái hạm Pháp Grasse Tilly (không rõ giá)
- Ở Ngân San 15 tàu chìm 12 tỷ
- Ở Port Royal, hải tặc đầu mộtkh o châu báu (không rõ giá)
- Tàu El Capitan 1 tỷ
- Tàu Don Carlos II 500 triệu
- Tàu San Domingo 3 tỷ
- 1 Hạm đội Tây Ban Nha 500 triệu
- Tàu X (1691) 1 tỷ
- Tàu Y (1500) 12 tấn Bạc
- Tàu Santa Paula 1 tỷ
- 1 Hạm đội Anh 100 triệu
- 1 Hạm đội Vàng không biết giá
- 16 thuyền 5 tàu không rõ giá
- 14 tàu chìm không rõ giá
- Tàu của hải tặc Gasparilla 2 tỷ
- Đại hải tặc Billy Bowlegs 36 tỷ
- Tây Ban Nha chìm 7 tỷ
- 1 Tàu đắm không rõ giá
- 1 Tàu đắm 2 tỷ
- Tàu San Pedro không rõ giá.

TRẦN-TỬ-THUẬN

Mình ơi!



yoga
là gì?

MÌNH ƠI!

- Không ơ.
- Em gọi, Mình không ơ hả?
- Ơi đây nè.
- Mình làm gì đây?
- Anh vẽ một cô gái đẹp đang tập Yoga.
- Sao Mình không vẽ em mà Mình lại vẽ cô nào thế?
- Anh vẽ em chứ vẽ ai. Em lại xem! Giống em quá-xá!

Bà Tú đang lật rau húng và rau tía-tô, sửa-soạn làm món thịt bò trung... Bà đến bàn xem ông Tú vẽ. Nhưng bà xịu mặt:

— Giống cô Tám-Hột-Vịt-Lộn, chứ đâu có giống em!

Ông Tú phì cười. Rõ ràng ông vẽ bà Tú, mà bà ấy cảm bức vẽ ngấm tới ngấm lui, cứ bảo là Cô Tám-Hột-Vịt-Lộn. Thật là lộn ruột! Ông Tú lấy bút quẹt thêm vài ba sợi tóc buông xuống mép tai, tô thêm một tý lông mày đậm hơn, và sửa vài nét cái xu-chiêng cho nổi lên. Bà Tú nhoèn một nụ cười:

— Ờ, bây giờ em mới thấy giống em... Nhưng Mình vẽ em đang ngồi làm gì mà sẽ hai bàn tay trên đầu gối thế này?

— Anh vẽ theo hình trong sách, thiếu phụ đang tập Yoga, kiểu *Padmasana*...

— À, Yoga là gì, Mình nhỉ?... Em cũng thường nghe dạo này ở Sài Gòn có phong trào luyện Yoga, nhưng em không hiểu gì cả. Mình giảng cho em nghe đi, Yoga là gì? Tập Yoga để chi, hả Mình?

— Em có nhớ hôm chúng mình đi xem đoàn Xiếc Berlin không?

— Nhớ!

Hôm ấy, em nhìn say mê cô ả đánh đu, đứng trên cột cao chót-vốt mà nắm cái đu phóng sang cột bên kia, rồi đứng cột bên kia chụp cái đu phóng sang cột bên này...

— Ồ, bây giờ nhớ lại, em hãy còn muốn chóng mặt, Mình ơi! Hôm ấy ngồi ngược cò lên xem, mà em cứ run lên... ngực em cứ phập-phồng... Em chỉ sợ cô ấy té! Hễ sẩy tay một tý, chỉ một tý thôi là chắc chắn rơi tòm xuống đất chết liền, vì ở dưới không có giăng lưới! Ghê quá, Mình nhỉ!

— Thế mà cô không té, và cô vẫn **điềm-nhiên** bay qua bay lại, rồi bay lại, bay qua, từ cột

cao chót-vót bên này sang cột
cao chót-vót bên kia, nhẹ-
nhàng, giản-dị, không một tý
ngập-ngừng, không vướng-vấp...

— Sao cô ấy thành-công một
cách tài-tình kinh-khủng thế, hả
Mình ?

— Cô ấy thành-công như thế,
chính là nhờ phương-pháp
Yoga đấy. Hoặc giả, cô ấy áp-
dụng phương-pháp Yoga mà
chính cô không ngờ, cũng như
trong hài kịch của Molière, ông
Jourdain viết văn-xuôi mà không
biết là mình viết văn-xuôi !

— Mình giảng rõ nữa cho em
hiều đi.

— Trong lúc cô nữ tài-tử
nước Đức đánh đu một cách vô-
cùng nguy-hiểm như thế mà
không xảy ra một sơ-hở nào, là
nhờ cô tích-cực **chăm-chú** vào
công-việc của cô, cô **tập-trung**
tất-cả tư-tưởng và tất-cả tin-
tưởng vào hành-động của cô, cô
không để ý đến khán giả ngồi đồng
nghet ở dưới, không suy nghĩ
đến sự nguy hiểm, không cảm-
tưởng đến chiều cao chót-vót
của hai cây cột, đến khoảng
trống ở giữa mà cô phải phóng
qua, vin vào một cái đu mỏng-
mảnh. Tóm lại, cô không để

tư-tưởng phân-tán ra các chi-
tiết ngoại cuộc mà **dồn cả ý-**
chí và tinh-thần vào một
điểm duy nhất : là nắm cái đu
phóng sang bên kia... Phương-
pháp tập trung tư-tưởng, dồn
hết cả bản-ngã của mình để đi
tới một mục-phiêu tinh-thần đến
tuyệt đích, đây chính là nguyên-
tắc của **Yoga**.

— Thế mà em cứ tưởng Yoga
là một triết-lý gì cầu kỳ bí hiem
lắm. Nguyên-tắc Yoga như
thế, có gì là khó đâu.

— Ai bảo Yoga là khó ?
Nhưng ai bảo Yoga là dễ ? Hiều
Yoga có lẽ là dễ, thực-hành Yo-
ga chắc là khó. Phương pháp
Yoga rất khó đối với người nào
tự mình quá dễ với mình. Thực
hành Yoga rất dễ với tất cả
những người nhận thấy Yoga là
khó.

— Khó là thế nào ? Dễ là
thế nào ? Mình nói rành mạch
về lý thuyết và thực-hành cho
em nghe đi, Mình !

— Phương-pháp Yoga đã
thông dụng ở Ấn-độ từ lâu đời,
một phần do phép **Tham-Thiền**
nhập-định của Phật-giáo.
Nghiên-cứu và thấu triệt **Bát**

chánh-Đạo của Cakya Muni,
nhà Triết-học Ấn-độ **Patanjali**,
Thế-kỷ thứ IV, nghĩa là 900
năm sau Phật, mới viết ra
những bản Sūtras (kinh) giảng-
giải và phổ-biến phương-pháp
Yoga cho hết thảy mọi người,
áp-dụng cho cả những người
không theo tôn giáo. Thế-kỷ
thứ VI, vào khoảng năm 520,
nhà Đại-đức Ấn-độ, **Bodhidhar-**
ma (Bồ-đề Đạt-ma) truyền
phép Yoga sang Tàu, theo hình
thức **Thiền môn**, rồi từ đó Yo-
ga truyền sang Cao-ly và Nhật
bản. Sau bao nhiêu biến-cải, trải
qua các Thiền-sư danh tiếng của
Tàu như **Đạo-Tín** (Tao Sin)
Thần Tú (Chen Sieou) **Huệ**
năng (Houei-Neng) v.v..., qua
đầu thế kỷ XIII, một vị Thiền-
sư Nhật, là **Dōgen** (Đạo-
Nguyên), 1200-1253, biến chế
Thiền-môn nguyên-thủy thành ra
phái **Thiền-tông** Nhật-bản,
(**Zen**) thịnh-hành cho đến ngày
nay. Từ sau Đệ-nhị Thế-chiến,
một số các nhà Triết-học và
Khoa-học Âu-Mỹ bắt đầu chán-
nản và nghi ngờ hiệu-quả của Văn
minh và triết học Tây phương,
mới hướng về các học-thuyết
Đông-phương mà từ lâu họ vẫn

cho là huyền-bí, viển-vông.

Phương-pháp Yoga là một
trong những môn học mới lạ nhất
đối với họ, (nhưng đối với người
phương Đông ta đã được áp-
dụng từ lâu rồi), phương-pháp
mà họ nhận-xét rất **thích-hợp**
với tinh-thần khoa-học.
Những sách viết về **Yoga** bằng
Pháp-ngữ, Anh-ngữ, Đức-ngữ,
đã xuất-bản rất nhiều, nhất là
từ 1950, và các tác giả đều là
những vị Giáo-sư Đại-học, Bác-
sĩ, Bác-học có tiếng tăm.

Phương-pháp Yoga hiện nay
được phổ-biến mau chóng và
được thịnh-hành là nhờ có sự
phối-hợp điều-hòa của phép
Thiền-định cồ-diễn của Phật-
giáo với khoa-học hiện-dại.

— Làm sao phối-hợp được
Khoa-học với Tôn-giáo hả Mình ?

— Đây không có vấn-đề tôn-
giáo. Chỉ có sự **áp-dụng**
phương-pháp Tham-Thiền
Nhập-Định của Phật (Contem-
plation — Eveil) để tập-trung tư-
tưởng (contentration de pensée)
và phân-tách những lợi-ích thực-
tế trong sự điều-khiển các giác
quan, và phát-triển cơ-thể. Một
phương-pháp vừa **thề-dục**
vừa **tri-dục**, điều-hòa cả hai

MÌNH ƠI !

phương-diện thể-xác và tinh-thần của con người.

— Mình nói thật rõ hơn nữa cho em hiểu.

— Yoga hiện nay xử-dụng và phát-triển 6 khả-năng mà ai cũng có thể thực-hiện được :

4 khả-năng sinh-lý (thể-xác)

2 khả-năng tâm-lý (tinh-thần)

Bốn khả-năng sinh-lý là :

1) giữ cho thân-thể hoàn-toàn thanh thoi (décontraction-Relaxation)

2) Điều-khiển hơi thở

3) Giữ các cơ-thể thật yên-tĩnh, đừng để xáo-động.

4) Điều-khiển các giác-quan.

Hai khả năng tâm-lý là :

1) Tập-trung tư-tưởng vào một vấn-đề duy nhất.

2) Nhập-định.

Luyện tập và phát triển toàn vẹn 6 khả năng trên đây, theo

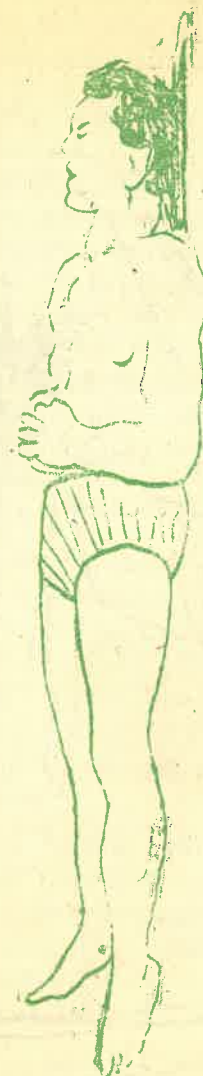
những phương-pháp khóa-học, đây là tất cả tinh túy của khoa-học Tham-thiền, hay là khoa học Yoga. Đây không phải là một bài giảng dạy về phương pháp thực-dụng Yoga, nên không thể nào nói tỉ-mỉ được, nhưng đây là một vài phép luyện tập mà người *Yogin* (người tập Yoga) nào cũng làm được, cũng phải làm được, nếu theo đúng những lời chỉ vẽ trong các sách chuyên môn về Yoga :

(xem hình ở trang 93 — 94)

Tất cả 9 môn tập như thế, hướng về mục-đích phát-triển và điều-khiển 4 khả-năng sinh-lý của cơ-thể con người. Sự điều-khiển ấy sẽ dễ-dàng một khi người đàn ông, hay người đàn-bà, — thanh-niên, thiếu-nữ, — đề mỗi buổi sáng 10 phút, lúc ngủ dậy, tập theo lời chỉ-dẫn Yoga, thay vì tập thể-thao Thụy-điền, trong một thời-gian không-lâu. Khác với Thể-thao Thụy-điền, phương pháp Yoga vừa luyện cho các cơ-thể cường tráng, khỏe-mạnh, vừa điều-hòa được các giác-quan theo định-hướng của mình.

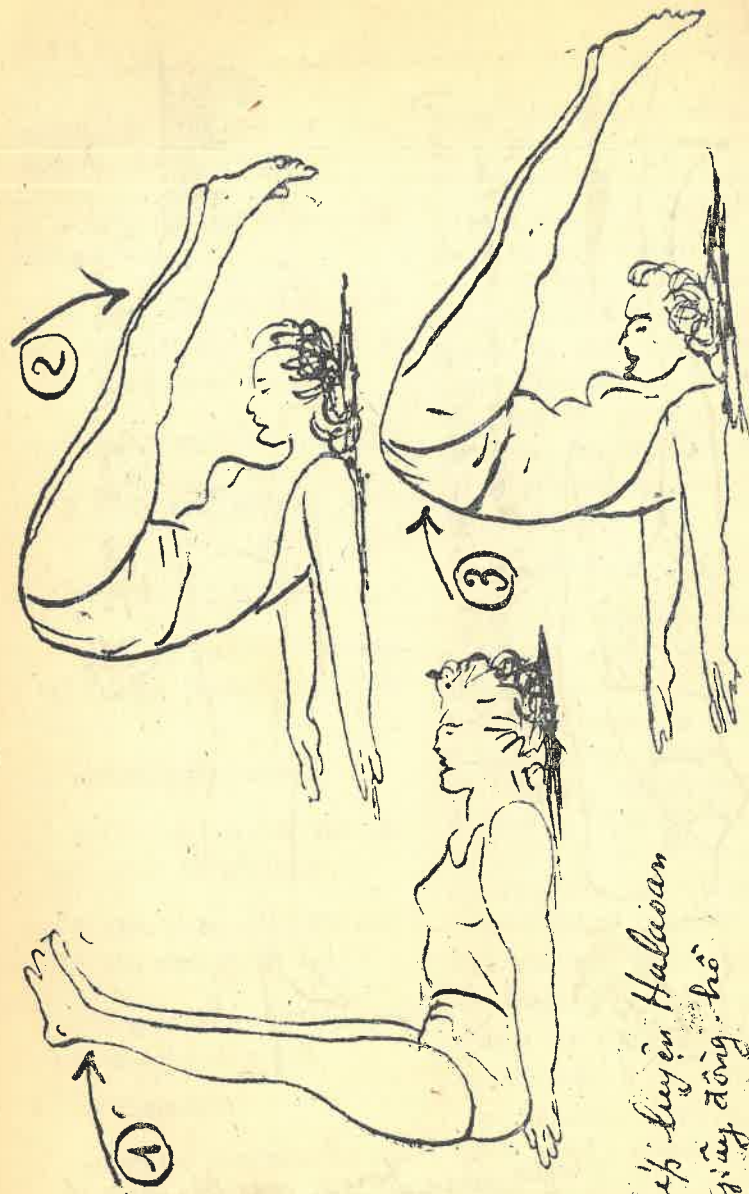


Tập thân-thể hoàn-toàn yên-tĩnh
Relaxation totale (Savasana)



Tập điều-hòa hơi thở

(Yoga pour tous, sous la direction de
Dienne, et Yoga pour soi, sous la direction de E. Longue)



Phép luyện Hatha

① 15 giây đồng hồ

② 10 "

③ 30 "

(Yoga from Elle - D. Duane)

MÌNH CÒI !

Đi đôi với sự luyện-tập cơ-thể, có hai phép luyện-tập về tinh-thần. Phép này, đúng ra, là áp-dụng nguyên-tắc Bát-chính-đạo của Phật; trong kinh *Mahavagga* :

- 1.— Chính-kiến (*Samyaksadisti* — Vue juste)
- 2.— Chính tư-duy (*Samyaksankappa* — Pensée juste)
- 3.— Chính-ngữ (*Samyakkvâkram* — Parole juste)
- 4.— Chính nghiệp (*Samyakkamanta* — Action juste)
- 5.— Chính mạng (*Samyakkjivara* — Moyen d'existence juste)
- 6.— Chính tinh-tiến (*Samyavâyâma* — Effort juste)
- 7.— Chính niệm (*Samyaksamâti* — attention juste)
- 8.— Chính định (*Samyaksamadhi* — Concentration juste)

Áp-dụng Bát Chính-đạo trong phương-pháp Yoga, tức là mình chỉ - huy lấy mình, không bị ảnh-hưởng của ngoại cảnh, tập trung tư-tưởng vào một lẽ phải và vận-dụng toàn thể tâm-trí của mình vào lẽ phải ấy. Do khả-năng trí-dục của nó, phương

pháp Yoga đào tạo một con người mới, thoát-ly khỏi con người bị hư-hỏng vì chung-chạ với bao nhiêu ngoại-cảnh suy-đời. Phương-pháp Yoga điều hòa với khoa-học để áp dụng trong thời buổi khoa-học, cho nên nó có tính chất hấp-dẫn con người trí-thức, và ai muốn sống đời sống tự-do, biệt-lập, theo lý-tưởng chính đáng của mình, đều nên sống theo phương pháp Yoga.

Phương pháp Yoga luôn luôn hướng về **chân** (Chính kiến, Chính tư-duy, Chính-ngữ), **thiện** (Chính nghiệp, Chính mạng) và **Mỹ** (Chính tinh tiến, Chính niệm, Chính định)... Anh nói từ này giờ, em có hiểu hết không ?

— Em hiểu chứ. Tóm lại, có phải Yoga là một phương-pháp huấn luyện con người về cả hai phương-diện không. Mình ? Phương diện thể xác, và phương diện tinh thần ?

— Đúng thế. Về thể xác, nó phát-triển cơ-thể, và điều-hòa các giác quan, nó cho ta cái khả năng tự điều khiển bộ máy thân-thể đúng mức,

MÌNH ƠI!

không bị dồn-ép như *Refoulement* của Freud, cũng không lãng-phí theo duy-sinh như J. P. Sartre. Cái quan-niệm vật chất của Yoga cũng căn-cứ trên liên-hệ giữa thể-chất (*ākāsha* — Matière) và sinh-lực (*Prāna*, — Energie) không khác gì công-thức của Einstein ($E = Mo C^2$). Về tinh thần, phương-pháp Yoga là một cứu-cánh giữa đời sống máy móc vô-cùng phức-tạp của đời nay. Nó mở cho con người thêm một Chiều thứ tư (quatrième dimension), tức là bề sâu của tư-tưởng, để cho con người được đôi lúc giải-thoát ra ngoài thực-tế.

— Mình ơi!

— Ơi.

— Sao Mình không tập Yoga cho em?

Yoga không cần ai tập. Con người Yogin luôn luôn tự-chủ với mình, tự làm một mình.

— Nhưng một mình em làm sao tập được?

— Khi nào tự ý em muốn

luyện Yoga, là em theo trong sách luyện được một mình.

— Không, em xem sách này em hiểu, nhưng em tập chung với mình cơ, em không tập một mình em đâu.

— Yoga là phương pháp huấn luyện **bản ngã**. Không nên có bản ngã khác làm chia xẻ phần nửa bản ngã của mình.

— Không, bản ngã của Mình là bản ngã của em. Bản ngã của em là bản ngã của Mình. Mình với em chỉ có chung một bản ngã, không có riêng hai bản ngã. Cái triết lý Yoga của em là nhất định như thế. Mình chịu không?

Ông Tú làm thinh, chỉ cười. Bà Tú ôm hôn đầu tóc của chồng rồi bảo:

— Nước đã sôi rồi kia, Mình ơi! Em đi trưng thịt bò để Mình xơi nhé? Mình ngồi đây «tập trung tư-tưởng» vào cái son thịt bò để chốc nữa Mình ăn cho ngon nhé!...

Diêu - Huyền

PHỔ-THÔNG THẾ-GIỚI

★ XUÂN-ANH

MỸ.— TỔNG ĐÀI ĐIỆN THOẠI ĐIỆN TỬ

Hãng danh tiếng về máy điện thoại Bell Telephone vừa sáng chế ra một tổng đài điện thoại tự động điều khiển bằng một bộ óc điện tử, có thể làm cho các liên lạc điện thoại được mau gấp 1000 lần hơn các điện thoại tự động hiện có.

Tổng-dài này lại có đặc điểm là có thể ghi một bản kê các số điện thoại của người thuê máy thường dùng để khi gặp con số ấy là tức khắc máy tự động kêu dùm cho người thuê khỏi phải mất thì giờ.

Tôi tin hơn nữa là nếu người thuê máy có việc phải đi xa thì có thể báo trước cho bộ óc điện tử biết. Sau này nếu có ai gọi điện thoại đến nhà thì lập tức, bộ óc điện tử sẽ tự động chuyển ngay liên lạc đến địa chỉ mới của mình.

MÁY HÂM SỮA VÀ RU CON

Máy này có lẽ là thực tế nhất đối với các gia đình lắm khi phải bận bịu vì con. Bà mẹ chỉ cần pha sữa một lần mà thôi. Máy này giữ gìn sữa trong một độ vừa mát để cho sữa khỏi hư và

đúng giờ trẻ con bú là máy tự động hâm lại cho vừa ấm.

Khi sữa đúng độ thì một hồi chuông reo lên báo cho bà mẹ biết để cho con bú. Bú xong, muốn cho đứa trẻ ngủ lại thì từ nuôm vú phát ra một bản nhạc ru con (Berceuse) của nhạc-sư Brahms rất du dương êm đềm, khỏi phải như các bà mẹ bên ta phải đưa eo-ọt cái nôi và... à, ơ... hằng giờ một cách rất cực nhọc.

● MÁY DỊCH CÁC THỨ TIẾNG :

Máy này có tài dịch mỗi phút 2400 chữ để cho ra một bản phiên dịch, tuy sơ lược nhưng rất dễ hiểu và đầy đủ ý nghĩa, của một ngoại ngữ.

Máy có một bản ngữ-vùng gồm 100.000 chữ cần thiết và thông dụng của mỗi ngoại ngữ : Anh, Nga, Pháp, những thứ ngoại ngữ thông dụng nhất hoàn cầu.

Hiện nay, máy này dùng để dịch tiếng Nga ra tiếng Anh và do không quân Hoa-Kỳ sử dụng. Hằng ngày máy này có phận sự dịch tờ báo của đảng Cộng-sản Nga, tờ Pravde (Sự thật) từ tiếng Nga ra tiếng Anh.

Máy này do hãng I. B. M. (International Business machine) chế tạo. Hãng I. B. M. này là một hãng quốc-tế chuyên môn về các máy tính điện-tử mà hiện nay ở Saigon, có một chi-nhánh ở đường Tự-Do.

Cái máy này chắc hẳn sẽ làm nhiều thông dịch viên thất nghiệp.

● THUỐC HÚT TỰ ĐỐT CHÁY

Thường thường, mấy người hút thuốc luôn luôn trừ cái hộp quẹt hay cái máy lửa. Khổ nhất là đèn con thêm mà hộp quẹt thì hết, máy lửa lại hết xăng.

Biết cái cảnh khổ tâm ấy nên hãng Continental Tobacco ở miền Tây Virginie vừa chế ra những điều thuốc lá trên đầu có một «mũi nhọn lửa» và bảo đảm chất nhọn lửa ấy không có mùi vị khó chịu và nguy hại cho buồng phổi con người.

Mỗi lần muốn hút thuốc, người hút chỉ cần cầm điều thuốc cả mạnh vào cái bao đựng thuốc là điều thuốc cháy ngay.

Loại thuốc này sản xuất ra thế nào cũng làm cho nghề sản xuất hộp quẹt điêu đứng.

GIA-NÃ-ĐẠI.-

TÔI THẤY CÁI ĐÓ RỒI..

Trong một sở P.T. trước, các bạn đã biết tin các phụ nữ thuộc giáo phái Doukhobor ở lỗ đồng động để đi biểu tình phản đối chính quyền địa-phương.

Họ làm thế không phải liều mạng hay là không sợ mắc cỡ như các con mụ... đi đòi nợ mướn bên ta mà vì đạo giáo của họ là đạo giáo của «những đứa con của Tự Do» (Les fils de la Liberté) nên họ ở lỗ ra là để biểu hiệu một cách cụ thể ý-chí và đạo lý của họ đó thôi, vì khẩu-thân là điều kiện bắt buộc của đạo Doukhobor.

Khổ cho ông Thủ-tướng Gia-nã-Đại John Diefenbaker đã phải đương đầu với cái «ở lỗ chính-trị» ấy trong một phiên họp công cộng của phe đối lập.

Trong phòng họp, trong khi ông đang hùng hồn nói với công chúng thì 5 thiếu phụ bông tuốt áo quần ra, ở lỗ đồng động tỏ ra rằng giáo phái Doukhobor cũng có đại diện đến dự phiên họp.

Thiên hạ xôn xao, các nhiếp ảnh viên xô đẩy nhau để chụp bức ảnh «lý thú» nhất, nhưng ông Thủ-tướng vẫn điềm tĩnh, đồng dục tuyên bố :

— Tôi đã từng thấy cái đó rồi, và nói với phóng viên báo chí, ông tiếp : Đèn nay, chắc có lẽ một vài vị trong báo giới chưa được thấy cái đó...

TANANARIVE.—

HÀI CỐT 120 TRIỆU NĂM

Vừa rồi ở vùng Majunga (phía tây đảo Madagascar) người ta đã đào được hài cốt của loài kỳ đà khổng lồ (dynosaure) thuộc về đệ nhị kỷ nguyên (ère secondaire) của địa cầu nghĩa là kể đến ngày nay cũng khoảng chừng 120 triệu năm.

Hài cổ này còn giữ được gần như nguyên vẹn dưới đất và chỉ 1 ông chân, 1 bả xương vai cũng cân nặng đến 80 ki-lô, một đốt xương sống đường kính cũng đến 2 tấc tây, nặng 22 ki-lô rồi, đủ biết con kỳ đà thời thượng cổ này to đến cỡ nào so với con kỳ đà bây giờ, nhỏ xíu và chỉ dài chừng 1 thước 5 là cùng.

Như vậy, có lẽ rằng 120 triệu năm về sau này, loài vật và người chỉ nhỏ tí teo và lùn xị, bỏ trâu chỉ bằng con chuột và người thì cao chừng 5 tấc là cùng và khi những người thời ấy đào được hài cốt của loài vật và người thời bây giờ chắc thế nào họ cũng cho là khổng lồ tất cả và lấy làm quái dị vô cùng.

★ TÂN - PHONG

Chào các Bạn,

CHÚNG ta đã chào tất cả mọi người trong mọi trường-hợp, theo đúng phép lịch-sự. Chúng ta đã chào quý bà, quý cô, chào ông Tổng-thống, chào vị Đại-sứ ngoại-quốc, chào anh nông-dân, chào chị Lao-công, chào cả chiếc quan-tài đi nghênh-ngang trên đường phố.

Bây giờ chúng ta giới-thiệu những người không quen biết nhau.

★ 4.— LUÔN LUÔN GIỚI THIỆU NGƯỜI NHỎ HƠN CHO NGƯỜI LỚN HƠN

Chúng ta nên nhớ rằng giới-

thiệu ông A cho ông B, tức là muốn cho ông A được hân-hạnh quen biết ông B. Vậy khi hai người gặp nhau mà ông B có địa-vị cao hơn ông A, thì trước tiên ta phải giới-thiệu ông A cho ông B, rồi tiếp theo đó mới cho ông A biết ông B là ai. Thí dụ : ông A giáo-sư Trung-học, đang đi chơi ngoài phố với tôi, hoặc đang ngồi nói chuyện trong phòng khách của tôi, chợt có ông B, giáo-sư Đại-học đến, thì sau khi chào, tôi phải giới-thiệu ông A cho ông B :

— Ông Lê công A, giáo-sư Việt-ngữ trường Chu-văn-An...

Rồi tôi nói tiếp :

— Ông Nguyễn B, giáo-sư Đại-học Y-khoa.

XÃ GIAO THEO ĐỜI SỐNG MỚI

Hoặc :

— Ông Phạm-đình A, nhân-viên hãng buôn...
...Bác-sĩ Trần-văn-B.

Hoặc :

Ông Trần-hữu-A... nhân-viên Bưu-điện...
...Đại-tá Lê-văn-B.

★ Nên nhớ :

● 1) Nếu tôi giới thiệu trước tiên ông B cho ông A, tôi sẽ làm cho ông B. phật ý, và như thế là tôi kém xã-giao.

● 2) Ông A phải chờ ông B đưa tay ra trước.

★ Nếu hai người cùng địa-vị ngang nhau

Ta giới-thiệu người trẻ tuổi hơn cho người lớn tuổi hơn.

★ Nếu là một bà, địa-vị lớn hơn, hoặc ngang hàng nhau, và lớn tuổi hoặc cùng một lứa tuổi

Luôn luôn giới-thiệu người đàn ông cho người đàn bà :

— Ông Nguyễn văn A, Trạng-sư Tòa thượng Thẩm... Bà Lê văn B, giáo-sư Trưng-Vương.

Hay là :

— Anh Trần đình A, sở Bưu điện... Chị Bạch Lan, buôn bán.

Hay là :

— Ông Lê văn A chủ hiệu buôn Thành-lợi... Bà Trần-văn B, bạn của chúng tôi, v.v...

★ Nếu là cô thiếu nữ,

đĩ nhiên phải giới-thiệu cô thiếu nữ cho người lớn hơn cô.

★ Nếu là đôi bạn thanh niên nam-nữ cùng một lứa,

Giới-thiệu bạn trai cho bạn gái :

— Anh Trần-đình A, sinh viên Luật-khoa... Chị Ngọc-Bích, nữ-sinh Đồng-Khánh.

Hoặc là :

— Trung-Ủy Lê văn A... Chị Hồng-Liên, thư-ký hãng buôn v.v...

Tóm lại, xin đừng quên rằng xã-giao của đời sống mới theo nguyên-tắc : Trọng Nữ khinh nam, trái hẳn với Khổng-giáo : Trọng nam khinh nữ. Trừ những trường-hợp quá chênh-lệch về địa-vị, chức-tước, và tuổi-tác.

★ Vài chi-tiết quan-trọng

● Trong lúc giới-thiệu, phải đứng. Dù người có địa-vị lớn, đang ngồi, cũng phải đứng dậy. Chỉ trừ người già cả, đau yếu, bệnh-tật.

● Trong lúc giới-thiệu, cũng như trong lúc chào, *người có địa-vị thấp kém không bao giờ đưa tay ra trước*. Điều này, tôi xin phép nhắc lại nhiều lần vì đa số người Việt-Nam, và người Tàu, có tật quen **rất vô lễ** là gặp ai cũng vội vàng chìa tay ra trước, mặc dầu người mình chào là lớn tuổi hơn, hay địa-vị cao hơn. Chìa tay ra như thế trong trường hợp này, là làm chàm lòng tự-ái và mất cảm-tình ngay của người mà mình phải kính trọng, hoặc nhờ cậy việc gì. Lỡ gặp người ấy khó tính, họ không đưa tay ra bắt tay mình, có phải là mình ngượng không?

Nếu sau khi giới-thiệu, người ấy không đưa tay ra, (không bắt buộc), và họ có thể khẽ gật đầu mỉm cười, thì mình khẽ nghiêng đầu đáp lễ.

● Xung-hô trong lúc giới thiệu

Không cần nói : « Tôi xin giới-thiệu đây là... » câu nói kiểu cách ấy, người lịch-sự không dùng. Chỉ nên khẽ đưa bàn tay ra phía người mà mình muốn giới-thiệu, và nói : « Ông Lê-văn A... » v.v...

Phải xung-hô đúng cách, nếu không, sẽ lộ-bị. Vài thí-dụ :

Đừng nói : ông Trung-Úy,

ông Bác-sĩ, ông Luật-sư. Ngài Tỉnh trưởng, Ngài Bộ-trưởng... v.v...

mà nói :

— Trung-Úy Lê-văn A... Đại-Úy Trần B..., Bác-sĩ Trần..., Luật-sư Nguyễn..., Trung-Tướng Lê..., Giáo-sư Phạm...,

Hoặc là :

— Ông Nguyễn A, Tỉnh-trưởng (tỉnh nào đó...)

Trái lại, với phụ-nữ có các chức nghiệp trên, phải nói :

Bà Bác-sĩ Lê-thị B..., Bà gi o sư Trần thị..., Bà Luật-sư....

Nếu bà ấy là vợ của một Bác-sĩ, một Luật-sư, một Tỉnh-trưởng, v.v... mà chính bà không phải là bác sĩ, Luật-sư..., thì mình xưng hô

— Bà Lê-văn A, vợ của Bác-sĩ Lê-văn A.

Hoặc :

Bà Trần-thị-H..., vợ ông Tỉnh-trưởng (tỉnh ... nào đó)

Hoặc chỉ giới-thiệu tên, không cần nói là vợ của ai.

Nên bỏ lối giới-thiệu phong-kiến lạc-hậu : « Tỉnh-trưởng phu-nhân... Bác-sĩ Lê-văn-A phu-nhân... », v.v...

LỄ KHÁNH THÀNH NHÀ MÁY PHA CHẾ ĐẦU NHỚT CỦA HÃNG

E s s o

tại Việt - Nam

★ P. T.

N GÀY 16-8-62 vừa qua, hồi 10 giờ, hãng dầu Esso Standard Eastern tại Việt-Nam vừa khánh thành 1 nhà máy pha chế dầu nhớt tại nhà Bè, dưới sự hiện diện của ông Phạm-hữu-Vinh đại diện ông Bộ trưởng Bộ Công-chánh và Giao-thông, Ông S.M. Strasburger Tổng Giám-đốc hãng Esso, cùng rất đông báo giới trong nước và Ngoại-quốc.

Công cuộc xây cất nhà máy khởi công hồi tháng 6-1961 và hoàn tất vào trung tuần tháng 8-62 — Tồn phí xây cất lên khoảng 13 triệu đồng.

Đây là lần đầu tiên các

nguyên liệu pha chế dầu nhớt được nhập cảng bằng số lượng lớn vào V.N ; Và tại đây sẽ chế hóa cùng pha trộn những nguyên liệu này để sản xuất rất nhiều loại dầu nhớt nhằm đáp ứng cho nhu cầu của một Quốc-gia nông-nghiệp mới kỹ-nghệ hóa.

Hãng sẽ nhập-cảng từ Hoa-Kỳ 7 loại dầu nguyên liệu và 30 gia chất hóa học do Công Ty Nghiên Cứu Esso phát minh để pha chế ra chừng 50 thứ dầu nhớt khác nhau, sẽ được đóng thùng và đóng hộp tại Việt-Nam.

Các thứ dầu nhớt được chế tạo ở nhà máy này là :

NHÀ MÁY PHA CHẾ DẦU NHỚT

— Sáu thứ dầu nhớt cho động cơ chạy xăng

— Năm thứ dầu nhớt cho động cơ dầu cặn vận tốc cao

— Bảy thứ dầu nhớt cho động cơ dầu cặn vận tốc thấp

— Sáu thứ dầu nhớt cho đủ kiểu hộp số và truyền chuyển động

— Ba thứ dầu nhớt cho động cơ hơi nước

— Bảy thứ dầu cho tuyền-bin, máy lạnh và thủy cơ

— Một thứ dầu nhớt tự tan cho động cơ hai thời.

Ngoài ra nhà máy này sẽ còn pha chế đủ loại dầu nhớt cho giấy «cable», dụng cụ khí ép và các máy dệt...

Sau khi xem qua cơ sở của hãng dầu Esso, chúng tôi được biết về những phương pháp biến chế như sau :

— Bảy loại dầu nguyên liệu được bơm từ dưới tàu lên 7 chiếc bồn chứa. Trong bảy cái bồn này có một bồn được hấp bằng ống hơi nước, dành riêng để chứa thứ dầu rất nhạy ở nhiệt độ bình thường.

Từ bồn, dầu nguyên liệu sẽ chạy qua ống dẫn vào nhà máy với tốc độ 760 lít một phút nhờ

sức đẩy của máy bơm vận chuyển bằng động cơ điện 5 ngựa. Việc lựa chọn loại dầu nguyên liệu cho chạy vào ống và cho chạy máy bơm đều được điều khiển từ xa.

Mỗi loại dầu nguyên liệu được dẫn vào nhà máy bằng một ống riêng, qua một đồng hồ đo, rồi chạy vào một trong bốn bồn pha chế ; nếu cần người ta có thể cho dầu nguyên liệu chạy qua một máy khử nước để đảm bảo phẩm chất của dầu nhớt. Esso.

Bồn pha chế gồm có ba chiếc dung lượng 12 000 lít và một chiếc dung lượng 4.000 lít. Mỗi bồn đều có hai tầng, lắp bộ phận khuấy trộn dầu ; và có vòng hơi nước hấp nóng trong khi pha chế. Các gia chất hóa học cũng được trộn vào dầu nhớt trong bồn này. Nhà máy này có thể pha chế 4 thứ dầu nhớt cùng một lúc.

Dầu đã pha chế sẽ được bơm sang xường bên với tốc độ 380 lít một phút để đóng thùng và đóng hộp. Việc vô thùng vô hộp cũng hoàn toàn làm bằng máy tự động. Sau đó, thùng dầu và hộp dầu được giấy chuyển tự động đưa thẳng sang kho chứa

NHÀ MÁY PHA CHẾ DẦU NHỚT

dầu nhớt.

Trên phương diện lợi ích, Hãng Esso dự tính pha chế mỗi năm 40.000 ba-ril dầu nhớt (tức là 6 400.000 lít). Pha chế tại Việt-Nam, cứ mỗi ba-ril (159 lít) ta tiết kiệm được 2,5 Mỹ Kim (150 đồng Việt-Nam). Như vậy hàng năm nhà máy sẽ giúp cho ta tiết kiệm được chừng 100.000 Mỹ Kim (khoảng 6 triệu đồng Việt-Nam).

Về kỹ-nghệ làm thùng và làm hộp trong nước cũng thêm chỗ tiêu thụ, nhu cầu dầu nhớt trong

nước sẽ được thỏa mãn xác đáng hơn và các nhà tiêu thụ khỏi phải tích trữ như khi dầu nhớt còn phải nhập cảng.

Ngoài ra, hiện nay Hãng Esso đang sửa soạn thiết-lập thêm một bồn pha chế 30.000 lít để đáp ứng cho nhu cầu quốc nội ngày càng gia tăng, đồng thời dự án đặt nhà máy đóng thùng nhựa đường cũng đang được nghiên cứu.

Buổi lễ chấm dứt vào lúc 11 giờ 30, bằng một tiệc rượu thân mật.

P. T.

THUỐC

ĐAU LƯNG

HỒNG NGUYỄN



Trị thận suy yếu, nhức mỗi
tay chân, phong thấp, gân
xương đau nhức.

Nhà thuốc HỒNG NGUYỄN

Bà DƯƠNG-XUÂN-LANG chế

Số 246, Đại lộ Nguyễn-Hoàng — Cholon

Các tiệm thuốc Bắc đều có bán. 1 hộp 2 viên giá 20\$.

Kiểm-nhận số 233-BYT / QCDP, Ngày 7-8-1962



Truyện dài tình-cảm thời-đại ★ NGUYỄN-VỸ

(tiếp theo P.T. 86 và hết)

KHÔNG ngờ đôi khi chuyện thực-tế còn kỳ-thú hơn chuyện tưởng-tượng nữa. Tại-dụ như ông Ngọc-Minh đâu có dè Hoàng là người yêu cũ của Anh ! Và bây giờ, do Anh đã nói hết sự thật cho ông nghe, ông mới hiểu rõ vì sao mấy năm qua Anh vẫn yêu ông nhưng vẫn còn tưởng nhớ đến Hoàng và còn mong đợi Hoàng. Ông càng phục Anh đã trung-kien với một mối tình đầu tha-thiết, mặc dầu là một mối tình của đôi bạn trẻ còn ngây thơ.

Giả-sử Anh gặp lại Hoàng

trong trường-hợp cảm-động vừa xảy ra mà Hoàng chưa có vợ và Anh sẵn-sàng nôi duyên lại với người yêu cũ, chắc chắn ông Ngọc-Minh sẽ không làm gì để ngăn cản hạnh-phúc của đôi uyên-trương. Trái lại, ông sẽ biết giá-trị của hy-sinh, dầu là một hy-sinh vô-cùng đau-đớn, mà ông cam chịu, và sẽ làm đủ mọi cách để giúp cho Anh được thực-hiện giấc mộng diễm-tuyệt của nàng. Từ trước đến giờ, ông Ngọc-Minh đã chẳng âm-thăm hy-sinh nhiều như thế rồi ư ?

Ngọc-Minh đã thường nói :

MỞ HỎI NƯỚC MẮT

«Không có hy-sinh nào tuyệt-vời bằng hy-sinh hạnh phúc của mình cho hạnh-phúc của người khác.»

Nhưng thành-thật Ngọc-Minh thương hại Anh, khi ông lái xe một mình vào trường Mù chợ-lớn để đưa Hoàng ra gặp người yêu cũ. Vì Anh sẽ biết sự thật phũ-phàng hơn, sự thật tàn-nhân sẽ làm tan vỡ hy-vọng của nàng. Nhưng cũng chính thất-vọng ấy sẽ là an-ủi thanh-cao nhất. Vì Anh sẽ được biết Hoàng vì duyên cớ nào bỗng đứng thành ra người tàn-tật, và đã có Toàn tận-tụy, sẵn sóc, cùng Hoàng xây dựng một cuộc đời tươi đẹp hơn.

Anh không có lý-do nào để ghen với Toàn, — nếu thí-dụ Anh còn yêu Hoàng như trước, — cũng như ông Ngọc-Minh không ghen ghét người bạn trẻ mù-lòa tuy bây giờ ông đã biết là người yêu cũ của Anh, vì Hoàng vừa mới cưới vợ.

Chẳng qua là một thử thách ly-kỳ của duyên nợ đôi với Anh cũng như với Ngọc-Minh, và kết cuộc là hai

người càng hiểu nhau thâm-thía, càng tha-thiết yêu-nhau.

★

9 giờ sáng Mồng 7 Tết. Anh đang tưới nước mấy chậu hoa trước hè, thì Ngọc-Minh vui-vẻ từ ngoài bước vào Anh đùa bốn :

— Năm mới... xin chúc..

Ngọc-Minh cũng cười :

— Vâng, năm hãy còn mới... Chúng ta cứ chúc cho năm còn mới mãi, cho chúng ta mới mãi..

Ngọc-Minh đứng lại nhìn Anh :

— Sáng nay Anh đẹp hơn bao giờ hết. Mỗi ngày Anh mỗi đẹp thêm ! Anh đã khỏe hẳn ?

— Dạ.

— Anh muốn đi chơi với tôi không ?

Anh dè-dàng gật đầu :

— Dạ, đi.

Ngọc-Minh mỉm cười, hỏi tiếp :

— Đi đâu, Anh cũng đi chứ ?

— Dạ, đi đâu em cũng đi.

— Đi vòng quanh thê-giới ?

— Vòng quanh thê-giới, cũng đi.

— Anh cười, nói tiếp :

— Nhưng em phải mặc áo dài đã chứ.

— Tôi chờ.

Mười phút sau, Anh từ trong bước ra. Ngọc-Minh rất ngạc-nhiên : Anh mặc thê nào trông cũng đẹp cả, không trang-diêm, không diện, dù là ngày Xuân : chiếc áo màu hoa cà, quần đen, đôi dép, thê thôi. Anh có sắc đẹp tự-nhiên, đẹp hoàn-toàn, vô cùng duyên-dáng, phực-sức qua-loa cũng cứ đẹp mê-hồn.

— Anh nhón một cựa cười :

— Thưa ông Giáo-sư, em đã sẵn sàng.

— Chúng ta đi !

Ra đến đường lớn, Ngọc-Minh mở cửa xe phía trước để Anh vào ngồi cạnh ông. Xe vừa rồ máy chạy, ông mỉm cười hỏi Anh :

— Chúng ta đi đâu bây giờ ?

— Đi vòng quanh Thê-giới.

— Không. Đầu năm tôi muốn dành cho Anh một ngạc-nhiên...

— Với ông, em không có gì ngạc-nhiên nữa cả.

— Có. Chúng ta sẽ đi vòng quanh thê-giới... của người nghèo.

Anh ngó Ngọc-Minh. Ngọc-Minh mỉm cười ngó Anh. Ông thích-thú vì quả thật Anh không ngờ. Ông điêm-nhiên lái xe, đôi mắt ngó thẳng phía trước, chậm-rãi nói :

— Chỉ có thê-giới người nghèo là đáng cho chúng ta thăm viếng mà thôi. Nhất là trong mấy ngày Tết. Tôi có nhiều bạn thân, từ 2, 3 tuổi đến 6, 7 tuổi, trong các túp nhà lá ở rải-rác các ngoại-ô Sài-gòn, đang mong chờ tôi. Tôi muốn hôm nay giới-thiệu với Anh các trẻ em nghèo ấy.

— Anh cảm-động nhìn Ngọc-Minh :

—Thật ư, ông ? Thê mà em chưa bao giờ được nghe ông nói đến những trẻ em nghèo đói. Hôm nay thật hân-hạnh cho em..., em không có gì vui sướng cho bằng.

— Tôi biết Anh sẽ yêu chúng nó lắm, như tôi yêu chúng nó.

— Làm sao ông đã quen biết các trẻ em ấy ?

— Khi người ta muốn có những bạn tốt, người ta đi

tìm, thì phải gặp. Tôi đã biết các em ba năm nay, từ ngày tôi gặp lần đầu tiên trên vỉa đường Phú-Thọ một anh phụ xe cyclo đang ngồi dút cơm cho con ăn, — đưa con 2 tuổi, — trong lúc vợ anh nóng-lạnh trùm chiếc bao bố nằm bên góc cây. Tôi cho tiền, hỏi chỗ ở, bảo anh dắt tôi về nhà, rồi từ đó mỗi tuần tôi đến thăm gia-đình anh một lần, giúp đỡ chút ít và cho tiền nuôi đứa con. Nay thằng nhỏ đã được 5 tuổi, khỏe mạnh, béo tốt, xinh đẹp, và rất thông-minh. Nó mến tôi lắm. Sang năm nó sẽ đi học lớp mẫu-giao trong xóm.

— Bây giờ ông đến thăm nó ?

— Ngọc-Minh gật đầu :

— Cha mẹ nó và nó có đến thăm tôi hôm trước Tết, nay tôi đến mừng năm mới. Tôi có đem theo các món quà đầu năm.

— Cha nó vẫn làm phụ xe ?

— Vâng, và mẹ nó bán trái cây. Mỗi ngày hai vợ chồng không kiếm đủ tiền mua gạo. Tôi có giúp thêm chút ít. Thằng Thọ, tên đứa bé, thì tôi bao-bọc. Chộc nữa Anh sẽ thấy nó. Nó dễ thương lắm. Mới có 5 tuổi mà rất lễ phép... Rất thông minh... Nếu hoàn-cảnh thuận-tiện cho nó

đi học mãi, nó sẽ trở nên một công-dân có nhiều tài năng và triển vọng... Biết bao nhi-đồng và thiếu-niên bị bỏ rơi vì hoàn-cảnh !...

Suốt cả buổi sáng mãi đến 1 giờ trưa, Ngọc-Minh đưa Anh đi thăm lần-lượt 5 đứa bé nhà nghèo trong các xóm lao động, ở năm nơi. Phú-Thọ, Chợ-Thiết, Nguyễn-tri-Phương, Bàn-Cờ, Thi-Nghè.

Sau cùng, từ trong hẻm chợ Thị-nghè ra, Ngọc-Minh hỏi Anh :

— Anh muốn đến nhà tôi không ?

— Anh âu-yêm đáp :

— Ông muốn đưa em đi đâu, em cũng đi... Hôm nay là ngày đẹp nhất trong đời em. Trái tim em hồi-hộp những rung-cảm êm-đềm quá, dẽ-mê quá, đầy những xúc-động dịu-dàng, thiêng-liêng...

— Chiều nay, ở nhà tôi có cuộc liên-hoan. Tôi sung sướng được Anh tham-gia.

— Ông sẽ đãi tiệc các quan khách, các bạn hữu ?

— Ngọc-Minh mỉm cười :

— Các bạn-hữu, thì đúng hơn. Các bạn thân như năm người bạn tỷ-hon mà chúng ta vừa đến viếng.

Ngọc-Minh lái xe thẳng đường Thị-nghè, về nhà. Trên xe, ông nói tiếp :

— Hầu hết các nhà nghèo

trong xóm sẽ là quan-khách của chúng ta, chiều nay. Các em có chừng 70 đứa, con cháu của 50 gia-đình lao-động, ở rải-rác trong xóm nhà lá chung quanh. Ngày thường, tất cả đều là bạn của tôi, và các em quyền-luyện tôi lắm. Buồn cười nhất là đứa nào cũng muốn làm con tôi và muốn ở với tôi! Hôm Mồng-một, họ lần-lượt đến thăm tôi đông-đủ, và tôi cũng đã đến chúc-năm mới từng gia-đình. Tôi có mời họ sẽ đưa các em đến nhà tôi, chiều mồng 7, là chiều nay, để « ăn Tết » chung với nhau một bữa cho vui. Họ đã hẹn chiều nay sẽ đến tất cả... Anh muốn chung vui với họ không?

— Em chắc rằng không có cuộc vui nào cảm-động hơn, và thích thú hơn. Hôm nay ông đưa em đi du-lịch trong Thê-giới người Nghèo, bây giờ chúng ta lại trở về với Thê-giới người Nghèo, mà chỉ có tình bác-ái, và lòng nhân đạo là có thể biến thành một Thê-giới quang-đăng, thanh-cao, mỹ-lệ nhất.

Gần đến cổng nhà, Ngọc-Minh lái xe chậm-chậm, và cũng chậm-rãi nói:

— Anh là nàng Tiên của Tình-Yêu và Tình-Thương,

Anh à.

★

Xe vào cổng, quanh sang tay phải, đậu nơi góc sân. Ngọc-Minh và Anh mở cửa bước ra. Cùng lúc một bầy chim bồ-câu, một bầy gà con, gà cổ, gà mái, ba con chó, hai con mèo, hai con ngỗng, bốn con thỏ, từ các nơi trong vườn, bay tới, chạy tới, riu-rít bu quanh Ngọc-Minh và Anh, xôn-xao, vui mừng... náo-nhiệt...

Anh bắt ngó, đứng né sát vào Ngọc-Minh, nét mặt Anh hân-hoan, đôi mắt huyền-mơ ngó ông Giáo-sư, im lặng, với nụ cười sung-sướng.

Ngọc-Minh âu yếm đặt tay trên vai Anh, nâng khẽ tựa đầu vào ngực chàng.

Ngọc-Minh ôm Anh vào lòng. Anh cảm-động nhìn chàng, đôi mắt chan-hòa hạnh-phúc. Ngọc-Minh khẽ gọi:

— Em...

Nàng khẽ đáp:

— ... của Anh.

Một cặp bồ-câu trắng bay đậu trên đôi vai kề nhau, trong hơi ẩm say-mê của Tình-Yêu diễm-tuyệt...

HẾT

MỒ HÔI NƯỚC MẮT

Thề theo lời mong muốn của rất đông bạn đọc, truyện dài

Mồ Hôi Nước Mắt

sẽ được sửa chữa lại, thêm bớt một vài đoạn và in thành sách, xuất bản trong một ngày gần đây.

do **PHỔ-THÔNG TÙNG-THU** ấn-hành.

Khởi đăng từ số tới (số 88, Đặc-biệt Trung-Thu):

ĐẶC-BIỆT TRUNG-THU
LỜI NGỎ

TRUYỆN DÀI TRÀO PHÚNG, MÔ-TẢ
NHỮNG MẶT TRÁI CỦA XÃ-HỘI

★ **NGUYỄN-VỸ**

Chợ Lớn Quận

ĐỀ TÔI ĐI

Đề mai một tôi đi
Cho mình cô ở lại
Với bầu trời tự do
Sống một đời thoải mái!

Mai một tôi đi rồi
Không còn ai đề cãi.
Cô hết nghĩ lời-thôi
Rằng mình hôm nay đại!

Bây giờ còn tôi đây
Mặc cô dọa, cô đây,
Nay quần này áo nợ
Mai lại đòi « một » giày!

Phần cô mua đủ thứ
Son chẳng thiếu màu nào,
Lại còn muốn thứ dư:
Xe đẹp với lầu cao!!

Cô chẳng thấy tôi sao?
Ngày nào như ngày nào,
Dù trời mưa, trời gió,
Cũng chẳng dám lãng xao.

Còn lưng đập lọc-cọc
Đến sở cho kịp giờ,
Đem mồ hôi với óc
Đổi lấy mấy đồng hờ.

Tiền lương tháng đem về
Nuôi tôi và nuôi cô.
Gạo cơm còn chưa đủ
Cô lại đòi diêm-tô!

Thôi đề tôi đi mau
Cho mình cô ở lại

Lấy một tấm chồng giàu,
Sống một đời sướng... khoái...!!

★ **TRUNG PHÚ**
(Sa-déc)

sách báo mới

★ **Việt-Nam Ca-Trù Biên-khảo**

của **Đỗ-Bằng Đoàn** và **Đỗ-trọng-Huê**, (Khảo-cứu nghệ-thuật văn-chương và sưu-tầm cổ tích lịch-sử).

Một quyển sách khảo-cứu rất đầy đủ về ca-trù, có lời giới-thiệu của ô. Nguyễn-dăng-Thực, Khoa-trưởng Văn-khoa Đại-học Sài-gòn.

Phần thứ nhất: ca-trù lược-khảo (Lịch-sử ca-trù — Những danh-từ chuyên môn trong nghề ca-trù — Giáo-phương — Những lối ca-trù. Nhạc-khí. Những chuyện ả-dào lưu-danh sử sách) **Phần thứ hai**: ca-trù hợp-tuyển. Những áng danh-văn Trung-Quốc ngày xưa cô đầu thường hát. Tiểu truyện các tác-giả ca-trù)...

Sách giầy 700 trang. Giá 18\$

Đây là một bộ sách rất có giá-trị về phương-diện Văn học và lịch-sử. Chúng tôi sẽ có bài phê-bình sau.

★ **Non nước xứ Quảng**

của **Phạm-trung-Việt**. Inien-Bút văn-đoàn. Một tập khảo-cứu về địa-lý, nhân-văn, thắng-cảnh thi ca tỉnh **Quảng-ngãi**. Tài-liệu đầy đủ, soạn công phu, có ảnh nhiều thắng cảnh địa-phương. 175 trang. Giá 34 đồng.

★ **Thơ Đường**

cuốn II của **Trần-Trọng-San**. Hợp tuyển những bài thơ của Lý-Bạch, Đỗ-Phủ, Bạch-cư-Dị, có cả nguyên-văn chữ Hán và những lời chú-thích đầy đủ, rõ ràng. Tác-giả xuất-bản — 210 trang — Giá 80\$.

★ **Hồn Đất Nước**

Thơ của Phú-Mậu **Trần-xuân-Đàn**. 45 trang. Nhà in Phúc-Sinh, 32 Hùng Vương, Huế. (không đề giá bán)

★ **Vạn vật học** Lớp đệ-Thất — Lớp đệ Lục — của **Nguyễn-cứu-Triệp**.

Động-vật học và Thực-vật học, theo chương-trình Bộ G.D. In lần thứ 2 có sửa chữa và thêm phần « nhận xét và thực hành ». Nhà xuất-bản Việt-Hùng, Sài-gòn. Mỗi quyển, giá 35\$.

★ **Mắt người yêu**, Thơ của **Vũ Thành**

Trên 20 bài thơ nhẹ-nhàng, khá-ái. Tác-giả xuất bản, giá 25\$.

★ **Buồn lên đôi vai**. Thi-tập của Triều Hoa Đại, Trinh-Đức, Tuyết-Ái, Linh Thùy-Giang, Viễn hà Nhân.

Những vần Thơ dễ thương của một nhóm bạn trẻ ở Đà-nẵng. Tác giả xuất bản, 38 trang. Giá 25\$



★ **Ô. Trần văn-Khê đính-chánh về bài thơ**
« Giận nhau » của Nguyễn - xuân - Huy
 (của Ô. Trần-văn-Khê Tiến-sĩ Văn-chương — Paris)

Kính gửi ông Nguyễn-Vỹ,
 Giám-độc chủ bút tạp-chí Phò-Thông
 233 Phạm-ngũ-Lão — Saigon.

...Trong tạp-chí Phò-Thông số 81, có một độc-giả ở Phan-Rang đặt câu hỏi : bài thơ « *giận nhau* » của thi-sĩ Nguyễn-xuân-Huy hay của Trần-văn-Khê ?

Cách đây hai tháng, nhân kỷ em tôi là Trần-văn-Trạch tổ-chức mấy đêm hát lấy tên là nhạc-hội KTK, trong chương trình có « *nhạc cảnh Người chinh phụ* » của tôi « sáng tác ». Thập ra, đó là bài thơ « *Chỉ có một lần thôi* » của Thi-sĩ Mộng-Trung do tôi phổ-nhạc. Tôi có gửi về các báo và tạp-chí ở Sài-gòn, một bài đính chánh trong đó ngoài việc nhạc cảnh nói trên, tôi có nhắc đến bài thơ « *giận nhau* » của thi-sĩ Nguyễn-xuân-Huy, do tôi phổ-nhạc để chơi, mà em tôi là Trần-văn-Trạch lại đem trình-bày trong nhiều đêm hát, và tự ý đưa cho nhà xuất-bản An-Phú in thành bài hát lại không đề tên thi-sĩ, tác-giả của bài thơ. Tôi không hề hay biết chi cả, đến lúc tình cờ, anh Nguyễn-ngu-Í gửi cho tôi bài hát « *giận nhau* », tôi thấy em tôi đã sửa đổi vài nét nhạc theo ý nó, — Việc đó tôi có thể bỏ qua. Nhưng việc đăng thơ mà không đề tên tác-giả, là một việc không thể tha thứ được. Lúc đó, tôi đang đau nặng, chỉ viết thư cho bạn tôi là Nguyễn Ngu-Í đề tỏ nỗi bất bình. Nhưng sau ba năm rưỡi nằm nhà thương, lúc về Ba-lê, tôi quên mất việc bài thơ phổ-nhạc ấy đi. Đến tháng 5 vừa qua, nhân lúc xảy ra việc « *nhạc cảnh Người chinh phụ* » tôi có bài đính-chánh việc trước lần việc sau.

Bài ấy, tôi có gửi cho quý báo. Nhưng có lẽ nó đã thất lạc, như một số thư cho các báo khác. Nếu có thể, xin Ông vui lòng cho đăng lại bài đính chánh tôi gửi theo đây, hay một đoạn có nhắc đến bài thơ « *giận nhau* » của thi-sĩ Nguyễn-xuân Huy, hoặc một bức thư này, để cho độc giả của quý báo.

nhất là Ông — hay Bà hoặc Cô — Song Diệp, khỏi thắc-mắc về tác-giả bài thơ « *giận nhau* ».

Theo lời bạn tôi là Nguyễn-Ngu-Í nói lại, tôi tin rằng Ông cũng đồng ý cho đăng đoạn tôi đính-chánh về bài thơ « *giận nhau* » để làm sáng tỏ sự thật.

Xin trân-trọng cảm ơn Ông. Chúc Ông và quý quyền vạn an.

Vitry-sur-Seine, ngày mồng 4 tháng 8, năm 1962

TRẦN-VĂN-KHÊ

● **Đề gởi các bạn xa gần**

Về bài thơ phổ nhạc « *Chỉ có một lần thôi* » nay đổi lại là « *Người chinh phụ* ».

Tôi không phải là nhạc-sĩ. Không cứ lâu-thông văn-phạm là có thể tự xưng mình là văn-sĩ, thuộc lòng luật trắc-bình là thành thi-sĩ. Tôi chỉ là một nhạc-học-giả, một người nghiên-cứu âm-nhạc. Nghiên-cứu chỉ cần đến óc suy-nghiệm, chứ sáng-tác phải cần đến tình-cảm và thiên-tư. Tự biết rằng trong con người tôi, phần lý-trí lấn áp phần tình-cảm, nên tôi đã hướng cuộc đời của tôi về công việc nghiên-cứu. Thật ra, tôi không có sáng tác nhạc mà chỉ phổ-nhạc những bài thơ tôi thích đọc. Ấy chỉ là « *ngâm-thơ* » một cách mới.

Đã ba lần, những bài thơ phổ-nhạc của tôi được đem ra mắt công chúng, mà tôi không biết trước — hay lúc tôi biết được thì việc đã rồi ! — Lần đầu, tôi đưa bài « *Đi Chơi chùa Hương* » cho anh Lê-Thương xem, thì anh cho ca-sĩ Mộc-Lan trình bày — Tôi không quên rằng, nhờ đó mà nhà xuất-bản Tinh-Hoa in bài thơ phổ nhạc và trong lúc tôi đau nặng nằm nhà thương trong mấy năm không phương sanh sống, tiền bản quyền tác-giả bài nhạc phổ ấy giúp tôi sống được mấy tháng. Lần thứ nhì, bài thơ « *Giận nhau* » của Nguyễn-Xuân-Huy mà tôi phổ nhạc lại do em tôi là Trần-văn-Trạch trình bày và giao cho nhà xuất-bản An-Phú in ra mà không đề tên thi-sĩ Nguyễn-Xuân-Huy. Lần thứ ba, đến lượt bài thơ « *Chỉ có một lần thôi* » của Mộng-Trung do tôi phổ nhạc cũng « *để chơi* » như hai bài thơ nói trên, từ năm sáu năm nay. Một đoạn quảng cáo đăng trong báo cho tôi biết rằng « *nhạc cảnh* » của tôi — cũng không có tên thi-sĩ như bài « *Giận nhau* » — được trình bày, làm tôi giật mình. Tôi nhớ rằng

trong lúc em tôi sắp về nước đến chơi với tôi thì anh em hát cho nhau nghe những bài hát mới. Tôi có hát cho em tôi nghe bài « chỉ có một lần thôi » và khi em tôi về nước tôi có viết thư cho em nó để nhắc rằng tôi không muốn em nó đem ra trình bày, hay cho xuất bản một bài nhạc phổ nào với tên tôi. Tôi biết rằng em tôi không bao giờ làm một chuyện ngoài ý muốn của tôi, nhưng có lẽ em nó không được thư tôi hoặc không hiểu ý tôi.

Tôi không bao giờ phủ-nhận một sáng tác của tôi đâu cho sáng tác ấy rất kém về mặt nghệ-thuật.

Nhưng tôi đã không phải là nhạc-sĩ, không sáng tác nhạc. Nhứt là một nhạc cảnh ! — mà một « nhạc cảnh » mang tên tôi được đem ra mắt công chúng làm tôi ngạc-nhiên. Việc đem nó ra ánh sáng với tên tôi, với cách Quảng-cáo ở-ạt làm tôi khổ tâm rất nhiều. Tôi không trách em tôi : chung qui có lẽ vì em nó thương tôi.

Mấy hàng trên đây tôi gởi các bạn xa gần. Chắc các bạn đã hiểu vì-sao tôi không chịu trách nhiệm tinh-thần về « nhạc-cảnh » ấy.

Paris, 5-5-1962

TRẦN-VĂN-KHÉ

★ « Điện trời... » và « máu trời »

(của ô. Nguyễn Đức-Linh, Nha-Trang)

... Gần đây chúng tôi vô cùng kinh ngạc khi nghe các báo đề cập đến câu chuyện một người thợ điện ở Hóc-Môn (Gia-định) tìm ra được điện trời. Theo như các nguồn tin ấy, ông thợ điện của chúng ta đã dùng những vật liệu vô cùng đơn giản : 1 ống plastique quấn dây đồng thành 3 cuộn : 1 cuộn nối với dây trời cao khoảng 3m, gắn vào một tấm thiết đục lỗ, 2 cuộn nối với hai đầu đèn neon và rồi... đèn bật sáng.

Thưa ông, là độc giả của Phổ-Thông chúng tôi rất mong được ông cho biết rõ hơn về nguồn tin ấy.

Nếu đó là sự thật, thì thưa ông, sự kiện ấy đã gây cho chúng tôi rất nhiều thắc mắc :

— Tại sao phát minh mới mẻ (?) ấy không được ai đề tâm đến, chỉ có vài tờ báo gióng lên trên 1 số báo... rồi im luôn, không bằng hồi nào 1 cô vũ nữ bị tạt... acide họ lại kéo dài trong 1 tháng trời với đầy đủ hi, nộ, ái, ố...

— Tại sao các nhà khoa-học của ta không lấy đó làm 1 đề tài nghiên-cứu hầu đưa ra nguyên tắc về dòng « điện trời ».

— Tại sao ông thợ điện ấy không được nâng đỡ nhiều hơn — đây mạnh về mặt kỹ nghệ điện lực — lại để ông ta đơn độc ngồi mòn từng cái đề bàn với giá 200 !

Thưa ông, cạnh nguồn tin ấy, trước đây chúng tôi có theo dõi báo chí về vụ mưa máu ở Qui-nhon. Nghe đâu các nhà khoa-học của chúng ta đã đem phân chất hẳn hoi những cục « máu trời » ấy. Và rồi vụ ấy đến nay cũng được người ta cho... im luôn không đưa ra một trả lời dứt khoát nào. Buồn cười hơn hết là có một tờ báo đã giải thích với bạn đọc rằng số máu ấy là do máu của một trận đánh ác liệt nào đó đã... bốc hơi lên !

Trước những nguồn tin vô cùng mới lạ và hấp dẫn ấy, chúng tôi rất mong mỗi nhận được những sự giải thích hợp lý.

Chúng tôi xin đặt hết tin tưởng ở Ông, kính mong Ông cho tôi và đa số bạn đọc ở xa được biết, biết một cách chính xác hơn — càng sớm càng hay — về những nguồn tin ấy...

Lời Tòa Soạn. — Về « nguồn điện trời », nhà Thăm-quyền ở Sài-gòn đã giải-thích rằng đây là luồng điện do các anten es Vô-tuyến điện ở gần đây phát ra. Về mưa máu, ông giám đốc nha khí-tượng đã giảng-giải rằng đây là bụi đất đỏ ở vùng Cheo-reo bay xuống dinh trong mưa.

Riêng chúng tôi, không có ý-kiến.

ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

★ *Diệu-Huyền*

★ Các bạn Lan, Huyền, Hương, Vân, Saigon

● Nhớ-giáo cho rằng con người lúc sơ-sinh, tính vẫn tốt, sau vì gần gũi xã-hội, bị ảnh-hưởng các tập-tục xấu, rồi có thể xa dần tính tốt mà thành ra tính xấu. (Nhân chi sơ tính bản thiện...) Nhà triết-học Pháp, Jean Jacques Rousseau (Thế kỷ XVIII) cũng chủ-trương con người sinh ra, bản-tính là tốt, (*l'homme est né foncièrement bon*). Thánh-kinh của Gia-tô-giáo lại bảo rằng con người sinh ra đã chịu tội-lỗi (*péché originel*) do tội-lỗi của Adam gây ra trước tiên. Phải nhờ phép rửa tội (Baptême) mới thoát được tội-lỗi. Phật-giáo thì không nói đến tội-lỗi, mà cho rằng con người sinh ra đã mang sẵn « nghiệp chướng », tức là phải chịu khổ (*Dukkha*) và phải tu-tính để diệt khổ. Tu tính là hướng về Thiện.

Theo Gia-tô-giáo, con người bị bảy đại tội (*sept péchés capitaux*) : Kiêu-căng, ganh-tỵ, hà-tiện, dâm-dăng, tham-án, giận-dối, lừa-biêng.

Theo Phật-giáo, tất cả các tội-lỗi đều gồm lại thành Ba đại-tội : Tham, sân, si. (Tham-lam, giận-dối, si mê).

● Ô. Hoàng-văn-Đa, KBC 4374/B

Ông sinh ngày 6-10-1937, tức là mồng 3 tháng 9 năm Đinh-Sửu.

★ **Cô H. H. Huế.** Về việc khai-sinh đứa con nuôi, cô nên hỏi thẳng tại phòng Hộ-tịch nơi địa-phương cô đang ở.

★ Ô. Trung-sĩ T. Đà-nẵng.

Trường hợp của ông cũng thế.

★ Ô. Hoài-Thương, Phan-Rang

● Theo khoa xem chỉ tay của Tây-phương thì nếu tự nhiên có chấm nhỏ trắng hiện trên móng tay-cái là điềm gặp tai nạn, trên móng tay-trỏ là điềm hạnh phúc, vui mừng, trên móng tay-giữa là thành công, đắc thắng, trên móng tay-đeo-nhẫn là thất bại về tình-duyên, bị phản bội, trên móng tay- út là hao tài. Chúng tôi chưa có kinh-nghiệm nhiều về những chỉ dẫn ấy nên không dám chắc là đúng hay không.

■ Những bài của các bạn ngoại quốc đăng trong *Phổ-Thông* là do các tác giả viết bằng ngoại-ngữ rồi nhờ tòa Đại-sứ của họ dịch ra Việt-ngữ trước khi gởi đến đăng trong *Phổ-Thông*.

★ Ô. Phong-Khê — Phú.Phong

● **Sắc-lệnh** (Decret) = mệnh lệnh do Tổng-thống ban bố (Quốc-trưởng một nước dân-chủ), hoặc do Thủ-tướng ban hành.

● **Sắc-luật** (Decret loi) = Đạo-luật do Tổng-thống ban bố, nhưng có giá trị và hiệu lực như pháp luật của Nghị-viện (viện lập pháp)

● **Dụ** = Mệnh lệnh của Vua, của Hoàng-đế, ban bố cho nhân dân (Edit)

● **Nghị-định** = Quyết định của Tổng-trưởng, Bộ-trưởng. Thủ hiến (Arrêté)

● **Quyết-nghị** : Quyết định của Tỉnh-trưởng, Quận trưởng, (Décision).

★ Ô. Võ Trọng, KBC 4110

Ngày 5-9 Tân Tỵ = 24-10-1941

Tuổi Tỵ kết bạn với tuổi Thân hợp lắm.

★ Ô. Trần Tường KBC 4728.

Ngày 10-2-1939 = 22 tháng chạp, năm Nhân-Dần.

★ Bạn Trần-đức-Vũ, Quế-sơn.

Tân-thị Hoàng-đế sinh năm 259 trước J. C, chết năm 210, là con của Trang-dương-Vương nhà Tần. Ông lên ngôi hồi 13 tuổi, năm 246 trước J. C, sau khi cha chết, và còn giữ niên-hiệu là Trần-vương-Chính. Mãi đến năm 221 (ông 38 tuổi) mới diệt hết 6 nước chư-hầu (Lục-quốc), nhất-thống nước Tàu, lấy niên-hiệu là Tần-thị Hoàng-đế.

★ Ô. Trần-trung-Lương, Saigon

● « Il s'en fut trouver... » (Nó đi tìm...) verbe être dùng các temps passés, còn có nghĩa là đi: *Et le souper fini, nous nous fûmes coucher* (Molière)

Il s'en fut = il s'en alla.

Acte de mariage = giấy hôn-thú, (Hôn-thư)

Contrat de mariage = Hợp-đồng hôn-thú (Theo Luật của Tây-phương, và hiện giờ Luật Việt-Nam cũng có, vợ chồng cưới nhau, đôi khi cần phải ký giao kèo để chỉ-định rõ-ràng những quyền-lợi riêng biệt về tinh-thần, và nhất là về vật-chất (tài-chính, kinh-tê, thương-mãi, v.v...) của vợ và của chồng, để tránh sự tranh-chấp về sau.

★ Em Đ. N. H. Bình-định.

Nếu em có mua bưu phiều để gởi Ô. L. B. K. thì ông

ây phải nhận được tiền. Còn nếu em bỏ giấy bạc trong thư đầu là thư bảo-đảm, số bạc ấy có thể mất được.

★ **Ô. Ph. v Th. Huế.**

● Đàn-bà sinh khó, phải mổ tử-cung rồi khâu lại, ít lâu sẽ lành, như trường-hợp vợ ông, thì không có hại gì đến việc sanh sản về sau. Khỏi « kiêng-cữ » gì cả. Nếu vì một lý do sức khỏe. Bác-sĩ « làm cho không sanh được nữa » như trong thư ông nói, thì sau này muốn sinh-sản nữa chắc là không được.

● Về việc mảy cái răng của cháu, ông nên đem cháu đến một Nha-y Bác-sĩ khám lại.

★ **Ô. Ng Vinh, Saigon**

Cầu Cơ là một hiện-tượng thuộc về Khoa-học Huyền-bí, không thể giảng-giải được.

★ **Bạn Bùi. N. Châu, Tam-Kỳ**

Ô. Phạm-Quỳnh bị sát hại ở Huế, và thi-hải chôn ngay tại đây. Mấy năm trước đây, Bà Phạm-Quỳnh có ở Đalat. Bà có một người con trai, là Ô Phạm-Bích, khoảng 1948-1953 làm bí-thư cho Cựu-Hoàng Bảo-Đại. Hiện giờ ông Phạm Bích ở bên Pháp.

★ **Ô. Ng. X Chiến, Huế.**

● Thành thật cảm ơn ông. Nhưng rất tiếc chúng tôi không có thì-giờ làm thêm một tạp-chí cho anh đồng.

● Trà-Khe, thuộc tỉnh Phú-Yên, về miền sơn-cước huyện Củng-sơn.

★ **Bạn Tuấn Linh, Huế.**

Vua Hàm-Nghi chết tại Algérie năm 1947.

★ **Ô. Lam-Giang, Liên đội I: KBC 4437**

Lý Trần Quán (1735-1786) là tên một nhân vật thời Chúa Trịnh, quê ở Hà đông, Bắc Việt. Ông chồng lại Tây-sơn, và tự tử sau khi hay tin Trịnh Khải bị Tây-Sơn bắt.

★ **Ô. Ngô tiến Dũng, Nha-trang.**

Mồng-một tháng giêng Tân Tị — 27-1-1941.

★ **Ô. Nguyễn Ngọc Châu, An xuyên**

Ông nên viết thư trực tiếp hỏi quý vị Thượng-Tọa tại Chùa Ân-quang, 635 đường Sư Vạn-Hạnh, Chợ-lớn.

★ **Ô. Trương văn Nhiêm, Nha-Trang**

Xin ông viết thư hỏi các tiệm sách lớn ở Sài-gòn, như Khai-Trí đường Lê Lợi, Xuân-Thu, đường Tự Do, v.v...

★ **Ô. Nguyễn Văn, Biên-Hòa**

Cô ấy sẽ bị tâm nã vì tự ý bỏ đơn vị (để trốn đi với tình nhân). Nên trở về và tự ý đến trình diện với cấp chỉ huy hơn là để bị bắt.

★ **Ô. Hà. v. Phúc, Chi-lăng, Huế**

● Có hai *Thuyết tương-đối* khác nhau, cần phải phân biệt.

A. Về *Triết-học*, gọi là *Học-thuyết Tương-đối* về sự hiểu biết (*Doctrine de la Relativité de la Connaissance*, hay là *Relativisme*). Học-thuyết này chia ra hai hình-thức: Tương đối chủ-quan và tương đối khách quan: *Relativisme Subjectif*, và *Relativisme Objectif*.

B— Về *Vật-lý học*, gọi là *Thuyết Tương-đối*. (*Théorie de la relativité*) do nhà Bác học Albert Einstein thuyết-minh năm 1905. Thuyết này chia làm ba phần: 1) *Tương-đối hạn-định* (*Relativité restreinte*), phần này được áp dụng trong Nguyên-tử học. 2) *Tương đối tổng-quát* (*Relativité généralisée*) và 3) *Điện từ trường đơn vị* (*Champ unitaire*).

Sẽ xin phân tách đầy đủ trong một bài dài hơn, nơi để mục khác.

● Về bài thơ « Qua Đèo Ngang tức cảnh » của bà Huyện Thanh-Quan, chúng tôi đã có lần nói đến trong *Phổ-Thơ* bộ cũ, Số 3 (Tháng 4-1952);

★ *Bước đến Đèo ngang bóng xế tà*
(xế tức là tà, thừa nghĩa)

★ *Lác-dác bên sông chợ mấy nhà*
(chợ mấy nhà, không có nghĩa)

★ *Thương nhà mỗi miêng cái gia gia*
(Có con chim Đa-đa, chứ không có chim đa-đa hoặc gia-gia)

★ *Dừng chân đứng lại; trời, non, nước.*
(Dừng chân: đứng lại. Thừa nghĩa)

● Chúng tôi không có đọc bài trong báo *Mã-thượng* nhận-xét về Diệu-Huyền.

★ **Cô Huyền-Nhung, Võ Tánh Saigon.**

Rất tiếc, truyện ấy không đăng được.

★ **Bà Ng. thị-Nhì, Thăng Bình, Quảng-Nam.**

Bà nên gửi đơn ấy ra Tòa-án Huế. Chúng tôi không thể đăng lên báo được, xin bà thông cảm.

★ **Một nhóm Hương Sư Phú-Khuyết.** Quý bạn nên gửi thẳng đơn khiếu-nại lên Bộ Giáo-Dục.

TRẢ LỜI CHÚNG NHỮNG ĐỘC-GIẢ MUỐN MUA BẢO DÀI HẠN ĐỂ TẶNG CÁC BẠN Ở XA.

Thẻ theo lời yêu-cầu của đa số quý bạn muốn mua **PHỔ-THÔNG** dài-hạn để tặng các bạn thân ở trong nước và ngoại-quốc, chúng tôi xin vui lòng ứng giá đặc-biệt như sau đây :

A. —

Trong nước

- 1) Giá báo : 6 tháng = 110\$
12 tháng = 210\$ (kể cả số Xuân)

Tiền cước phí gửi báo, do nhà báo chịu.

2) Xin ghi Tên, họ, và địa-chỉ của người gửi và người nhận thật rõ-ràng, chắc chắn.

3) Thư mua Báo xin kèm theo bưu phiếu đề tên ông Giám-đốc, nhà báo nhận được bưu phiếu sẽ gửi Biên lai làm bằng.

B. —

Ngoại quốc

Theo bản giá báo gửi bằng phi cơ, trừ 30%

● Điều-kiện 1) Xin ghi thật rõ ràng và đích-xác tên họ của người gửi tặng, và người nhận báo tặng.

2) Thư mua báo tặng, xin kèm theo ngân phiếu bưu điện đề tên ông Giám-đốc.

★ Những số báo gửi tặng đều có phiếu giấy xanh, theo kiểu dưới đây, dán nơi trang đầu quyền báo :

★ PHỔ - THÔNG TẠP - CHÍ ★

Do

thân tặng

Từ số _____ đến số _____

Nhờ Tòa-soạn Phổ-Thông vui lòng chuyển giao

ÁI TÍN

Chúng tôi rất cảm-dộng được tin Cụ NGUYỄN-HỮU-CÀN đã mệnh-chung tại Nha-Trang ngày 21-7-1962, hưởng-thọ 72 tuổi. Chúng tôi kính gửi lời chân-thành phân-xu với hai bạn Trinh-Tiên, Bửu-Đào cùng quý quyến, và xin cầu-nguyện cho Hương-hồn Bác được tiêu-diêu Tiên-cảnh.

NGUYỄN-VỸ

Thi Lịch ESSO

Kính gửi Quý vị Hòa-sĩ,

Xin hân hạnh báo tin quý vị năm nay cuộc triển-lãm hội họa thường niên của Hãng chúng tôi sẽ tổ chức vào tháng 9 tới đây.

Cũng như mấy năm trước, mười hai tấm tranh đặc sắc nhất sẽ được chọn đề in lịch ESSO 1963 và sẽ được phổ biến khắp cõi Việt-Nam.

Chúng tôi thành tâm mong mỗi quý vị hưởng ứng hoạt động văn hóa này và sẽ tham gia đông đảo.

Chúng tôi sẵn sàng chờ đón tác phẩm của quý vị.

Muốn biết thêm chi tiết, xin liên lạc với Phòng Giao Tế Hãng Dầu ESSO.

**ESSO STANDARD
EASTERN, INC.**

Dính kèm :

- Bản thẻ lệ
- Phiếu dự thi
- Phiếu dán tranh

NGUYỄN-LÂU
Chánh Sở Giao-Tế

THƯ LÂM ÁN THƯ QUÁN

231-233, Phạm Ngũ Lão — Sài Gòn

Điện-thoại : 25.861

Số thương-mại Sài Gòn số 640 A

Số Quốc Gia Danh Bội 25 129 54 001

- In sách báo, các loại sổ sách, giấy tờ văn-phòng bằng Việt, Pháp, Anh, Hán-tự.
- In lịch treo — Lịch bỏ túi — Nhân hiệu, bao hộp — Đóng sách đẹp
- Cung cấp dài hạn ấn-phẩm, dụng-cụ văn-phòng cho công sở, tư sở tại Sài Gòn và các Tỉnh.
- Có xưởng máy cung cấp các thứ phù hiệu, cờ cho các hiệu đoàn, nhân cờ áo (etiquettes) lớn, nhỏ đủ loại, đủ cỡ. Màu đẹp, bền không phai.
- ★ Gửi bưu phiếu nhanh toán xin dùng Thiếp phiếu mẫu CH. 1418 (do Bưu-điện phát không) chuyển tiền vào Trương mục :

Sài Gòn T/M số 2701

THƯ LÂM ÁN THƯ QUÁN

- ★ Gửi tiền bằng cách này không tốn cước mandat và có thư chỉ cả, lại được nhanh chóng và không sợ bị thất lạc.

TRONG MỌI GIA ĐÌNH

XÁ-XI!

HỎA-TIẾN

Được mọi
người ưa
chọn

NƯỚC NGỌT "CON CỌP" Ở ĐÂY
ĐÂY LÀ KHỎE, MẠNH, SỐNG LÂU,
YÊU ĐỜI



Tinh chế với rễ cây xá xỉ chọn lọc, không pha thêm hương chất giả tạo, **XÁ XỈ HỎA TIẾN** thơm ngát một hương vị đặc biệt, tự nhiên, của rễ cây xá xỉ, không có mùi vị hắc gắt, khó uống. Giữ nguyên được mọi dược tính căn bản quý giá của rễ cây xá xỉ, như : giải cảm, lọc máu, trị tê thấp, chống bệnh suy nhược, lại thêm tính chất thơm ngon, tinh khiết, **XÁ XỈ HỎA TIẾN** xứng đáng là món giải lao của mọi người, trong mọi gia-đình.

BẠC HÀ CON CỌP với tính chất của bạc hà thiên nhiên, cũng có đặc tính ngừa và trị các bệnh thuộc bộ tiêu hóa và bộ hô hấp thường xảy ra trong lúc thời tiết nóng và ẩm thấp.

Công - Ty Bảo - Hiểm

« LE SECOURS »

Công-Ty Bảo-Hiểm và Liên-Hiệp Bảo-Hiểm những tai-nạn, hỏa-hoạn, hàng hóa, trộm cắp và tất cả các rủi ro.

Trụ sở chánh :

30-32, đường Laffitte - Paris (9ème).

Chi-Cuộc Viễn-Đông :

16, đại-lộ Nguyễn-Huệ (Charner cũ) Saigona

Điện - Thoại : 20.461

● Bồi thường mau lẹ

● Nghị thức giản tiện

Khi hữu sự hãy hỏi thăm liền chớ ngần ngại — Mọi sự dễ dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo-hiểm.

BỆNH ĐAU THẬN

CƠ THỂ SUY NHUỘC

Liệt dương bất lực, thần hình ốm yếu, lưng đau, đầu nhức, mắt mờ, biếng ăn mất ngủ, hết muốn hoạt động vì lý do phí sức thức đêm, sắc dục quá độ sanh ra mộng mị di tinh, muốn dứt bệnh Đau Thận uống thuốc CƯỜNG THẬN TINH QUẢNG AN HÒA tráng dương bổ thận tăng cường sinh lực, ăn ngon ngủ được khỏe, mạnh.

Bệnh đau gan, yếu gan

GAN NÓNG HÒA VỌNG, táo bón nổi mề đay, nổi mụn sần ngứa ở mặt, môi miệng lở, nổi hạch, nhọt, ghê, da thịt phù thũng, thường chóng mặt da vàng mét, suy kém, biếng ăn, mất ngủ. Thanh niên. Phụ nữ, phần nhiều bị chứng bệnh trên đây, do vui uống cà phê, trà đậm, rượu nóng sanh ra, nên dùng thuốc ĐAU GAN SỐ : 1 QUẢNG AN HÒA thanh lọc thông đường tiêu tiện chầm, dứt bệnh đau gan. Lành bệnh uống thêm thuốc BỔ GAN SỐ : 2 QUẢNG AN HÒA bồi bổ lá gan, điều hòa cơ thể, ăn ngon, ngủ được, đem lại sức khỏe và sắc đẹp màu da. (có bán khắp nơi) Dùng được sĩ : LY TRẮC,

169 Lê-văn-Duyệt — Saigon

- THUỐC SUYỄN** Nguyễn-văn-Sanh
- 1.- Ai uống cũng lành
 - 2.- Thuốc tê - bại
 - 3.- Thuốc di huyệt - tinh
 - 4.- Thuốc Phong - tình
 - 5.- Thuốc huyết - bạch
- Đồng được-viện **NGUYỄN-VĂN-SANH**
807, Trần-hưng-Đạo — Saigon



BILAXINE
*Thuốc
nuốt trường*

CÓ BÁN KHÁP NHÀ THUỐC AU MỸ

XỔ-SỐ KIẾN-THIỆT QUỐC-GIA

**GIÚP NƯỚC THÊM NHÀ
TA THÊM CỦA**

**LÔ ĐỘC ĐẮC
1.000.000\$**

**Xổ Thứ Ba Hàng Tuần
mỗi vé 10\$**

*Thần-Tài chẳng vị riêng ai
cứ mua vé số
thì Thần-Tài sẽ đến thăm*

4 Dược phẩm của Bác-sĩ ĐẶNG-VĂN-HỒ

MORINDOL

Tất cả các đức tính của rễ nhàu mà Bác sĩ Hồ đã tuyên bố từ năm 1953-55 nay đã được nhiều nhà bác học ngoại-quốc công nhận sau nhiều cuộc thí-nghiệm. Họ đã công nhận *rễ nhàu là môn thuốc rất hiệu nghiệm đối với chứng lên máu (Hypertention artérielle)*. Nước Pháp đã cho phép dùng rễ nhàu (visa số 22.774 — 18.927).

MORINDA NERVA

« Nếu tôi phải kể những chứng bệnh mà tôi đã thí-nghiệm bằng thuốc này và có kết quả rõ ràng thì đây là danh sách những bệnh ấy. *Bệnh khó ngủ, ngủ không êm giấc, hay buồn rầu (neurasthénie), hay xúc động (nervosité irritable), hay lo âu, hồi hộp, tim đập không đều, tinh thần mệt mỏi, hoảng hốt, không tỉnh táo (gâtisme) v.v...*

« Thuốc này rất công hiệu đối với những chứng bệnh nói trên »

Ngoài ra đối với những học-sinh cần thêm sáng dạ thì thuốc này còn có công-dụng huyền-diệu không thuốc nào bằng. (B. s. Đặng văn Hồ).

COQUELUCHE

Trị bằng thuốc này bệnh *Ho Gà* chỉ trong 2 tuần lễ có thể lành và đứa bé vẫn ăn ngủ điều hòa nên ít bị các biến chứng nguy hiểm. *Coqueluchine* trị *Ho Gà* theo một nguyên tắc hoàn toàn mới là một thứ thuốc tiên-phong trong cách trị bệnh này.

HEMOPTYSOL

Trị chứng *thở huyết* rất hiệu nghiệm và ngừa biến chứng rất hay.

Nếu bệnh *nhơn* không còn phải sợ chứng *khái huyết* nhờ có thuốc *Hémoptysol* thì chắc hẳn bệnh *lào* sẽ không còn là chứng bệnh nan-ý.

Bốn dược-phẩm kể trên có bán tại các nhà thuốc Tây và các Dépôts

Bán sỉ tại 246 đường Cống-Quỳnh Saigon.

COQUELUCHE ★ HEMOPTYSOL

AI ĐAU GAN NÊN DÙNG THUỐC

HEPATIC

Ai đau gan?

NÊN DÙNG THUỐC

HEPATIC

CÓ BÁN KHẮP CÁC NHÀ THUỐC ÂU MỸ

HEPATIC

Chuyên trị bệnh đau gan rất công hiệu

Asphélyne



Đặc biệt trị:
• SUYỄN

*Không thua gì
thuốc ngoại quốc*

**PHARMACIE
KIM-QUAN
SỐ 1 CHỢ BẾN THÀNH
SAIGON**

Giấy phép số 292 CDV/TT/NĐ ngày 9-10-1961

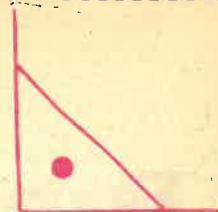
Quản nhiệm: **NGUYỄN-VỸ**

In tại **THƯ LÂM ÁN THƯ QUẢN**
231-233, Phạm Ngũ-Lão — Sài-gòn

KINH LÝ VĂN PHÒNG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ — Saigon

Điện-thoại: 23.187



Phạm - văn - Lạng

Giám - Định Trắc - địa - sư

Géomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giần

SAIGON

CALCIUM TANA **A L'ACIDE GLUTAMIQUE**

Thuốc **CALCIUM TANA** à **L'ACIDE GLUTAMIQUE** là thuốc uống để phòng lao và bổ óc rất cần cho Sinh-viên và Trí-thức lao-lực để bồi bổ tinh thần và nâng cao trí tuệ.

Nhiều nhà Bác-học **ÂU-MỸ** đã dày công nghiên cứu và cùng đi đến kết luận sau đây: chất **ACIDE GLUTAMIQUE** bồi bổ cho óc người lớn cũng như con nít được thêm trí nhớ và trí thông minh.

Trong thuốc **Calcium TANA** à **L'Acide glutamique** có thêm Glycocolle chất này là một thứ **Acide animé** mà ta thường thấy trong Cao hồ cốt, Cao gạc, Cao dương, Cao quý v.v... Glycocolle đem sinh lực giúp cho người làm việc nhiều khối một nhọc và ăn được, ngủ được.

Còn về chất **Calcium** thì từ xưa đến nay đã được Y-học dùng để phòng và chữa các thứ bệnh lao, như là lao phổi mà các giới Sinh-viên, Trí-thức và lao-dộng thường hay mắc phải. Chất **Calcium** cũng rất cần cho trẻ em ốm yếu, lâu lớn cũng như cho phụ-nữ trước và sau ngày sanh đẻ.

Muốn đem áp dụng những kết quả tốt đẹp đó, nhà thuốc **TANA** chế ra thuốc **CALCIUM TANA** à **L'ACIDE GLUTAMIQUE** để **Đồng-bào dùng**.

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC ÂU-MỸ